

Bước Đầu Học Luật



TK Thích Thiện Phước

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au>

Chuyển sang ebook 18-03-2016

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI TỰA BƯỚC ĐẦU HỌC LUẬT

Quyển Thượng: Sa Môn Tự Tổ Hiệu Nguyên Hiền Ở Đất Cổ Sơn Phúc

Châu Thuật Vào Đời Nhà Minh

DUYÊN KHỞI CỦA LUẬT BỘ

TAM QUI Y

NGŨ GIỚI

BÁT QUAN TRAI

UÙ BÀ TẮC GIỚI

GIỚI SA DI

GIỚI THỨC XOA MA NA

TỶ KHEO GIỚI

PHÁP TỬ Y

TỶ KHEO NI GIỚI

BỒ TÁT GIỚI

**Quyển Trung: Sa Môn Tự Tổ Hiệu Nguyên Hiền Ở Đất Cổ Sơn Phúc
Châu Thuật Vào Đời Nhà Minh**

KẾT GIỚI

BỒ TÁT

THUYẾT DỤC

AN CƯ

TỰ TỬ

THỌ DƯỢC

CHIA VẬT CỦA TẶNG QUA ĐỜI

PHÁP SÁM HỐI SÁU NHÓM TỘI

PHÁP SÁM HỐI TỘI TẶNG GIÀ BÀ THI SA

PHÁP SÁM HỐI TỘI THẬU LAN GIÁ

PHÁP SÁM HỐI TỘI BA DẬT ĐỀ

PHÁP SÁM HỐI TỘI BA LA ĐỀ ĐỀ XÁ NI

PHÁP SÁM HỐI TỘI ĐỘT KIẾT LA

**Quyển Hạ: Sa Môn Tự Tổ Hiệu Nguyên Hiền Ở Đất Cổ Sơn Phúc Châu
Thuật Vào Đời Nhà Minh**

TỰ CỤ

PHÉP TẮC HẰNG NGÀY

BÀN VỀ SỰ SAI LÀM THỌ GIỚI

PHÁP SỐ LUẬT HỌC

---o0o---

LỜI TỰA BƯỚC ĐẦU HỌC LUẬT

Mùa Đông năm Bính Tuất, tôi đã soạn xong bộ Giới Bồn Ước Nghĩa. Có vị khách Tăng đem bộ Luật Học Yết Yếu đến xin ý kiến, đa phần những điều tôi được xem qua, không thấy có trong luật học mà chỉ thấy nhặt lượm từ những sách khác. Thật là gom nhặt theo lối học trò của Thủy Lạp Hạc. Nhân thế mới soạn ra bộ Luật Học Phát Dẫn (Bước Đầu Học Luật) này để nêu bày. Nói “phát dẫn” nghĩa là chỉ bày thật cẩn thận lúc ban đầu.

Phàm muốn đi xa ngàn dặm thì phải phát xuất từ bước ban đầu, bước đầu một khi lầm lẫn thì muôn dặm uổng công. Cho nên người mới học không thể không cẩn thận. Nếu như tin nhầm theo người quấy, học tập sai lầm rồi nói xằng nói nhảm, dù có học trọn đời đi nữa mà vẫn không biết là điều sai, truyền trao trải qua nhiều đời rồi cho rằng là đúng, để lại sự tai hại

có thể tính kể được ư? Những điều gom nhặt này, ngõ hầu nêu bày đầu mối quan trọng của các giới, khiến cho người học sau biết chỗ hướng về. Tuy chưa đạt đến chỗ tột cùng rộng rãi tinh vi, nhưng hễ ngay nơi đó mà truy cầu thì đều được gọi là rộng rãi tinh vi, điều chắc chắn là không thể vượt ra bản này. Như khi đi khỏi cửa phải đem mỡ bôi vào trục xe, mà lại bôi vào vết xe, thì sẽ không thể đi xa đến nơi vậy. Cho nên sách này tuy kém cỏi, nhưng chỗ liên quan rất lớn. Vì thế tôi không ngại từ chối sự chê cười cho là chuyện vụn vặt mà tập hợp thành. Nếu bậc cao minh nào tự có thể xem trọn luật tạng thì có thẩm thía gì ở bộ sách này.

Ngày Phật thành đạo mùa Đông năm Bính Tuất

Vĩnh Giác lão nhơn kính cẩn viết

---o0o---

**Quyển Thượng: Sa Môn Tự Tổ Hiệu Nguyên Hiền Ở Đất Cổ Sơn
Phúc Châu Thuật Vào Đời Nhà Minh**

DUYÊN KHỞI CỦA LUẬT BỘ

Thuở xưa, đức Thế tôn cùng 500 vị Tỳ kheo, khi an cư ba tháng hạ trong trú xứ của Bà La Môn Tỳ Lan Nhã. Tôn giả Xá Lợi Phất ở nơi nhàn tĩnh, nghĩ rằng: “Vị Đẳng Chánh Giác nào có phạm hạnh tu tập, Phật pháp được tồn tại lâu dài? Vị Đẳng Chánh Giác nào có phạm hạnh tu tập, Phật pháp không được tồn tại lâu dài?”. Rồi ngài đến hỏi Phật. Phật dạy: “Đức Phật Tỳ Bà Thi, đức Phật Thích Khí, đức Phật Câu Lưu Tôn, đức Phật Ca Diếp, các đức Phật này có phạm hạnh tu tập, chánh pháp được tồn tại lâu dài. Đức Phật Tỳ Xá La, đức Phật Câu Na Hàm có phạm hạnh tu tập, chánh pháp không được tồn tại lâu dài”. Tôn giả hỏi: “Vì có sao?”. Phật dạy: “Các Đức Phật Câu Na Hàm, Tỳ Xá La không rộng nói mười hai bộ kinh cho các đệ tử, nhấn đến không kết giới, cũng không thuyết giới, cho nên các đệ tử mệt mỏi nhằm chán, do đó chánh pháp không tồn tại lâu dài. Các Đức Phật Tỳ Bà Thi... rộng nói mười hai bộ kinh cho các đệ tử, nhấn đến kết giới, thuyết giới, cho nên chánh pháp được truyền bá khắp đến đời sau, không hề cho mau diệt mất”. Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa oai nghi bạch Phật: “Vậy thì kính xin đức Thế Tôn kết giới, thuyết giới cho các tỳ kheo, khiến chánh pháp được tồn tại lâu dài”. Phật dạy: “Thôi đi! Ta tự biết thời”.

Về sau, vì các Tỳ kheo phát sanh pháp hữu lậu, Ngài bèn theo từng việc mà kết giới. Kết giới tóm lược có mười nghĩa:

- 01/ Nhiếp thủ đối với Tăng.
- 02/ Khiến Tăng hoan hỉ.
- 03/ Khiến Tăng an lạc.
- 04/ Khiến người chưa tin sanh lòng tin.
- 05/ Người đã tin thì khiến cho tăng trưởng.
- 06/ Người khó điều thuận khiến cho được điều thuận.
- 07/ Khiến người hồ thẹn được an lạc.
- 08/ Dứt trừ nghiệp hữu lậu trong hiện tại.
- 09/ Dứt trừ nghiệp hữu lậu trong vị lai.
- 10/ Khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài.

Sau khi Phật thành đạo, năm ba mươi tám tuổi, Ngài đến thành Vương Xá, Quốc vương thiết trai cúng dường, Ngài thọ thực xong, bảo La Vân rửa bát, Tôn giả sảy tay bát rơi xuống đất và vỡ thành năm mảnh. Phật dạy: “Đây là biểu hiện điềm, sau khi ta diệt độ 500 năm đầu, các tỳ kheo ác hạnh chia tạng Tỳ Ni ra làm năm bộ. Về sau tổ thứ tư là tôn giả Cúc Đa có năm người đệ tử, ai nấy đều chấp lấy tri kiến của mình, nên quả nhiên chia tạng Tỳ Ni ra làm năm bộ: 1/ Bộ Đàm Vô Đức. Trung Hoa dịch là Pháp Mật, Pháp tên là Tứ Phần; 2/ Bộ Tát Bà Đa. Trung Hoa dịch là Nhất Thiết Hữu, Pháp tên là Thập Tụng; 3/ Bộ Di Sa Tắc. Trung Hoa dịch là Bất Trước Hữu Vô Quán, Pháp tên là Ngũ Phần; 4/ Bộ Ca Diếp Di. Trung Hoa dịch là Trùng Không Quán, Pháp tên là Giải Thoát; 5/ Bộ Bà Thô Phú La. Trung Hoa dịch là Trước Hữu Hành cũng gọi là Độc Tử. Bộ này Cựu luật gọi là: Ma Ha Tăng Kỳ, Trung Hoa gọi là Đại Chúng. Tăng Kỳ là căn bản, chia ra làm năm bộ. Hiện tại bộ Luật Độc Tử này chưa truyền sang Trung Hoa, còn Ca Diếp Di chỉ có một quyển Giải Thoát Giới Bản, còn ba bộ kia hoàn toàn đầy đủ.

Nói đến duyên khởi chia ra năm bộ, các Luật sư ở Trung Hoa truyền thọ cũng đều nói như thế, nhưng theo bộ “Xá Lợi Phát Vấn Kinh” đã ghi lại về sự huyền ký của Phật so ra có phần khác xa, nay xin chép lại như sau:

Xá Lợi Phát Vấn Kinh chép: “Xá Lợi Phát bạch Phật rằng: Vì sao Thế tôn nói ra giới luật cho các Tỳ Kheo, hoặc khai hoặc ngăn, đời sau này Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, phụng trì bằng cách nào? Phật dạy: Như ta đã nói: Đó là tùy thời, ở trong thời gian này nên vâng làm theo lời nói này, ở trong thời gian khác là nên vâng làm theo lời nói khác vì để lợi hành, vậy tất cả đều nên phụng trì. Sau khi ta Niết Bàn, Đại Ca Diếp... nên cùng phân biệt để cho các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni nương theo, như ta còn ở đời không khác. Ca Diếp truyền trao cho A Nan, A Nan lại truyền cho Mạt Điền Địa, Mạt Điền Địa lại truyền cho Xá Na Bà Tư, Xá Na Bà Tư lại truyền cho Ưu Ba Cấp Đa. Sau Ưu Ba Cấp Đa có vua Khổng Tước Luân Kha hoàng truyền kinh Luật ở đời, cháu ông tên là Phát Sa Mật Đa La, tiếp nối ngôi vua tin theo tà thuyết, thống lĩnh binh chúng phá tháp giết tăng, máu chảy thành sông, 500 La Hán chạy trốn vào hang núi, kẻ đến là thiêu đốt kinh điển. Bồ tát Di Lặc dùng sức thần thông mang kinh luật ta lên tận cõi trời Đâu Suất.

Kể đến Tháp Nha Xi, tháp thần nói rằng có thần Trùng Hành trước đây đòi con gái tôi, tôi cự tuyệt không cho. Nay thề nguyện hộ pháp, bèn đem con gái ra cho, đến nỗi trong lòng kính phục, thần Trùng Hành vui mừng, tay bưng núi cả để đè vua và bốn binh chúng đều chết hàng loạt. Về sau có vị vua tánh rất hiền lương, Bồ tát Di Lặc hóa làm 300 đồng tử xuống nhơn gian để cầu Phật đạo, theo 500 La Hán hỏi thọ nhận giáo pháp. Bấy giờ kẻ nam, người nữ trong nước lại cùng nhau xuất gia, bốn chúng như thế lại càng đông nhiều. La Hán mới bay lên trời để tiếp thỉnh kinh Luật, đem về nhơn gian. Bấy giờ có tỳ kheo tên là Tổng Văn hỏi các La Hán và Quốc Vương, ta nên phân kinh Luật ra và lập nhiều đài quán, vì việc cầu học khó được.

Đương thời, có một tỳ kheo trưởng lão ham thích tiếng tăm danh lợi, liền đứng tranh luận: Chép sửa Luật ta, mở bày thêm rộng, Ca Diếp kết tập gọi là Đại Chúng Luật, gom nhặt những điều bên ngoài mà để lại, thật luống dối cho những người mới học, riêng tạo ra bè đảng, cùng nhau nói thị phi. Khi ấy, có tỳ kheo cầu vua phán xét, vua bèn nhóm hai bộ lại làm pháp rút thẻ trắng và đen, vua ra lệnh với mọi người rằng: “Nếu ai tin ưa theo Cựu Luật thì rút lấy thẻ đen, còn ai tin ưa theo Tân Luật thì nên rút lấy thẻ trắng”. Bấy giờ người rút lấy thẻ đen có đến vài vạn, còn người rút lấy thẻ trắng chỉ

được vài trăm. Vua cho rằng tất cả đều là Phật nói nhưng sao có sự tin ưa không đồng, không được ở cùng một chỗ, người Cựu học thì nhiều. Kể từ đó mới có tên gọi là Ma Ha Tăng Kỳ vậy. Người học tân ít, nhưng toàn là những bậc thượng tòa, nên từ đó lấy thượng tòa để đặt tên là Tha Tỳ La vậy. Bộ Tha Tỳ La này, sau khi ta Niết Bàn 300 năm, vì có sự tranh luận nên lại có thêm bộ Tát Bà Đa và bộ Độc Tử. Trong bộ Độc Tử này lại chia ra: bộ Đàm Ma Uy Đa Biệt Ca, bộ Bạt Đà La Da Ni, bộ Sa Ma Đế, bộ Sa Na Lợi Ca. Còn bộ Tát Bà Đa lại chia ra: bộ Di Sa Tắc, bộ Mục Kiền La Ưu Ba Đề Xá. Khởi duyên từ bộ Đàm Vô Quật Đa Ca, bộ Tô Bà Lợi Sư, bộ Tha Tỳ La. Lại có thêm bộ Ca Diếp Duy, bộ Tu Đa Lan Bà Đề Na. Trong 400 năm lại xuất hiện bộ Tăng Ca Lan Đề Ca, bộ Ma Ha Tăng Kỳ. Sau khi ta diệt độ 200 năm, nhân do các luận thuyết khác mà có các bộ: Bính Bà Ha Là, Lô Ca Uy Đa La, Câu Câu La, Bà Thâu Lô Đa Kha, Bát Lạp Nhã Đế Bà Da Na. Trong 300 năm, nhân vì các dị học mà ở năm bộ này lại có thêm các bộ: Ma Ha Đề Bà, Chất Đa La, Mạt Đa Lợi, rất nhiều những bộ như thế truyền bá lâu dài về sau, hoặc đúng hoặc sai ngoài năm bộ này ra mỗi bộ đều có nêu ra sở trường.

Bộ Ma Ha Tăng Kỳ, cần học các kinh, tuyên giảng nghĩa chơn thật, để xử những việc trong trú xứ, nên đáp y vàng.

Bộ Đàm Vô Quật Đa Ca, thông đạt chơn lý, mở bày chỉ dẫn những lợi ích, nêu bày lẽ thù thắng nên đáp y màu đỏ.

Bộ Tát Bà Đa, rộng rãi thấu đáo tường tận, để dẫn dắt giáo hóa, nên đáp y màu đen.

Bộ Ca Diếp Duy, tinh cần dõng mãnh, nhiếp hộ chúng sanh nên đáp y màu vỏ cây Mộc Lan.

Bộ Di Sắc Tắc, thiên tư đến chỗ vi diệu, bàn bạc thấu đáo lẽ u mật, nên đáp y màu xanh”. Thuyết trước thì cho rằng năm bộ phân chia cùng một lúc, thuyết sau thì cho rằng năm bộ lần lượt phân chia. Thuyết trước thì nói bộ Độc Tử, thuộc một trong năm bộ, Tăng Kỳ chẳng được đề cập vào. Thuyết sau nói bộ Độc Tử đã lạc mất, nên tính thêm bộ Tăng Kỳ vào để đủ số năm bộ. Hai luận thuyết trên chưa xác định rõ ràng, lấy lý mà suy thì lý của năm bộ không cùng một thời và cũng không phân chia. Hơn nữa, kinh Luật của bộ Độc Tử không truyền sang nước Trung Hoa. Do đó ta có thể biết rằng bộ đó không có lưu truyền lại đời, nghĩ rằng nên căn cứ thuyết sau là sự thật. Sở

đã nói năm bộ chia làm năm màu y chính là năm hoại sắc, chẳng phải là năm sắc chính vậy.

Có kinh ngụy tạo tên là Di Giáo Tam Muội kinh, nói rằng: “La Tuần dụ khi đi khát thực⁽¹⁾ trở về tay không. Phật biết tức nhân, bèn sai Tăng đem Luật chia làm năm bộ, y phục cũng chia làm năm màu, khiến cho hàng ngày tùy theo mỗi một bộ trong khi đi khát thực liền được nhiều thức ăn”. Đây toàn là những lời ngụy tạo, Chuyện La Tuần Dụ chính là do Phật huyền ký, chẳng phải câu chuyện khi Phật còn ở đời. Phương chi nói rằng Phật bảo Tăng chia Luật ra làm năm bộ, màu y cũng chia làm năm. Như vậy Phật là người làm loạn đầu tiên rồi vậy, thật là sai lầm quá lắm. Bậc trí nên xem trong quyển Xá Lợi Phất Vấn Kinh sẽ tự biết vậy.

Xá Lợi Phất bạch: “Chánh pháp của Như Lai làm sao chỉ trong thời gian ngắn mà bị phân tán như thế. Đã mất bốn vị thì làm sao vâng giữ?”. Phật dạy: “Pháp vị của bộ Ma Ha Tăng Kỳ là thuần chánh, ngoài ra trong các bộ khác như thêm nước vào cam lộ, chừ thiên khi uống thì chỉ uống cam lộ, còn nước lại chừa lại. Nhưng ở nhơn gian khi uống, thì uống cả cam lộ lẫn nước, vì vậy mà có khi tiêu trừ tật bệnh, có khi gây thêm bệnh duyên. Việc đọc tụng cũng lại như vậy, người nhiều trí huệ, biết điều nào nên lấy, nên bỏ, còn những kẻ ngu si thì không thể phân biệt”.

---o0o---

TAM QUI Y

Quy y nghĩa là quay trở về, do vì xưa kia theo con đường tà vạy trái với chánh pháp, trôi dạt trong sáu nẻo, nay biết đó là điều quấy, liền xoay tà tâm kia trở về chánh đạo, do đó mới lập ra pháp tam quy. Nhất định cần phải dốc lòng quay về nương tựa, không nên lơ là.

Quy y Phật rồi thà bỏ thân mạng, trọn đời không quy y Tự Tại Thiên.

Quy y Pháp rồi thà bỏ thân mạng, trọn đời không quy y với điển tịch ngoại đạo.

Quy y Tăng rồi thà bỏ thân mạng, trọn đời không quy y với chúng tà ma ngoại đạo.

Nếu không biết như thế thì không gọi là quy y. Pháp tam quy này có năm cấp bậc không đồng nhau:

1. Phiên tà tam quy: Chính là người ở thế tục mới biết qui hướng.
2. Ngũ giới tam quy: Chính là người ở thế tục thọ trì năm giới cấm.
3. Bát giới tam quy: Chính là người ở thế tục thọ trì tám giới cấm.
4. Thập giới tam quy: Chính là người mới xuất gia làm Sa Di.
5. Bồ Tát tam quy: Chính là người phát tâm thọ giới Bồ Tát.

Lúc ban đầu tự mình bỏ trần tục, dốc lòng theo đạo, điều chính yếu là phải nương tựa Tam bảo.

Tam Bảo cũng có nhiều bậc:

1. Hóa tướng tam bảo: Thân vàng của Như lai một trượng sáu là Phật bảo; Bốn đế, mười hai nhơn duyên là pháp bảo; Thanh Văn, Duyên Giác và các Thánh Hiền là Tăng bảo. Đây chính là nơi nương tựa của hàng nhị thừa.

2. Biệt tướng Tam bảo: Là ba thân pháp, báo, hóa là Phật bảo; mười hai bộ kinh là Pháp bảo; Thánh hiền ba thừa là Tăng bảo. Đây là chỗ nương tựa của hàng đại thừa.

3. Nhất thể Tam bảo: Rõ biết chơn như là Phật bảo; thể hiện được tất cả những khuôn phép hộ trì là Pháp bảo; sự lý hòa hợp là Tăng bảo. Đây chính là thật thể tam bảo của hai bậc Tam bảo trước.

4. Trụ trì Tam bảo: Tạc tượng, vẽ hình là Phật bảo; tất cả kinh điển là Pháp bảo; cạo tóc mặc y là Tăng bảo. Đây chính là nơi gởi gắm của ba bậc trước, để lưu thông mãi mãi đến sau này vậy. Tuy có sự bất đồng về đại thừa, tiểu thừa, quyền thật, nhưng hễ quy y rồi thì đều là cửa ngõ chơn chánh để vào đạo, là nhơn duyên của sự giác ngộ, công đức thù thắng không thể nghĩ bàn.

Kinh Thiện Sanh chép: “Nếu người nào thọ trì ba pháp quy y sẽ được quả báo không thể cùng tận, như bốn kho báu lớn, nhơn dân cả nước vận chuyển ra suốt bảy năm cũng không hết. Người thọ tam quy phước đức lại hơn thế, không thể tính kể.

Kinh So Sánh Công Đức chép: “Có người suốt đời cúng dường hàng nhị thừa khắp trong bốn châu thiên hạ, cho đến xây tháp, vẫn không bằng

người nam người nữ nói như thế này: “Con.... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng...” được công đức không thể nghĩ bàn, do vì trong các loại phước điền, tam bảo là phước điền tối thắng”.

Lại chép: “Nếu có các đức Như Lai khắp trong tam thiên đại thiên thế giới, nhiều như lúa mè, tre lau. Người nào cúng dường tứ sự suốt trong hai vạn năm. Sau khi chư Phật diệt độ, xây dựng các tháp báu, lại dùng hương hoa cúng dường, phước ấy tuy nhiều, nhưng không bằng công đức người đem lòng thanh tịnh quy y Phật, Pháp, Tăng Tam bảo”.

Kinh Mộc Hoạn Tử chép: “Vua Ba Lưu Ly bạch Phật: Trong nước con thường xảy ra hỏa hoạn khiến con rất lo nhọc, cúi xin Thế Tôn ban cho con pháp cốt yếu dễ tu hành. Phật bảo vua rằng: Nếu muốn diệt trừ được phiền não chướng, nghiệp chướng, báo chướng thì nên xâu 108 hạt của trái cây mộc hoạn tử thường đem theo bên mình, trong lúc đi đứng nằm ngồi, luôn luôn nhất tâm không tán loạn, xưng niệm Phật, Pháp, Tăng rồi thì lần qua một hạt, như thế lần lượt đến số hoặc 10, 20, 100, 1000, cho đến 100 ngàn vạn ức. Nếu niệm đủ 20 vạn biến, thì thân tâm không tán loạn, không có các siểm khúc... khi bỏ thân mạng được sanh lên cõi trời Diệm Ma thứ ba. Nếu niệm đủ 100 vạn biến sẽ được đoạn trừ 108 nghiệp kết sử phiền não, thế mới gọi là lợi ngược dòng sanh tử, đạt thẳng đến bến Niết Bàn, dứt trừ gốc rễ phiền não, chứng được quả màu vô thượng.

Phật lại bảo vua: Tỳ kheo Sa Đâu, do xưng tụng hồng danh tam bảo, trải qua 10 năm bèn chứng được quả Tư Đà Hàm, rồi theo thứ lớp tu tập đạo hạnh, nay đang làm vị Bích Chi Phật ở thế giới Phổ Hương”.

Kinh Chiết Phục La Hán chép: “Xưa kia có vị trời Dao Lợi biết thọ mạng sắp hết, năm tướng suy hiện, ông quán xét sau khi mạng chung sẽ đọa vào thai heo, rồi buồn bã không vui. Có vị trời mách: Bây giờ thì chỉ có Phật mới có thể cứu thoát tội báo của ông thôi! Do đó, ông liền đến chỗ Phật, làm lễ bạch Phật. Phật bảo: Muốn thoát khỏi thai heo phải nên tụng pháp tam quy. Ông liền vâng theo lời Phật dạy, sớm tối tụng quy y, bảy ngày sau bèn thọ chung, sanh làm con của ông trưởng giả nước Duy Da Ly, gặp Xá Lợi Phất, thỉnh Phật thuyết pháp liền đắc A Duy Việt trí”.

Kinh Đại Phương Tiện chép: “Lấy tam bảo làm chỗ qui hướng tức là lấy sự cứu hộ làm nghĩa. Ví như người mắc tội với vua, trốn đến nước khác để cầu sự giúp đỡ. Vua khác bảo rằng: Người đã đến đây thì đừng sợ hãi, nhưng không được ra khỏi nước ta, chẳng nên trái lời ta dạy nhất định sẽ

được cứu hộ. Chúng sanh cũng vậy, hệ thuộc nơi ma, có tội sanh tử nên qui hướng tam bảo để được cứu hộ. Nếu thành tâm quy y, lại không theo nẻo khác, chẳng trái lời Phật dạy thì những ma vương tà ác kia chẳng làm gì được”.

Người thọ tam quy cũng gọi là Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Thượng phẩm quy y là tâm khế hợp ở một thể tánh, tam bảo và các giới tự nhiên đầy đủ; trung phẩm quy y là phải như tỳ kheo Sa Đâu, trì tụng hồng danh tam bảo, hoặc một danh hiệu Phật, lâu ngày không thoái chuyển thì được thành thánh quả; hạ phẩm quy y là còn ăn ngũ tịnh nhục, không làm bạn với những kẻ tà ác như: Buôn thịt, bán rượu, ngục tốt, kỹ nữ... chẳng nên quan hệ qua lại. Vào sáu ngày trai, ba tháng trai, cũng phải đình chỉ việc uống rượu, ăn thịt, ăn ngũ tân. Hành trì như thế, thì ở hội ban đầu của Phật Di Lặc liền được giải thoát.

Ngũ tịnh nhục là:

1. Không vì mình giết.
2. Không thấy giết.
3. Không nghe giết.
4. Vật tự chết.
5. Chim thú ăn còn thừa.

Ba tháng trai là tháng giêng, tháng năm và tháng chín. Chính là những tháng mà Tỳ Sa Môn Thiên Vương chân giữ Nam Thiệm Bộ Châu này.

Sáu ngày trai là mồng tám, hai mươi ba, sứ giả của thiên vương đi tuần tra nhơn gian; mười bốn, hai mươi chín là thái tử của thiên vương tuần tra nhơn gian; rằm, ba mươi là thiên vương đích thân đi tuần tra nhơn gian.

NGŨ GIỚI

Ngũ giới là:

1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.

3. Không tà dâm.

4. Không nói dối.

5. Không uống rượu.

Bốn giới trước, pháp ở thế gian và pháp của chuyển luân thánh vương cũng đều không chấp nhận, chỉ một giới sau là riêng Phật ngăn cấm. Vì rượu làm loạn tâm, tăng trưởng sự buông lung, bốn giới trước cũng do đó mà tan vỡ, cho nên Phật mới riêng ngăn cấm vậy. Giới này tương tuy dón gọn, nhưng có phạm vi rất sâu rộng, nếu có ai nương theo thọ trì thì công đức khó lường. Người giữ gìn thượng phẩm thì được thánh đạo, giữ gìn trung phẩm thì được thiên đạo, giữ gìn hạ phẩm thì được nhơn đạo.

Lại nữa, năm giới tuy hạn cuộc cho người tại gia nhưng thông suốt đến người xuất gia, vì giới này là nền tảng của giới sa di và tỳ kheo, cũng là gốc rễ của giới Bồ tát. Nếu có ai tinh tấn thọ trì, suy rộng ra thì không việc gì không nhiếp phục, không cảnh giới nào không đạt đến. Do đó, người lãnh thọ chẳng nên xem thường.

Nếu người thọ trì ba pháp quy y rồi, thọ một giới gọi là được một phần Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di; thọ hai giới gọi là được ít phần; thọ ba, bốn giới gọi là được nhiều phần; thọ năm giới thì gọi là được trọn phần.

Lại tùy theo ý của mình cảm thọ sự an lạc, đều được phước báu thù thắng, trọn thành Phật quả, nếu ai không thọ trì qui giới thì sẽ đọa lạc trong ba đường, dứt tuyệt nẻo nhơn thiên.

Kinh Ngũ Giới Oai Nghi chép: “Phật sắp Niết Bàn, liền bảo bốn đại Thanh Văn và sáu Ứng Chơn (A La Hán) rằng: Sau khi ta diệt độ, hai chúng tại gia tùy theo mình có khả năng nhiều ít mà thọ trì những giới trên, hoặc tạo những đồ dùng trong sinh hoạt như: Phòng xá, giường nệm, y phục, đồ ăn uống, tất cả đều hợp với lễ đạo, cúng dường bốn phương tăng và các hiền thánh, các ông phải nên nhận thỉnh, nếu không nhận thì mắc tội. Do đây mà xem xét, các bậc hiền thánh không cách xa, có cảm thì tất nhiên ứng hiện”.

Kinh Di Lạc vẫn chép: “Năm giới gọi là năm đại thí, nghĩa là nhiếp thủ vô lượng chúng sanh, thành tựu sự an lạc cho vô lượng chúng sanh để tăng trưởng các món công đức”.

Người thọ trì năm giới có thể được thọ trong vòng năm ngày, mười ngày, một năm, hai năm, tùy ý thọ thời gian bao nhiêu cũng được! Sau khi thọ năm giới, nếu không có khả năng giữ gìn trọn vẹn thì có thể được trả lại bất kỳ giới nào. Chỉ cần đến trước bốn sư, hoặc trước tỳ kheo thanh tịnh nói rằng: “Con tên là... từ nay không thọ trì giới...”. Nói như vậy ba lần, gọi là trả lại giới pháp.

Người muốn thọ năm giới, trước hết cần phải không ăn thịt. Ở trong các kinh, Phật nói vô lượng nhơn duyên, quả trách và cấm ngăn việc ăn thịt. Bởi vì ăn thịt chúng sanh làm tổn thương đến lòng từ bi, liền bị ma quân thu nhiếp, hưởng chi ăn từng thân phần của loài vật, chẳng phải là điều loài vật mong muốn, do vậy mà trở thành nghiệp trộm, cũng thành nợ nần, theo lý nhất định phải đền trả, đó là nhân súc sanh vậy.

Phàm người thọ tam quy ngũ giới, cần phải phát nguyện, như trong luật chỉ dạy, bạch rằng: “Nguyện đem công đức quy giới này, không đọa vào ác thú, tám nạn biên địa, công đức trì ngũ giới này nhiếp thủ tất cả những nghiệp của chúng sanh. Có bao nhiêu công đức đều hồi hướng cho tất cả, khiến được thành đạo vô thượng chánh chơn. Cũng khiến cho tương lai được ở trong ba hội của Phật Di Lặc, thoát khỏi sanh lão bệnh tử”.

Nếu như chỉ phát nguyện hồi hướng về Tây Phương cũng được.

Kinh Ưu Bà Tắc giới chép: “Nếu có ai sau khi thọ quy giới, vì để giữ gìn nhà cửa và thân mạng mà cúng tế quỷ thần, thì không mất giới. Còn ai dốc lòng lễ bái ngoại đạo quỷ thần mới gọi là mất giới. Giả như, có làm việc cúng tế thì không được sát sanh”.

Năm giới gồm nhiếp với mười thiện nghiệp, ba giới sát đạo dâm đối nhiếp nơi thân, về việc cứu hộ chúng sanh, bố thí, phạm hạnh. Một giới không nói dối, đối nhiếp nơi miệng, về lời thành thật, lời chất trực, lời hòa hợp, lời nhu nhuyễn. Một giới không uống rượu đối nhiếp nơi ý, về pháp quán bất tịnh, quán từ bi, quán nhơn duyên.

Tuy nhiên, riêng Vĩnh Giác này thì cho rằng ý ba nhiếp đều ở ngay một giới uống rượu vậy. Năm giới tuy chế ngăn thân, khẩu. Nhưng thực ra thân khẩu mà phạm, hẳn nhiên là do ý ba nhiếp phát khởi. Nếu chỉ ngăn thân khẩu thì chẳng phải là người khéo giữ năm giới, người trì giới nên biết rõ.

Năm giới liên quan với ngũ thường:

Không **sát sanh** liên quan đến **Nhân**.

Không **trộm cắp** liên quan đến **Nghĩa**.

Không **tà dâm** liên quan đến **Lễ**.

Không **nói dối** liên quan đến **Tín**.

Không **uống rượu** liên quan đến **Trí**.

Kinh Thiện Sanh chép: “Nếu có kẻ thiện nam tín nữ nào bố thí cho chúng sanh khắp cả bốn châu thiên hạ, cúng dường bốn món, suốt 100 năm không bằng công đức giữ gìn năm giới trong một ngày một đêm”.

Đại trí độ luận chép: “Nếu có ai xả bỏ giới này, dù có ở rừng núi tu khổ hạnh, ăn rau quả uống thuốc, khác gì loài cầm thú. Nếu có người tuy ở nhà cao điện lớn, thích mặc áo đẹp, ăn thức ăn ngon mà dốc lòng trì giới thì được sanh về thắng thiện xứ và thành tựu đạo quả.

---o0o---

BÁT QUAN TRAI

Bát quan trai tổng cộng có 9 chi:

1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.
3. Không tà dâm.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.
6. Không đeo tràng hoa và thoa sức dầu thơm vào mình.
7. Không ca múa hát xướng và đến xem nghe.
8. Không ngồi trên giường cao rộng.
9. Không ăn phi thời.

Tám chi trước gọi là quan, ý nói đó là cửa ngõ đóng chặt 8 điều ác, khiến cho các lỗi lầm không sanh khởi. Còn một chi sau gọi là trai, ý nói qua giờ Ngọ thì không ăn, đồng với pháp ăn của chư Phật. Hai chúng tại gia nếu trong ba tháng lành, sáu ngày trai và lúc sanh nhật, ngày húy kỵ cha mẹ, ngày làm các việc lành, nên đến trong Tăng cầu thọ giới này. Nếu không có người truyền thì chỉ tâm niệm miệng nói cũng được thành pháp thọ.

Luận Câu Xá chép: “Nếu trước có mong ý sẽ thọ vào ngày trai, dù sau khi ăn cũng được thọ, người thọ giới phải dốc lòng chấp tay nói theo lời người truyền giới, chớ nên nói trước nói sau, nếu trái thì không thành”.

Luận Thành Thật chép: “Năm giới, tám giới tùy theo ngày tháng dài ngắn hoặc một tháng, một năm, cho đến nửa ngày nửa đêm, thọ nhiều thọ ít đều được”.

Luận Tát Bà Đa chép: “Nếu người thọ giới nên nói một ngày, một đêm... nói cho dứt khoát rõ ràng, chớ khiến cho lẫn lộn với giới tướng trọn đời”.

Kinh Tăng Nhất A Hàm chép: “Nếu người thọ tám giới trước phải sám hối tội lỗi rồi sau mới lãnh thọ”.

Kinh A Hàm chép: “Nếu có người nào ở trong sáu ngày trai, một ngày một đêm vâng giữ tám giới, thì phước đức không thể tính kể”.

Luận chép: “Nếu có người tại gia, kể nam người nữ trọn đời thọ trì, cuối cùng sẽ được giác ngộ, cho đến một ngày một đêm thọ trì tám giới thì công đức liền vượt trội hơn người suốt đời giữ năm giới. Vì có sao? Vì giữ được nhiều giới vậy”.

Kinh Bồ Tát Xử Thai chép: “Tám giới quan trai là cha mẹ của chư Phật”.

Luận Trí Độ chép: “Thời kiếp sơ thánh nhơn dạy giữ gìn trai giới, tu hành nghiệp lành, để lánh những điều hung ác, suốt một ngày không ăn là trai. Sau khi Phật xuất thế dạy người giữ tám giới, qua giờ Ngọ không ăn, công đức đó đưa người đạt đến diệu quả Niết Bàn”.

Gới này tuy tạm thời nhưng có công đức rất lớn, do vì mỗi giới đều nói như chư Phật, thì chẳng phải năm giới có thể sánh vậy. Cho nên các kinh luận có chỗ nói nhất định sẽ được giác ngộ, có chỗ nói là cha mẹ của chư

Phật, có chỗ nói đưa người đến diệu quả Niết Bàn, người thọ trì nên biết ý này.

---o0o---

ƯU BÀ TẮC GIỚI

Giới này chép ra từ Ưu Bà Tắc giới kinh, cũng gọi là Bồ tát giới, gồm sáu ở trong tại gia Bồ Tát Phạm Võng. Giới pháp này được chép ra từ Đại Thừa. Trên coi như là Phạm Võng cố nhiên là khó rõ ràng, dưới coi là năm giới thì thật là cao xa diệu vậy.

Nếu ai muốn thọ giới này, nên khiến cho họ suốt sáu tháng phải thân cận thừa sự các bậc xuất gia, các bậc trí. Rồi sau mới cần cầu hai mươi vị Tăng hòa hợp, tác bạch yết ma cho họ thọ giới Ưu Bà Tắc.

*** Sáu trọng tội của giới Ưu Bà Tắc:**

- 1/ Giới sát sanh: trên từ trời, người; dưới đến loài kiến.
- 2/ Giới trộm cắp: nhẫn đến một tiền.
- 3/ Giới nói dối: nói ta được pháp quán bất tịnh, được quả A Na Hàm.
- 4/ Giới tà dâm.
- 5/ Giới nói dối của bốn chúng.
- 6/ Giới bán rượu.

*** Hai mươi tám tội khinh của giới Ưu Bà Tắc:**

- 1/ Giới không cúng dường cha mẹ, sư trưởng.
- 2/ Giới đam mê uống rượu.
- 3/ Giới có tâm ác không chăm sóc người bệnh khổ.
- 4/ Giới có người đến xin không thể cho ít phần, đuổi họ trở về không.
- 5/ Giới thấy bốn chúng không đón tiếp lễ bái thăm hỏi.

6/ Giới thấy bốn chúng hủy phạm những giới đã thọ, sanh lòng kiêu mạn.

7/ Giới sáu ngày trai trong tháng, không thọ tám giới cúng dường Tam bảo.

8/ Giới có chỗ giảng pháp trong phạm vi 400 dặm, không đến để nghe.

9/ Giới nhận ngọc cụ, sàng tòa của chiêu đề Tăng.

10/ Giới nghi nước có trùng mà cố uống.

11/ Giới chỗ hiểm nạn đi một mình không có bạn.

12/ Giới ngủ một mình ở chùa ni.

13/ Giới vì tài mạng mà đánh mắng nô tỳ, tôi tớ người ngoài.

14/ Giới đem thức ăn dư thí cho bốn chúng.

15/ Giới nuôi mèo chôn.

16/ Giới nuôi những loài thú như voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà, lừa...

17/ Không được chứa Tăng Già Lê y bát tích tượng dư.

18/ Nếu cần làm ruộng mà không tìm nơi nước sạch và chỗ đất liền.

19/ Vật thỏa thuận giá xong, bỏ xấu đi mua tốt, khi đong lường cân vật, không công bình.

20/ Giới hành dục không đúng thời, đúng chỗ.

21/ Giới lừa dối trốn thuế quan.

22/ Giới phạm pháp của Nhà nước.

23/ Giới được lúa mới, quả dưa, rau, củ, không đem cúng tam bảo trước, mà tự thọ dùng.

24/ Giới Tăng không cho nói pháp, tán thán bèn tự bàn nói.

25/ Giới trên đường đi trước Sa di, Tỳ kheo.

26/ Giới dâng thức ăn trong Tăng, hễ có tâm thiên về vị thầy nào bèn chọn lựa thức ăn ngon, quá phần để cúng.

27/ Giới nuôi tằm.

28/ Giới trên đường đi gặp người bệnh không chăm sóc vì họ làm phương tiện, ở nơi đó mà phó chúc.

Kinh chép: “Giới Ưu Bà Tắc không thể nghĩ bàn vì có sao? Người thọ giới này rồi, tuy thọ ngũ dục nhưng không thể trở ngại quả Tu Đà Hoàn đến A Na Hàm, thế cho nên gọi là không thể nghĩ bàn”.

Lại nói: “Giới Ưu Bà Tắc gọi là Anh Lạc, gọi là trang nghiêm, hương thơm vì diệp xông ướp khắp nơi, ngăn các pháp bất thiện, là pháp luật tốt, tức là kho báu mâu nhiệm vô thượng, là dòng họ bậc thượng ở nơi tịch tĩnh, là vị cam lồ sanh ra thiện pháp, ngay trong lúc phát tâm đó còn được vô lượng lợi ích, hướng chi lại nhất tâm thọ trì không hủy phạm”.

Kinh chép: Có bốn pháp không nên làm:

- Nhân duyên tham không nên luống dối làm.
- Nhân duyên sân không nên luống dối làm.
- Nhân duyên si không nên luống dối làm.
- Nhân duyên sợ hãi không nên luống dối làm.

Có 2 việc không nên làm:

1/ Đánh sru bò, cò vầy, cò lục bát.

2/ Các thứ ca múa kỹ nhạc.

Có 4 hạng người không nên thân cận:

1/ Cờ bạc.

2/ Uống rượu.

3/ Dối trá.

4/ Bán rượu.

Có 4 hạng người ác thường nên xa lìa:

1/ Ưa nói dối người.

2/ Ưa nói tà kiến.

3/ Miệng thì mềm mỏng, tâm thì ác độc.

4/ Nói nhiều làm ít.

---o0o---

GIỚI SA DI

Sa Di Trung Hoa dịch là Càn Sách, cũng gọi là Túc từ, là tên gọi dành cho người mới nhập đạo. Từ bảy tuổi đến mười ba tuổi gọi là Khu Ô Sa Di; từ mười bốn tuổi đến mười chín tuổi gọi là Ứng Pháp Sa Di. Ứng Pháp lại có hai: Chưa thọ mười giới gọi là Hình Đồng Sa Di, đã thọ mười giới gọi là Pháp Đồng Sa Di. Từ hai mươi tuổi trở lên mà chưa thọ giới gọi là danh tự Sa Di, từ bảy mươi tuổi trở lên không cho thọ cụ giới, gọi là lão Sa Di. Mười giới của Sa Di là:

1/ Suốt đời không được sát sanh.

Trên từ La Hán, sư Tăng, cha mẹ, dưới đến loài bò bay cựa động, hễ loài có mạng sống thì không được cố giết, hoặc tự giết, hoặc bảo người giết, hoặc thấy giết mà vui theo, đều phạm tội sát sanh. Nếu vì nhầm lẫn làm tổn thương thì không phạm.

2/ Suốt đời không được trộm cắp.

Vật quý như vàng bạc, cho đến cây kim ngọn cỏ, nếu người khác không cho thì không được lấy, hoặc đoạt lấy, hoặc trộm lấy, hoặc dối lấy, cho đến trốn thuế dối đò... đều phạm tội trộm.

3/ Suốt đời không được dâm dục.

Hễ phạm với tất cả nam nữ ở thế gian cho đến loài súc sanh đều gọi là phá giới.

4/ Suốt đời không nói vọng.

Nói vọng có bốn:

1/ Nói dối nghĩa là thấy nói không thấy, không thấy nói thấy.

2/ Nói thêu dệt nghĩa là trau chuốt lời nói cho hoa mỹ, làm mê hoặc tâm mắt người.

3/ Nói lời ác nghĩa là nói lời thô ác mắng nhiếc.

4/ Nói hai lưỡi nghĩa là tới đàng này nói xấu đàng kia, tới đàng kia nói xấu đàng này, xoi mói xúi dục khởi lên tranh đấu... cho đến trước khen sau chê, trước mặt nói phải, sau lưng nói trái, nói mình chứng chứng quả, nói bày chuyện dở xấu của người, đều gọi là vọng ngữ. Nếu chính tự mình nói chứng thánh, được pháp thượng hơn thì tội ấy rất nặng, còn phương tiện tạm nói vì để cứu người thì không phạm.

5/ Suốt đời không uống rượu.

Tất cả các loại rượu đều không được uống, cho đến không được nếm rượu, ngửi rượu, đem rượu cho người uống, nếu dùng để trị bệnh thì không phạm.

6/ Suốt đời không được đeo tràng hoa và sức dầu thơm vào mình.

Tràng hoa: là người ở Tây Vực kết hoa làm tràng để trang điểm trên thân mình. Trung Hoa thì dùng loại nhung gấm thêu thùa, vàng báu may thành khăn mũ để trang sức. Dầu thơm thoa thân mình là những người quý phái ở Tây Vực dùng bột hương để tắm vào y phục, thoa vào thân. Lại dùng hoa ướp dầu thoa vào thân. Quốc độ này (Trung Hoa) thì dùng các loại hương đeo, hương xông, son phấn. Người xuất gia mặc y hoại sắc đâu nên làm như thế.

7/ Suốt đời không được ca múa hát xướng và đến xem nghe.

Ca là miệng thốt ra âm thanh. Múa là thân làm trò vui đùa múa máy. Hát xướng là không được sử dụng các loại đàn cầm, đàn sắt, ống sáo, cũng

không được xem nghe người khác làm, đến như các loại cờ vây, cờ lục bát, ném sru bò, thầy đều không nên.

8/ Suốt đời không ngồi giường cao rộng lớn.

Phật dạy làm giường dây cao không quá tám ngón tay của Đức Như Lai, nếu quá thì phạm, cho đến chạm trở, sơn màu lờ loẹt và cũng không nên dùng các loại tơ lụa làm màn nệm.

9/ Suốt đời không ăn phi thời.

Phi thời là quá giờ Ngọ, chẳng phải là thời gian ăn của chúng Tăng vậy. Kinh chép: “Chư Thiên ăn buổi sáng, Phật ăn giờ Ngọ, súc sanh ăn sau giờ Ngọ, ngựa quỉ ăn ban đêm”. Phạm làm tăng sĩ nên học theo Phật, đoạn trừ nhân sáu nẻo, cho nên quá Ngọ không được ăn. Thời nay, cơ thể người yếu đuối, hoặc bệnh hoạn, đa phần không thể thọ trì được, cần phải tự biết hổ thẹn, không nên ăn nhiều, ăn ngon, không an lòng để ăn, phải như thế mới được vậy.

10/ Suốt đời không được cầm giữ sanh tượng vàng bạc, vật báu.

Tiếng Phạn gọi là sanh tượng, Trung Hoa dịch là vàng bạc. Hoa, Phạn đều nêu bày cho nên gọi là sanh tượng vàng bạc. Vật báu là bảy món báu. Khi Phật còn tại thế, chư Tăng không được cầm giữ, phạm nhiều sai tịnh như giữ gìn. Thời nay không được như thế, cần phải tự biết mà sanh lòng xấu hổ, không mưu cầu, không chứa để, như thế mới được.

Có 12 điều Sa Di không được phạm:

1/ Không phân biệt y.

2/ Lìa y ngủ.

3/ Tiếp xúc với lửa.

4/ Ăn đủ rồi lại ăn nữa.

5/ Hại mầm sống.

6/ Trên cỏ tốt đổ vật bất tịnh.

7/ Luôn luôn ở trên cây cao.

8/ Tiếp xúc với vật báu.

9/ Ăn thức ăn cách đêm.

10/ Làm hoại đất.

11/ Không nhận thức ăn.

12/ Làm tổn hại mầm sống.

Kinh Thỉnh Tăng Phước Điền chép:

Có 5 đức người làm Sa Di nên biết:

1/ Phát tâm xuất gia, quý mến thánh đạo.

2/ Hủy bỏ hình đẹp, mặc đúng pháp phục.

3/ Cắt đứt thân ái, chẳng còn thân sơ.

4/ Xem thường thân mạng, tôn sùng chánh pháp.

5/ Chí cầu đại thừa, cứu độ chúng sanh.

Luật Ma Ha Tăng Kỳ phải vì mười số.

1/ Là nhất thiết chúng sanh đều nương theo ăn uống.

2/ Danh và sắc.

3/ Ngựa, đau, tướng.

4/ Bốn chân đế.

5/ Năm ấm.

6/ Sáu nhập.

7/ Bảy giác chi.

8/ Tám thánh đạo.

9/ Chín cỡi chúng sanh.

10/ Mười nhất thiết nhập.

Đây là kể ra con số, còn việc giải thích tương đối trị hiển chánh tất cả đều rộng như trong bộ Hành Sự Số Sao đã nói.

Sa Di phạm bốn giới trọng trước đều mắc tội Đột Kiết La diệt tận, khởi ác kiến ba lần can gián, nếu không xả cũng diệt tận, ngoài ra phạm những lỗi khác đều sám hối tội Đột Kiết La.

Sa Di Ni kết tội giống với Sa Di, nay không phiên kể ra.

---o0o---

GIỚI THỨC XOA MA NA

Thức Xoa Ma Na Trung Hoa dịch là Học giới nữ. Phạm người làm Sa Di Ni muốn tiến cụ cần phải trải hai năm học giới. Nếu là đồng nữ mười tám tuổi thì cho hai năm học giới, hoặc là người nữ đã có chồng năm mươi tuổi thì cũng cho hai năm học giới. Hai năm học giới là để cho biết người nữ đó có thai hay không. Cho nên nói rằng hai năm để thanh tịnh thân mình và sáu pháp làm sạch tâm.

Thức Xoa Ma Na có ba điều nên học:

1/ Học bốn giới trọng tức dâm, sát, đạo, vọng.

2/ Học sáu pháp nghĩa là: tâm nhiễm ô xúc chạm với thân người nam, trộm bốn tiền trở xuống, giết súc sanh, tiểu vọng ngữ, ăn phi thời, uống rượu.

3/ Học các giới và các oai nghi của Ni, chỉ trừ giới ăn quá ngọ của đại ni và tự nhận thức ăn để ăn.

Phạm bốn giới trọng là phải diệt tận, phạm sáu pháp thì phải sám hối tội Đột Kiết La, phải cho hai năm học giới trở lại, hễ phạm các giới của đại Ni đều mắc tội Đột Kiết La.

TỶ KHEO GIỚI

Tỳ kheo còn gọi là Bí Sô, Trung Hoa dịch là khát sĩ. Ý nói trên xin giáo pháp của chư Phật để nuôi pháp thân huệ mạng, dưới xin thức ăn của chúng sanh để nuôi dưỡng sắc thân. Lại gọi là phá ác, nghĩa là hay phá trừ được hai hoặc kiến tư vậy. Lại gọi là bố ma, nghĩa là tỳ kheo ba lần làm chấn động cung điện của ma vương vậy. Sa Di đứng hai mươi tuổi muốn cầu thọ cụ túc giới thì phải xét hỏi, nếu không có các già nạn, sắm cho đủ y bát, thỉnh thập sư. Trong thập sư, thỉnh một người làm thầy yết ma, một người làm thầy giáo thọ và Hòa thượng bốn sư gọi là tam sư. Còn lại bảy vị làm tôn chứng sư. Nhóm họp chúng Tăng đặng đàn xét hỏi già nạn rồi sau mới bạch tứ yết ma trao cho giới cụ túc, kể đến nói cho nghe về danh tướng của bốn giới trọng, và truyền pháp tứ y. Đây gọi là thành tựu như pháp.

Già nạn để thọ giới tỳ kheo có cả thảy hai mươi bảy việc.

1/ Lúc còn làm Sa Di phạm bốn tội nặng, hoặc đã từng thọ giới tỳ kheo, phạm tội nặng bị diệt tận, nay đến để cầu xin thọ giới thì không cho thọ.

2/ Lúc còn làm bạch y từng phá hư hạnh thanh tịnh của tỳ kheo ni, không cho thọ.

3/ Lúc còn làm bạch y, sa di, trộm nghe đại Tăng yết ma nói giới, dối trá xưng là đại Tăng, cùng Tăng làm pháp sự, cốt ý là để mưu cầu cơm áo, gọi là kẻ giặc trong Phật pháp, không cho thọ.

4/ Trước từ trong ngoại đạo đến thọ cụ túc giới, sau xả giới trở về ngoại đạo, nay lại đến để xin thọ Phật giới, gọi là phá nội ngoại đạo, không cho thọ.

5/ Sanh, kiên, đố, biến, bán và tự chặt, các loại bất nam, không cho thọ.

6/ Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật ra máu, gọi là phạm năm tội nghịch, không cho thọ.

7/ Chư Thiên, A Tu La và các loài quỷ thần biến làm người đến xin thọ giới, không cho thọ.

8/ Các súc sanh biến làm hình người đến xin thọ giới, không cho thọ.

9/ Thân có đầy đủ hai căn nam và nữ, không cho thọ.

10/ Hỏi tên hòa thượng không đáp, hỏi tên mình cũng không đáp, không cho thọ.

11/ Chưa đủ hai mươi tuổi không cho thọ.

12/ Y bát không đủ, không cho thọ.

13/ Cha mẹ không cho đi xuất gia, không cho thọ.

14/ Vì mắc nợ người mà đến xin thọ giới, không cho thọ.

15/ Làm tôi tớ cho nhà người khác, chủ chưa cho mà đến xin thọ giới, không cho thọ.

16/ Làm quan trong triều đình có bổng lộc, có địa vị, không cho thọ.

17/ Đã bảy mươi tuổi, chẳng phải là ngôi trượng phu, không cho thọ.

18/ Thân có bệnh tật như bệnh ghẻ lở, bệnh hủi, bệnh ung thư, bệnh khô gầy, bệnh điên cuồng, không cho thọ.

Lại nữa thêm sáu căn không đủ, hình tướng quái dị xấu xa, hoặc bị các thứ bệnh xấu ác, có ảnh hưởng xấu cho pháp môn thì Phật đều không cho thọ.

Giới cụ túc tổng cộng có 250 việc.

Ba La Di bốn pháp, Tăng Già Bà Thi Sa mười ba pháp, Bất Định hai pháp, Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề ba mươi pháp, Ba Dật Đề chín mươi pháp, Ba La Đề Đề Xá Ni bốn pháp, điều cần nên học một trăm pháp, Diệt Tránh bảy pháp.

---o0o---

PHÁP TỨ Y

1/ Nương vào y phần tảo, nếu được nhiều lợi dưỡng, đàn việt thí y, y cất rọc thì được thọ.

2/ Nương vào khát thực, nếu được nhiều lợi dưỡng hoặc tăng sai khát thực, đàn việt cúng thức ăn ngày mồng một, mồng tám, rằm; hoặc theo phép thọ thực thường ngày của tăng, đàn việt thỉnh cúng thức ăn thì nên nhận.

3/ Nương ở gốc cây mà ngồi, nếu được nhiều lợi dưỡng, hoặc ở phòng riêng, phòng nóc nhọn, phòng nhỏ, hang đá, hai phòng chung một cánh cửa thì được thọ.

4/ Nương vào thuốc hũ lạn, nếu được nhiều lợi dưỡng tô, du, sanh tô, mật, đường phèn được thọ.

Tỳ kheo có bốn nghĩa cụ túc:

1/ Thọ nhận cụ túc, nghĩa là bạch tứ yết ma.

2/ Tùy cụ túc, nghĩa là từ đây đến sau này luôn luôn hộ trì tất cả các giới.

3/ Hộ tha tâm cụ túc, nghĩa là một phần oai nghi đầy đủ, không bị mọi người chê gièm.

4/ Thủ giới cụ túc, nghĩa là tuy rằng tội nhỏ đi nữa cũng không phạm, nếu lỡ có phạm nên phải phát lộ.

TỶ KHEO NI GIỚI

Tỳ kheo Ni: Trung Hoa dịch là khát sĩ, Sa di ni sau hai năm học giới xong, không có các lỗi thì mới có thể tiến cụ, hòa thượng ni nên chuẩn bị đầy đủ y bát, thỉnh thập sư ni để truyền giới. Trước hết xét hỏi già nạn, bạch tứ yết ma để trao cho giới, kế đó thập sư ni đưa Sa di ni này đến đại Tăng để thỉnh Tăng trao lại giới, trong tăng cũng nhóm thập sư đẳng đàn xét hỏi già nạn, bạch tứ yết ma xong, nói cho họ nghe về danh tướng của “bát kính pháp”, kế đến nói cho họ pháp tứ y, đó gọi là thành tựu như pháp.

Phật dạy Ni phải thọ giới từ hai bộ Tăng Ni, sau truyền đến Trung Hoa, Ni không thể trao cho cụ giới, chỉ theo đại Tăng mà thọ. Những năm gần đây giới sư hoàn toàn không biết gì về phương pháp truyền trao, cầu thả làm càn, để cho lẫn lộn với phép thọ của tỳ kheo, là người nữ mà thọ nam giới, đối mình gạt người, tội chẳng lớn sao?

Tỳ kheo ni có cả thầy hai mươi chín việc già nạn.

- Từng làm Sa di ni, Thức xoa ma na rồi phạm bốn tội nặng, cho đến thọ đại giới phạm tám tội trọng, hoàn tục xong, lại đến xin thọ, đây gọi là biên tội, không cho thọ.

- Lúc còn làm bạch y từng phạm tịnh hạnh của tỳ kheo, không cho thọ.
- Từng trộm nghe đại Tăng nói giới, yết ma, dối xưng là tỳ kheo ni để mưu cầu lợi dưỡng, đây gọi là vào đạo với tâm tặc, không cho thọ.
- Từng làm ngoại đạo, sau xin vào trong Tăng, xong lại trở về ngoại đạo, nay lại đến nữa, đây gọi là phá nội ngoại đạo, không cho thọ.
- Có loa, cân, cở, giác, mạch, thuộc năm loại bất nữ, không cho thọ.
- Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật ra máu, đều không cho thọ.
- Có chư thiên nữ, A Tu La nữ, qui thần nữ biến hình mà đến thọ giới, không cho thọ.
- Có các súc sanh cái biến làm hình người nữ đến để thọ giới, không cho thọ.
- Trong thân có đầy đủ hai căn nam và nữ, không cho thọ.
- Hỏi tên mình không đáp, hỏi tên hòa thượng cũng không đáp, dạy đến xin giới mà chẳng xin, đều không cho thọ.
- Đồng nữ chưa đủ hai mươi tuổi, có chồng chưa đầy mười hai tuổi, không cho thọ.
- Y bát không đầy đủ, không cho thọ.
- Cha mẹ, phu chủ (chồng) không cho xuất gia, lại cố đi, không cho thọ.
- Vì thiếu nợ người mà đi, không cho thọ.
- Làm nô tỳ cho nhà người khác, chủ chưa cho mà đi, không cho thọ.
- Người nữ đã bảy mươi tuổi không thể kham thọ đại giới của Ni, không cho thọ.
- Người nữ có bệnh ghẻ lở, bệnh hủi, ung thư, bạch lại, gầy còm, điên cuồng, hai hình, hai đường hợp một, nước tiểu thường rịn ra, đại tiểu tiện, nước mũi luôn luôn chảy ra, không cho thọ.

- Sáu căn không đầy đủ, tướng mạo quái lại có các thứ bệnh xấu, làm ảnh hưởng đến pháp môn, Phật đều không cho thọ.

Tỳ kheo ni có cả thảy 348 giới.

Ba La Di tám giới (dâm, trộm, sát, nói dối, xúc chạm, tâm nhiễm ô 8 việc, che giấu tội nặng của người, không thuận theo tăng khi bị cử tội).

Tăng Già Bà Thi Sa mười bảy giới.

Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề ba mươi giới.

Ba Dật Đề một trăm bảy mươi tám giới.

Ba La Đề Đề Xá Ni tám giới.

Đột Kiết La một trăm giới.

Diệt tránh bảy giới.

Ni không có pháp bất định, còn pháp tứ y hoàn toàn giống như bên đại Tăng, nay không nhọc kể ra.

Ni phải thực hành “bát kinh pháp”.

1/ Không được mắng chửi tỳ kheo.

2/ Không được cử tội tỳ kheo nhưng tỳ kheo được cử tội Ni.

3/ Phải theo đại Tăng thọ cụ túc giới.

4/ Phạm Tăng tàn, nửa tháng phải ở hai bộ tăng hành pháp Ma Na Đỏa.

5/ Mỗi nửa tháng phải đến trong Tăng thỉnh thầy giáo giới.

6/ Không nên an cư kết hạ ở chỗ không có Tỳ kheo.

7/ Hạ xong nên đến trong Tăng để cầu tự tứ.

8/ Ni một trăm tuổi phải lễ tỳ kheo mới thọ cụ túc.

BỒ TÁT GIỚI

Bồ tát giới tức là Bồ tát muôn hạnh, chính là con đường tiến đến giác ngộ, là đại đạo để trang nghiêm pháp thân, giới này bao gồm khắp cả 9 cõi, tột đến đời vị lai, chẳng thể dùng số để suy lường, chẳng thể dùng danh tướng để nêu bày, đại khái chia làm ba tụ:

- 1/ Nhiếp luật nghi giới: Đoạn tất cả các điều ác.
- 2/ Nhiếp thiện pháp giới: Làm tất cả việc lành.
- 3/ Nhiếp chúng sanh giới: Độ hết tất cả chúng sanh.

Vì hàng phàm phu mê muội, mờ tối ở việc tiến tu, mới có bộ kinh Phạm Võng này, lược nêu bày vắn tắt, khiến cho ai nấy đều biết được nơi theo; song cũng như giọt nước trong đại hải mà thôi, dẫn ra để nêu bày, tùy loại mà phân tích, là ở nơi người trí vậy.

Mười tội Ba La Di trong kinh Phạm Võng.

- 1/ Giới sát.
- 2/ Giới trộm.
- 3/ Giới dâm.
- 4/ Giới nói dối.
- 5/ Giới bán rượu.
- 6/ Giới nói lỗi bốn chúng.
- 7/ Giới khen mình chê người.
- 8/ Giới bòn xén thêm hủy nhục.
- 9/ Giới lòng giận hờn không chịu hồi cải.
- 10/ Giới hủy báng Tam bảo.

Bốn mươi tám tội khinh trong kinh Phạm Võng.

- 1/ Giới không kính thầy bạn.
- 2/ Giới uống rượu.
- 3/ Giới ăn thịt.
- 4/ Giới ăn ngũ vị tân.
- 5/ Giới không dạy người sám hối tội lỗi.
- 6/ Giới không cúng dường thỉnh pháp.
- 7/ Giới biếng nhác không chịu nghe pháp.
- 8/ Giới bỏ đại thừa theo tiểu thừa.
- 9/ Giới không chăm sóc người bệnh.
- 10/ Giới chứa khí cụ sát sanh.
- 11/ Giới đi sứ cho một nước.
- 12/ Giới buôn bán phi pháp.
- 13/ Giới hủy báng.
- 14/ Giới châm lửa thiêu đốt.
- 15/ Giới dạy giáo lý tiểu thừa.
- 16/ Giới vì lợi dưỡng mà giảng pháp đảo lộn.
- 17/ Giới cậy thế lực xin cầu.
- 18/ Giới không hiểu mà làm thầy.
- 19/ Giới hai lưỡi.
- 20/ Giới không thực hành pháp phóng sanh.
- 21/ Giới vì sân hận đánh trả thù.

- 22/ Giới kiêu mạn không thỉnh pháp.
- 23/ Giới kiêu căng, ngạo mạn nói pháp tiểu thừa.
- 24/ Giới không tập học Phật.
- 25/ Giới không khéo tri chúng.
- 26/ Giới riêng thọ lợi dưỡng.
- 27/ Giới thọ biệt thỉnh.
- 28/ Giới biệt thỉnh Tăng.
- 29/ Giới nuôi sống mình bằng cách tà mạng.
- 30/ Giới không tôn kính thời vận tốt.
- 31/ Giới không thực hành pháp cứu hộ mua chuộc.
- 32/ Giới tổn hại chúng sanh.
- 33/ Giới tà nghiệp giác quán.
- 34/ Giới tạm nhớ nghĩ tiểu thừa.
- 35/ Giới không phát nguyện.
- 36/ Giới không phát thệ.
- 37/ Giới du hành ở chỗ hiểm nạn.
- 38/ Giới trái thứ tự tôn ty.
- 39/ Giới không tu phước huệ.
- 40/ Giới không bình đẳng truyền giới.
- 41/ Giới vì lợi mà làm thầy.
- 42/ Giới nói giới cho người ác.

43/ Giới không hổ thẹn nhận của bố thí.

44/ Giới không cúng dường kinh điển.

45/ Giới không hóa độ chúng sanh.

46/ Giới nói pháp không đúng pháp.

47/ Giới chế hạn phi pháp.

48/ Giới phá Phật pháp.

Có mười tám vật mà người thọ giới Bồ tát thường mang theo bên mình: cành dương, nước tro, ba y, bình bát, tọa cụ, tích trượng, lư hương, cái hộp, túi lọc nước, khăn tay, con dao, đá lửa, cái nhíp, giường dây, kinh, luật, tượng Phật, tượng Bồ tát.

Kinh nói mười tám món này phải luôn mang theo bên mình. Nếu chẳng đủ thì phải sắm sửa đầy đủ mới gọi là Bồ tát.

Người đời nay khi thọ giới Bồ tát, chỉ chú trọng ở nơi mười tám vật cho là xong, gánh vác theo bên mình cho là xong chuyện, mà luôn có liên quan đến việc trau dồi oai nghi, đại nghĩa ấy không nên quên, phép lớn trên cầu hạ hóa, đâu chỉ có thể mà thôi ư!

Kinh Phạm Võng chép: “Chúng sanh thọ giới Phật liền vào trong ngôi vị Phật. Nếu không thọ giới này, kẻ ngoại đạo tà kiến, súc sanh cùng thảo mộc bình đẳng không có khác”.

Thế mới biết, người không thọ giới Bồ tát, dù có học pháp Phật, siêng năng tu khổ hạnh, trải qua ngàn muôn kiếp cũng gọi là chúng sanh. Cho dù muốn thoát nghiệp sanh tử, phá tan nghiệp chướng, thành tựu quả bồ đề, trọn chẳng có lẽ này. Tuy có người thọ rồi hủy phạm giới, lại là đệ tử Phật; nếu như không thọ thì gọi là ngoại đạo, cho nên kinh chép: “Hoa Chiêm Bạc tuy héo nhưng vẫn thù thắng hơn các loài hoa, tỳ kheo phá các giới vẫn hơn các ngoại đạo”.

Trong tam tụ tịnh giới, người thọ giới Bồ tát này sẽ được quả báo tròn đầy Phật quả, tướng tốt vô biên, tam đạt, ngũ nhãn, thập lực vô úy, tất cả công đức thấy đều đầy đủ, ngay trong một niệm của thân này mãi đến khi thành Phật tròn đầy tám món công đức thù thắng.

1/ Nẻo đạo thù thắng: Nên biết người thọ giới Bồ tát này giống như chim đại bàng cất cánh bay cao, có thể đến 10 vạn 9000 dặm. Bồ tát phát tâm thọ giới này vượt qua được sáu nẻo hai thừa, cũng là nẻo tất để đi đến vô thượng Bồ Đề, ngồi ở chốn đạo tràng.

2/ Phát tâm thù thắng: Nếu có người ở trong một niệm phát lòng đại bi đại trí thọ giới Bồ tát, liền vượt qua cảnh giới nhị thừa. Xưa có Sa Di theo hầu một vị A La Hán, khi đi chợ phát tâm bồ đề, muốn thọ giới Bồ tát, vị A La Hán này lại sanh lòng cung kính, Ngài tự mang y bát nhường đường cho Sa Di Di.

3/ Phước điền thù thắng: Giả sử có người cúng dường những vị đại A La Hán đầy khắp cả cõi Diêm Phù Đề, không bằng cúng dường một người phát tâm thọ giới Bồ tát, do vì người kia vạn tâm rộng lớn.

4/ Công đức thù thắng: Nếu có người thọ giới tiểu thừa giống như ánh sáng đom đóm chỉ có thể tự soi sáng. Người thọ giới Bồ tát giống như ánh sáng mặt trời đúng Ngọ, chiếu soi khắp tất cả.

5/ Diệt tội thù thắng: Kinh chép: Sau khi thọ giới mà phá giới vẫn còn hơn những ngoại đạo tà kiến chìm đắm mãi trong đường ác không có kỳ ra khỏi. Người phá giới, do nhờ vào oai lực của giới, dù ở trong ác đạo chịu tội vẫn nhẹ; nếu đọa trong địa ngục thì làm vua trong địa ngục; nếu đọa trong loài súc sanh thì làm vua trong loài súc sanh; nếu đọa vào ngạ quỷ thì làm vua trong loài ngạ quỷ, nơi thác sanh vẫn không mất ngôi vua. Kinh chép: Có người phạm gọi là Bồ tát, vì có giới để phá. Không phạm gọi là ngoại đạo vì không có giới để phá.

6/ Thọ thai thù thắng: Người thọ giới nếu ở trong bào thai thường được trời, rồng, thiện thần cùng ủng hộ.

7/ Thần thông thù thắng: Người thọ giới do vì oai lực trì giới nên hay khuấy nước sông thành tô lạc, biến đại địa thành vàng ròng, ở trong một niệm vượt khỏi một ngàn đời, ở trong một ngày độ vô số chúng sanh.

8/ Quả báo thù thắng: Người thọ giới tức là Bồ tát, sẽ sanh vào trong biển tánh liên hoa tạng, thọ thân pháp tánh, một khi chúng được chon thường thì mãi mãi không còn thối chuyển.

Người thọ giới Bồ tát nên lấy việc phát tâm Bồ đề làm đầu, tâm Bồ đề là bốn lời thệ nguyện rộng lớn vậy. Nếu dốc lòng phát ra những lời nguyện

này lại đem tâm chí thành kính ngưỡng đại giới thì sẽ phát sanh ra vô tác giới thể, đó gọi là đắc giới. Sau khi đắc giới này rồi, giả như gặp duyên phá phạm cũng tự có công đức thù thắng, cho nên nói rằng các tỳ kheo phá giới vẫn hơn các ngoại đạo. Lại nói sanh ở nơi nào cũng không mất ngôi vua, nếu không phát tâm rộng lớn chơn thật như đây mà chỉ trông mong công đức sau khi phá, người xem thường việc cầu thọ giới thì quyết không được đắc giới, giới đã không đắc thì sau khi phá có công đức gì? Người cầu thọ giới nên biết ý này.

Giới thể này không phát thì thôi, phát tức là tánh, cho nên gọi là vô tác. Tiểu thừa nói rõ về quan điểm này, riêng có một điều thiện chế định được Phật pháp, nương nhờ vào thầy truyền thọ mà phát khởi cho đến suốt đời, hoặc nương theo định, nương theo đạo mà phát sanh, đều do tâm lực thù thắng, hễ có điều này thì sự cảm ứng phát sanh.

Thành Thật Luận chia làm nhóm phi sắc phi tâm. Luật sư phân nhiều nương vào vấn đề này để nói, nhưng chưa diễn đạt hết được ý nghĩa của nó, còn đại thừa thì nói rõ giới là thuộc nhóm sắc, ý nói đại thừa cầu mong quả vị cao tột, nương vào vị giới sư một lần truyền thọ thì mãi đến khi thành đạo bồ đề, tùy theo định, tùy theo đạo mà thề tu các điều thiện, thế độ loài hàm thức, cũng đem tâm lực rộng lớn mà riêng mở bày giới lành làm nhân duyên cho hành giả dứt hết các điều ác.

Đại Luận chép: Cho dù có tội hay không tội, không thể giữ được giới trọn vẹn, đây là giới vượt qua chánh thể, do tâm sanh ra lời nói, từ nay thọ trì thì dứt trừ được pháp ác của thân và miệng, đó gọi là giới, tức là vô tác vậy. Vô tác này tuy không có sắc tướng nhưng có năng trì và sở trì, có được có mất, cũng tựa như có sắc tướng, cho nên gọi là giả sắc vậy, cũng gọi là vô biên sắc.

Bộ Thọ Giới Yết Ma chép: Khi tác pháp yết ma lần đầu, mười phương giới pháp diệu thiện thấy đều chấn động. Lúc tác pháp yết ma lần thứ hai, các giới pháp diệu thiện đều nhóm ở trong hư không như mây, như lộng che trên đỉnh của người. Tác pháp yết ma lần thứ ba, thì các giới pháp diệu thiện này từ trên đỉnh môn người rớt vào thân tâm, đầy đủ chánh báo, thân tâm người, tức là nơi chứa nhóm vô lượng vô biên công đức.

Văn này chính là hình dung, không thể biểu hiện ra ngoài hình sắc, tuy chẳng thật có giới từ bên ngoài đến, nhưng cũng không thể gọi là ở nơi tự

tâm vốn sẵn đủ, lại cũng không có gì là được và không được. Bởi do lý tuy đầy đủ nhưng phải nương nhờ vào nhơn duyên cho nên mới phát khởi vậy.

---o0o---

Quyển Trung: Sa Môn Tự Tổ Hiệu Nguyên Hiền Ở Đất Cổ Sơn Phúc Châu Thuật Vào Đời Nhà Minh

KẾT GIỚI

Chỗ ở của Tỳ kheo trước phải kết giới, bởi vì khi yết ma thuyết giới, thọ giới, trị tội... điều nương theo giới mà lập; nếu không có giới thì các pháp yết ma đều không thể thành tựu; người kết giới nên đánh kiên chùy tập chúng không cho dự dục, trước xướng định giới tướng bốn phương, hoặc núi, hang, sông, ruộng, vườn, hoặc thôn phường, rừng cây, hang đá... rồi sau mới bạch nhị yết ma, nên bạch rằng: “Đại đức Tăng lắng nghe, nay ở trụ xứ này, từ hướng Đông đến... Tây đến... Nam đến... Bắc đến... Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng lòng cho, nay ở một trụ xứ đây một lần thuyết giới kết giới, bạch như thế. Đại đức Tăng lắng nghe, nay ở trụ xứ này, từ hướng Đông... đến v.v... nay ở một trụ xứ này một lần thuyết giới kết giới, các trưởng lão nào bằng lòng cho Tăng ở trong một trụ xứ này một lần thuyết giới kết giới thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này xin ghi nhận như vậy”.

Có trụ xứ đất rộng người đông, các Tỳ kheo đến xây phòng ở, hoặc dưới gốc cây, hoặc hang đá, ở rải rác khắp nơi, cách thức kết đại giới cũng như trên, chỉ sửa “kết giới” làm “kết đại giới”, sửa “một trụ xứ, một thuyết giới” thành “đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới”, ngoài ra tất cả đều giống nhau.

Chúng năm người, chúng mười người, chúng hai mươi người nhưng không thể đi xa để thuyết giới thì cho ở trong nội tướng đại giới trường, trước hết xướng định tướng của tiểu giới hoặc núi, sông, vách nhà... bạch yết ma như trước, chỉ sửa “kết đại giới” thành “kết tiểu giới”, “đồng nhất trụ xứ, đồng nhất thuyết giới”, thành “trong bốn phương tiểu giới này kết làm giới trường”, ngoài ra đều giống như trước.

Nếu có các Tỳ kheo muốn nói giới hẹp thành giới rộng, thu giới rộng thành hẹp thì trước hết phải giải giới rồi sau mới tùy ý kết rộng hẹp. Giải đại giới cũng phải bạch nhị yết ma, bạch rằng: “Đại đức Tăng nghe, Tỳ kheo này đồng một trụ xứ đồng một thuyết giới, nếu thời gian thích hợp với Tăng,

Tăng bằng lòng cho nay giải giới, bạch như thế. Đại đức Tăng lắng nghe, các Tỳ kheo này đồng một trụ xứ đồng một thuyết giới, nay giải giới, ai trong các trưởng lão...” nào phần sau nên tự biết, phương pháp giải tiểu giới cũng giống như thế.

Nếu Tỳ kheo ở hai trụ xứ muốn kết cùng một thuyết giới, cùng một lợi dưỡng thì trước hết phải giải giới, nên nhóm Tăng ở một chỗ, không được nhận dục, nên xướng phạm vi bốn phương của giới tướng rồi sau mới bạch nhị yết ma, cũng như trước, nhưng câu: “Ở trong tăng bằng lòng cho” đến đoạn sau: “Ở trú xứ nào, nơi nào kết cùng một lợi dưỡng cùng một thuyết giới, bạch như thế”. Cho đến phần sau yết ma nên tự biết.

Hoặc có hai trú xứ Tăng muốn thuyết giới riêng, lợi dưỡng chung, thì trước hết phải giải giới bạch nhị yết ma, phương pháp bạch cũng như trước nhưng câu: “Trong Tăng bằng lòng cho” đến đoạn sau sửa thành: “Ở nơi nào, kết nơi nào cùng một thuyết giới, riêng lợi dưỡng, bạch như thế”. Ngoài ra các yết ma khác nên tự biết.

Hoặc có hai trú xứ Tăng muốn thuyết giới riêng, lợi dưỡng chung, vì muốn giữ gìn trú xứ đó, phương pháp bạch cũng như trước, nhưng ở câu: “Tăng bằng lòng cho” trở về sau sửa rằng: “Ở nơi nào, nơi nào kết giới riêng, lợi dưỡng chung, vì để giữ gìn trú xứ vậy”, ngoài ra, có thể biết.

Hoặc có hai trú xứ Tăng thuyết giới chung, lợi dưỡng chung, sau lại muốn thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng, trước hết phải cùng nhau giải giới rồi sau mới kết các giới khác. Nếu tỳ kheo đang đi ở trong thôn xóm xa xôi hay trong đồng trống, nhằm ngày Bồ tát, phải hòa hợp ở một chỗ cùng nhau thuyết giới, nhưng phải kết tiểu giới, bạch nhị yết ma, rằng: “Đại đức Tăng lắng nghe, nay có bao nhiêu Tăng nhóm họp, nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng bằng lòng, kết tiểu giới bạch như thế”. Cho đến pháp bạch yết ma sau nên tự biết, và khi đi phải bạch nhị yết ma giải giới. Phạm có duyên sự phải ra khỏi giới tác bạch yết ma cũng đều căn cứ theo đây. Tiểu giới không có giới tướng của bốn phương, tức là chỉ căn cứ phạm vi số người ngồi hay đứng để kết giới thôi.

---o0o---

BỒ TÁT

Bồ tát là lược nhằm từ tiếng Phạn, nói đủ là Bát Đa Đê Đê Xá Na Mị, Trung Hoa dịch là hướng với nhau nói tội, tức là trong mỗi nửa tháng thuyết

giới hỏi sự thanh tịnh nhau vậy. Phạm làm Tăng sĩ cùng ở một trụ xứ phải lập một giới đường vào những ngày bạch nguyệt, hắc nguyệt, mười bốn, rằm các tỳ kheo trẻ tuổi nên đi đến nhà thuyết giới trước, để rưới nước quét dọn, trải tọa cụ, (thay) nước sạch, đốt đèn... sắp đặt tất cả những vật cần thiết. Khi đến giờ thuyết giới thì sai một tịnh nham hay Sa Di đánh ba hồi kiền chùy, các tỳ kheo vân tập hết vào giới trường chỉ trừ người chưa thọ giới và người đã thọ giới mà phạm tội chưa sám hối thì không cho vào nghe, hoặc người có duyên bệnh, hoặc có Tăng sự đúng như pháp thì phải cho dự dực. Nếu những Tăng sự nhỏ nhất không đúng như pháp thì không cho dự dực, những người hiện tiền cùng nhau vân tập đây được quyền ngăn mà không ngăn, thế mới gọi là Tăng vân tập một cách hòa hợp.

Trong Tăng cử một người có thể yết ma nói giới, người nói giới ngồi ở tòa cao, người nghe ngồi tòa thấp, tất cả đều mặc y bảy điều, cứ theo thứ lớp mà ngồi. Nếu không có duyên sự làm trở ngại thì nên đọc hết giới bốn, còn có duyên sự làm trở ngại thì tùy theo đến chỗ nào... mà dừng. Ngoài ra thì nói rằng: “Đây là những việc Tăng thường nghe”. Hoặc có những việc gấp không thể tụng được thì liền rời khỏi tòa, hoặc người có thể lực muốn đến nghe giới, thì nên tụng trước một ngày, hoặc nán lại tụng vào ngày sau, hoặc ngay trong lúc tụng họ tới thì liền ngưng lại nói: “Đây là những việc Tăng thường nghe”. Hoặc họ ép buộc phải đọc cho hết thì nên tụng đảo lộn thứ tự của các câu khiến cho họ nghe nhưng không hiểu.

Tỳ kheo thuyết giới nếu có bỏ sót, tụng sai thì vị Tỳ kheo ngồi kế bên nên trao cho lời dạy, hoặc có sự duyên không thể tụng hết được thì vị Tỳ kheo ngồi kế bên phải tụng thay.

Nếu đến ngày tụng giới, tất cả Tỳ kheo đều không thể tụng được thì nên lược tụng các bài kệ của bảy vị Phật, nếu lại không ai tụng được thì nên tụng câu:

“Chẳng làm các điều ác

Nên làm các việc lành

Giữ tâm ý trong sạch

Đó là lời Phật dạy”

Phật dạy Tỳ kheo năm hạ nên học thuộc lòng giới bốn, nếu không tụng thuộc giới thì nên như pháp mà trị tội, nếu không thì trọn đời không được là thầy y chỉ.

Nếu trú xứ chỉ có một Tỳ kheo, thì vào ngày thuyết giới nên đến nhà thuyết giới rưới quét sạch sẽ, trải tọa cụ, (thay) bình nước sạch, đốt đèn dầu, Cự Xá La; như có tỳ kheo khách đến đủ số bốn người hoặc hơn thì nên bạch yết ma rồi sau mới nói giới, mỗi người hướng với nhau nói rằng: “Nay ngày mười lăm Tăng thuyết giới, tôi tỳ kheo... thanh tịnh”. (Nói như vậy ba lần”. Nếu chỉ có một người thì tâm nghĩ miệng nói, cũng nói 3 lần như vậy. Nếu ba người thì không được nhận người thứ tư thuyết dục và thanh tịnh. Nếu hai người thì không được nhận người thứ ba thuyết dục và thanh tịnh. Nếu một người thì không được nhận người thứ hai thuyết dục và thanh tịnh, tất cả đều nên tự nói.

Ngày thuyết giới có khách Tỳ kheo đến, nếu khách Tỳ kheo ít thì nên theo cữ Tỳ kheo cầu xin hòa hợp đồng thuyết giới. Khách Tỳ kheo đến bằng số cữ Tỳ kheo, cũng nên theo cữ tỳ kheo cầu xin hòa hợp đồng thuyết giới. Cữ tỳ kheo ít khách Tỳ kheo nhiều thì cữ Tỳ kheo nên theo khách Tỳ kheo cầu xin hòa hợp cùng thuyết giới.

Nếu đến ngày thuyết giới, cữ trú Tỳ kheo nhóm họp nói lời tựa của giới kinh, mà có khách Tỳ kheo đến với số lượng ít thì nên bạch rằng thanh tịnh, rồi theo thứ tự ngồi xuống để nghe giới. Nếu đã thuyết giới xong, đại chúng đều giải tán, cũng nên nói rằng thanh tịnh, bằng không thì nên như pháp mà trị. Nếu khách Tỳ kheo đến bằng số cữ Tỳ kheo, hoặc nhiều hơn số cữ Tỳ kheo thì phải thuyết giới lại, bằng không thì nên như pháp mà trị. Nếu cữ Tỳ kheo thuyết giới, cữ trú Tỳ kheo đến hoặc ít hoặc bằng hoặc nhiều cũng như trước, hoặc khách Tỳ kheo thuyết giới, cữ trú Tỳ kheo đến hoặc ít hoặc bằng hoặc nhiều cũng giống như trước.

Tỳ kheo Bồ tát nên làm pháp Bồ tát riêng. Người chưa thọ giới Bồ Tát thì không cho nghe, người phạm giới chưa thanh tịnh cũng không cho nghe, mỗi nửa tháng hướng tới hình tượng chư Phật, Bồ Tát tụng mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh. Nếu có một người thì một người tụng, nếu hai, ba cho đến trăm ngàn cũng một người tụng, người tụng nên ngồi trên tòa cao, người nghe ngồi ở tòa thấp, tất cả đều mặc y chín điều, bảy điều, năm điều, theo thứ lớp mà ngồi. Nếu có người phạm tội thì tự mình phải ra trước đại chúng thú tội, phạm mười giới trọng thì nên cho sám hối, ngày đêm sáu thời tụng mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh, thành khăn đánh lễ ba đời

chư Phật, đến khi thấy được hảo tướng, hoặc ánh hào quang, hoặc hoa báu thì tội liền tiêu diệt, còn phạm tội khinh thì chỉ cần đối thú phát lồ thì tội liền tiêu diệt.

Tỳ kheo Bồ tát cũng phải nghe thuyết Tỳ kheo giới, nếu không nghe thì mắc tội vượt pháp, vì nhiếp luật nghi giới là gồm nhiếp tất cả. Hơn nữa, những phép tắc Phật chế trong Tăng đều căn cứ vào pháp thanh văn mà kiến lập, đã cùng nhau ở chung thì phải cùng nghe, chỉ vì trong đó có khai ngăn không đồng, khinh trọng đều khác, do đó mà hạnh nguyện cũng sai biệt vậy.

---o0o---

THUYẾT DỤC

Thuyết dục tức là đến ngày thuyết giới nhưng có các Tỳ kheo vì Tăng sự như pháp, hoặc bị bệnh, ý muốn đến mà không đến được bèn đem ý muốn này chuyển trao cho người nói giùm. Nên đây đủ oai nghi đến chỗ người có thể chuyển ý muốn, bạch rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con tỳ kheo... có Tăng sự như pháp xin gửi dục và thanh tịnh”. Người chuyển dục kia đến trong Tăng, khi Tăng hỏi: “Có người nào thuyết dục và thanh tịnh không?”. Vị ấy, đi ra trước chúng sửa sang oai nghi, bạch rằng: “Hôm nay Tỳ kheo... có Tăng sự như pháp đã gửi dục và thanh tịnh”. (*Nói một lần*). Nếu có người bệnh không thể đến được, lại không có người để mang ý muốn đến thì trong Tăng nên sai người đến nhận dục, người bệnh nên nói: “Tôi... vì duyên bệnh xin gửi dục và thanh tịnh”, người nhận dục trở về trong Tăng cũng nói y như thế.

Nếu người nhận dục kia, khi nhận dục xong, hoặc có duyên sự khác không thể đến trong Tăng nói thì cũng nên cho gửi dục lại, hoặc có người nhận dục xong đã đến trong tăng nhưng vì ngủ quên hoặc nhập định hoặc qua đời, nếu như không cố ý làm thì cũng thành pháp dục dục, nếu cố không nói thì mắc tội Đột Kiết La.

Người nhận dục của một người rồi, lại cũng được nhận dục của một người khác nữa, đến trong Tăng bạch: “Tỳ kheo... (mỗ giáp), Tỳ kheo... (mỗ giáp), vì có Tăng sự như pháp nên đã gửi dục thanh tịnh” hoặc nhiều quá không thể kể tên từ người một thì chỉ bạch rằng: “Nay có số đông tỳ kheo có Tăng sự đúng như pháp đã gửi dục và thanh tịnh”.

Nếu có Tỳ kheo bị bệnh không thể gởi dục thì nên khiêng đến trong Tăng, như không thể di chuyển thì đại chúng phải đến chỗ người bệnh để thuyết giới.

Hoặc có Tỳ kheo đã gởi dục xong, nhưng việc đó bỗng nhiên đình chỉ thì phải đến nghe giới, nếu không đến thì như pháp mà trị.

Nếu khi trong Tăng tự tứ nên nói: “Gởi dục tự tứ”. Ngoài ra, lời lẽ đều giống nhau. Phạm trong Tăng tác pháp yết ma tập chúng, người không thể đến đều phải gởi dục, chỉ trừ yết ma kết giới thì không cho dục dục. Do vậy, kết giới phải nhóm hết cả đại chúng.

---o0o---

AN CƯ

An cư : Ban đầu Phật chế an cư ba tháng mùa hạ là để hộ sanh, vì trong mùa hạ phạm vi đất đai một thước vuông đều có trùng, nên Phật chế ra pháp an cư vậy. Kết vào ngày mười sáu tháng tư và giải vào ngày mười lăm tháng bảy. Nên bạch với người mình nương tựa rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con tỳ kheo mỗ giáp... nay tiền an cư ba tháng, phòng xá hư đã sửa sang” (*nói ba lần*). Người kia bảo: “Nên biết, chớ có buông lung”. Đáp: “Xin thọ trì”. Nếu không có ai để nương tựa thì tâm niệm rằng: “Con Tỳ kheo nương tựa vào Tăng già lam tiền an cư ba tháng. Hậu an cư là đổi chữ tiền thành hậu, ngoài ra văn bạch đều giống nhau. Nếu đến chỗ an cư mà quên không kết cũng thành pháp an cư. Lại nữa, khi mới đến nơi ấy thì liền thành an cư.

Minh Liễu Luận chép: Chỗ không có năm điều lỗi thì được ở trong đó an cư:

- 1/ Quá xa tự lạc, vì việc khát thực khó được.
- 2/ Quá gần thành thị, vì trở ngại đường tu.
- 3/ Chỗ quá nhiều muỗi, kiến, mình và đại chúng đều tổn hại.
- 4/ Không thể nương tựa vào người không đủ năm đức, người phải có đủ năm đức mới có thể nương tựa.
- 5/ Không có thí chủ cung cấp thuốc, y phục, đồ ăn uống.

Có đủ năm đức là:

- 1/ Chưa nghe khiến cho được nghe.
- 2/ Đã nghe khiến cho được thanh tịnh.
- 3/ Có thể quyết nghị cho mình.
- 4/ Khiến cho mình thông đạt không bị đình trệ.
- 5/ Trừ tà kiến được chánh kiến.

Phàm người an cư không nhất định phải ở trong chùa, mà có thể ở những nơi như : A Lan Nhã, dưới gốc cây, trong bóng cây, trong hang đá, trong nhà nóc nhọn, trên thuyền nhưng ở trên phải không đụng đầu. Chỗ ngồi có thể lọt đầu gối thì đều được an cư, nhưng cần phải liả năm điều lỗi trước. Tỳ kheo ni không an cư phạm Ba Dật Đề, ngoài ra bốn chúng khác không an cư phạm Đột Kiết La.

Người tác pháp an cư vào ngày mười sáu tháng tư gọi là tiền an cư, còn vào ngày mười bảy tháng tư đến mười lăm tháng năm gọi là hậu an cư. Tiền an cư là ở trong ba tháng trước, còn hậu an cư là ở trong ba tháng sau, nhưng tất cả đều phải đủ chín mươi ngày, không đủ thì không được tính tuổi hạ. Người tiền an cư tự tứ, người hậu an cư cũng đồng tự tứ, nhưng tiền an cư tự tứ rồi là được tính thêm một tuổi, còn người hậu an cư thì không được, do vì chưa đủ chín mươi ngày. Người tiền an cư phân chia vật, người hậu an cư cũng được phân chia, nhưng phải ở lại cho đủ số ngày.

(Lại có thuyết nói: “Có ba loại an cư:

- 1/ Mười sáu tháng tư gọi là tiền an cư.
- 2/ Mười bảy đến mười lăm tháng năm là trung an cư.
- 3/ Mười sáu tháng năm gọi là hậu an cư.

Nhưng tất cả đều đủ số chín mươi ngày mới được tính tuổi hạ).

Trong thời gian an cư nếu có duyên sự như pháp bắt buộc phải đi, thì nên về liền trong ngày, bằng không thể về kịp trong ngày thì cho thọ pháp bảy ngày, đến ngày thứ bảy thì phải trở về. Pháp thọ là đôi thú tự bạch rằng:

“Đại đức một lòng nghĩ, con... thọ pháp bảy ngày vì việc... việc xong về lại trong đây an cư” (**Nói một lần**).

Nếu duyên sự không thể trở về trong bảy ngày thì cho thọ pháp hơn bảy ngày, hoặc mười lăm ngày, một tháng, bạch nhị yết ma rằng: “Đại đức Tăng nghe, nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng bằng lòng cho con mỗ giáp... thọ pháp hơn bảy ngày, hoặc nói rằng mười lăm ngày... một tháng, vì duyên sự mỗ giáp... việc xong sẽ trở về trú xứ này an cư”. Bạch như thế, văn yết ma tự nên biết, nhiều người thì có thể yết ma chung. Nếu tỳ kheo an cư rồi, thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới, quá bảy ngày mới trở về, tỳ kheo kia kể như phá tiền an cư, trái với điều Phật dạy, mắc tội. Nếu tỳ kheo an cư rồi, (đến bảy ngày) cuối cùng thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới, dù có trở về hay không đều không phá tiền an cư, không trái với lời Phật dạy, cũng không mắc tội.

Nếu Tỳ kheo thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới, lại bị mẹ giữ lại hơn bảy ngày mới trở về, nhưng không mất tuổi hạ. Nếu Tỳ kheo thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới vì đường xá chẳng thông, bị nạn giặc, ác thú... hơn bảy ngày mới trở về, không mất tuổi hạ.

Nếu Tỳ kheo an cư rồi thấy trong đó có mạng nạn, tịnh hạnh nạn, nên đến nói với người đàn việt xin dời đi, người kia cho thì tốt, bằng không cho thì liền phải vì việc này mà bỏ đi, hoặc chỗ đó có nhiều độc trùng e rằng làm tổn thương sanh mạng, phải vì việc này mà bỏ đi, như thế thì không phá an cư.

Hoặc có Tỳ kheo an cư một mình, nếu thọ pháp bảy ngày, nên tâm nghĩ miệng nói rằng: “Con Tỳ kheo... nay thọ pháp bảy ngày”. Hoặc bạch rằng: “Hơn bảy ngày... ra ngoài giới vì duyên sự... trở về lại trú xứ này an cư” (**Nói ba lần**).

---o0o---

TỰ TỨ

Chữ tứ là mặc cho người khác nêu ra lỗi của mình trong chín tuần tu tập, tinh luyện thân tâm. Con người ta phần nhiều mờ tối, không tự thấy rõ tội lỗi mình, nay mặc để cho Tăng nói ra lỗi lầm của mình cho nên gọi là tự tứ. Chín tuần cảm tức đã mãn, ngày mười lăm tháng trăng sáng tự tứ, nếu có Ni đến thì tự tứ ngày mười bốn, Ni tự tứ ngày mười lăm. Ngay trong ngày đó hoặc lúc tiểu thực, hoặc giờ ngọ trai đến nhà thuyết giới, đánh kiền chùy

tập chúng, người chưa thọ đại giới thì không cho vào. Thầy chấp sự bạch rằng: “Đại đức Tăng lắng nghe, nay ngày mười lăm tháng có trăng, chúng Tăng nhóm họp nơi... tự tứ”. Khi Tăng đã vân tập, trước nên sai hai người nhận tự tứ, hai người ấy phải đủ năm đức:

1/ Năm đức tự tứ : Không ái, không sân, không bố, không si, biết đã tự tứ hay chưa tự tứ.

2/ Năm đức cử tội : Biết thời không cho là phi thời, như thật không cho là hư vọng, có lợi ích không cho là không có lợi ích, nhu nhuyễn không cho là thô tháo, từ tâm không cho là sân khuê.

Nếu chúng đông thì sai một lượt hai người, nếu chúng ít thì chỉ sai một người bạch nhị yết ma, bạch rằng: “Đại đức Tăng lắng nghe, nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng bằng lòng cho, sai tỳ kheo... làm người nhận tự tứ, bạch như thế”. Văn yết ma có thể biết. Bạch yết ma xong, hai người nhận tự tứ mới từ tòa đứng dậy đến trước thượng tòa lễ dưới chân rồi bạch rằng: “Đại đức Tăng lắng nghe, nay là ngày chúng Tăng tự tứ, nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng bằng lòng cho, Tăng hoà hợp tự tứ, bạch như thế”. Hai người nên bày vai phải, mở giày dép, quì xuống chấp tay đến trước thượng tòa bạch tự tứ, nên bạch rằng: “Bạch Đại đức chúng Tăng, nay là ngày tự tứ, con tỳ kheo... cũng tự tứ, nếu có thấy nghe nghi có tội cúi xin đại đức trưởng lão xót thương chỉ bảo, nếu con thấy có tội nên như pháp mà trị”. **(Nói ba lần).**

Chúng Tăng lần lượt nên lìa khỏi tòa tự tứ xong, hai người nên đến trước tòa bạch rằng trong Tăng một lòng tự tứ xong, bèn như phép thường mà lui. Nếu có người già bệnh, tùy theo chỗ ngồi đối trước hai người nói.

Hoặc ngày tự tứ có tám nạn khởi lên không thể rộng nói thì nên lược nói hai hoặc một, hoặc tất cả cùng nói ba lần. Nếu gặp nạn sự gấp không thể nói ba lần thì phải vì việc nạn này mà giải tán.

Nếu bốn người trở xuống thì nên đối thú như pháp, phải tập họp cùng nhau tự tứ, tất cả đều bạch rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, hôm nay chúng tăng tự tứ. Con Tỳ kheo... thanh tịnh”. **(Nói ba lần).** Nếu ba người, hai người cũng căn cứ theo pháp này.

Nếu trú xứ chỉ có một người vào ngày tự tứ phải đến nhà thuyết giới, rưới quét, trải tọa cụ... đợi khách tỳ kheo, nếu không có khách tỳ kheo nên

tâm nghĩ miệng nói rằng: “Ngày hôm nay chúng tăng tự tứ, con tỳ kheo... thanh tịnh”. (Nói ba lần).

Sau khi tự tứ thì được thêm một tuổi, thêm một tuổi là người xuất gia không lấy năm sanh để tính tuổi mà phải lấy ngày mãn hạ tính thêm một tuổi. Nếu như người đó có phạm lỗi phá an cư, thì không được một tuổi. Bắt đầu từ ngày mười sáu tháng bảy lại gọi rằng “lạp”, nghĩa là giao tiếp, ý nói ngày mười sáu tháng bảy chính là ngày giao tiếp giữa tuổi mới và tuổi cũ vậy.

---o0o---

THỌ DƯỢC

Phật dạy thuốc có bốn loại:

1/ Thuốc đúng thời.

2/ Thuốc phi thời.

3/ Thuốc bảy ngày.

4/ Thuốc trọn đời.

* Thuốc đúng thời có hai loại:

1/ Thức ăn Bồ Xà Ni, nghĩa là cơm, bún, bánh khô...

2/ Thức ăn Pháp Xà Ni, nghĩa là cành lá, hoa quả và những thức vụn vặt.

Hai loại thức ăn này từ khi minh tướng xuất hiện cho đến nửa ngày đều có thể ăn, đây chính là thức ăn đúng thời. Người nhận thức ăn này:

1/ Phải phân biệt là thức ăn hay chẳng phải là thức ăn.

2/ Phải có tâm thí xả.

3/ Phải trao cho đúng như pháp thì mới có thể nhận thức ăn.

* Thuốc phi thời:

Khi qua giờ Ngọ thì không được ăn hai loại thức ăn trước. Nếu như có duyên bệnh Phật cho dùng nước trái cây ép như: Lê, táo, mía.... Nếu không làm cho người say thì nên uống phi thời, cũng không nên hôm nay nhận nước trái cây ép để đến ngày hôm sau, nếu uống thì như pháp mà trị.

Luật Ngũ Phần lại khai cho được uống mật ong, nếu các loại nước lã trong, màu sắc giống như nước bình thường, do vì nước đã lã trong nên được nhận từ tay tịnh nhơn, rồi đối với một Tỳ kheo nói pháp thọ: “Đại đức một lòng nghĩ, con tỳ kheo mỗ giáp... nay vì bệnh khát, đây là nước... vì muốn uống phi thời. Nay ở trước Đại đức thọ nhận” (**Nói ba lần**). Nếu không có bệnh khát, thì người uống mắc tội.

* Thuốc bảy ngày:

Phật dạy năm loại tô, du, sanh tô, mật, đường phèn. Có nhân duyên bệnh thì cho uống phi thời, lại thêm pháp thọ rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con Tỳ kheo mỗ giáp... nay vì duyên bệnh... thuốc bảy ngày này là loại tô... vì muốn cùng ngũ chung để uống trong bảy ngày, nay đối trước đại đức con xin thọ” (**Nói ba lần**). Nếu chứa quá bảy ngày thì mắc tội.

* Thuốc suốt đời:

Những vật có vị mặn, đắng, chua, cay không thể dùng tùy tiện, tức là những loại như gừng, tiêu và hoàn tán. Phật cho dùng thuốc suốt đời, lại thêm pháp thọ rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con tỳ kheo mỗ giáp... nay vì duyên bệnh, những thứ... đây là thuốc suốt đời vì muốn ngũ chung để uống trong thời gian lâu dài, nay đối trước đại đức xin thọ nhận” (**Nói 3 lần**).

---o0o---

CHIA VẬT CỦA TẶNG QUA ĐỜI

Năm chúng nếu mất, tất cả những y vật không thể riêng có được, vốn thuộc về Tăng. Do vì tài vật của người xuất gia hẳn từ nơi Tăng mà ra, Phật pháp vốn không có phần, cho nên mới nhập vào của Tăng. Nhưng Tăng có bốn phương và hiện tiền khác nhau, vật cũng có khinh trọng sai khác, pháp phân vật được kể đủ như sau:

1/ Xét người qua đời có thiếu nợ không:

Phật dạy, nên hỏi người nuôi bệnh, ai thiếu nợ tài vật người bệnh, người bệnh thiếu nợ tài vật ai? Nếu như người khác thiếu nợ tài vật người bệnh thì phải đòi để sung vào của Tăng. Nếu người bệnh thiếu nợ tài vật của người khác thì nên đem y dư trả, bằng không thì bán cả ba y mà trả, nếu có dư thì cho người nuôi bệnh.

2/ Hỏi trao lời di chúc.

Phật dạy, nên hỏi người nuôi bệnh rằng, người bệnh có trao lời di chúc không, hoặc hỏi rằng người bệnh lúc lâm chung có nói, sau khi tôi mệnh chung vật này cúng cho Phật, pháp, tăng, tháp, người. Hoặc sau khi tôi qua đời nên cho người... Phật dạy nên lấy lại và phân chia cho hiện tiền Tăng.

Luật Ngũ Phần chép: “Nếu lúc còn sống đã hứa cho người mà họ chưa mang đi thì Tăng nên bạch nhị yết ma để cho”.

3/ Lúc xả vật.

Luật Tăng Kỳ chép: “Nếu người bệnh qua đời, nên đem cái móc cửa (chìa khóa) trao cho vị Tăng tri sự, rồi sau cúng dường xá lợi”.

Luận Tỳ Ni Mâu chép: “Trước hết đem người mất tẩn liệm, đưa đi an táng xong, chư Tăng trở về chùa mang y vật của vị mất ra để ở trước Tăng, người đem đến bạch rằng: Đại đức Tăng lắng nghe... Tỳ kheo... ở trú xứ này mạng chung, những y vật có được, giờ đem chia cho hiện tiền Tăng ở trú xứ này, nói như thế ba lần rồi xả”.

4/ Chia vật khinh trọng (tốt xấu).

Phật dạy, nếu năm chúng có người qua đời, tất cả những vật mà họ có được đều thuộc về của Tăng, nếu có ruộng vườn, trái, cây và những phòng xá khác cho đến những vật như bình đồng, vò đồng, búa, đục, đèn, đài, giường dây, nệm ngồi, nệm nằm, thảm lông, xe kiệu, người giữ Tăng già lam, bình nước, chậu rửa, tích trượng, bát bằng thiếc, bát gỗ, bát nung, túi da, gậy trúc và các loại vật có giá trị, đều không được phân chia, vì thuộc bốn phương tăng. Trong chúng nên sai một người phân chia những vật có thể chia, còn những vật không thể chia thì để riêng một chỗ.

5/ Thưởng cho người nuôi bệnh:

Phật dạy, người nuôi bệnh phải đầy đủ năm pháp. Người mà thành tựu được năm pháp này thì nên cho y vật của người bệnh. Năm pháp đó là:

- Biết người bệnh ăn được hay không.
- Không nhòm góm người bệnh đại tiểu tiện, khạc nhổ, ói mửa.
- Có lòng thương xót, không vì cơm áo.
- Lo liệu thuốc thang cho đến khi hết bệnh hoặc qua đời.
- Có thể nói pháp cho người bệnh nghe, để cho mình được thêm điều lợi ích ở trong pháp lành.

Luật Tăng Kỳ có bốn loại:

- Làm tạm.
- Vì Tăng sai mà làm.
- Tự mình thích làm phước.
- Tà mạng làm.

Như vậy thì đều không hợp với phân thưởng. Nếu vì đem lại lợi ích cho người bệnh, muốn họ mau hết bệnh, nhẫn đến đốt đèn hơi nóng, giả như người bệnh mạng chung thì cũng được thưởng.

Luật Ngũ Phần chép: “Nhiều người nuôi bệnh thì cũng chia cho đồng đều”.

Bộ Ma Đắc Lạc Già chép: “Bạch y nuôi bệnh cũng nên cho chút ít”.

Phật dạy, người nuôi bệnh nên cho sáu vật: Óng đựng kim, túi đựng y... Nên bạch nhị yết ma rằng: “Đại đức Tăng lắng nghe, tỳ kheo... đã qua đời, có ba y và các vật khác, nên phân chia cho hiện tiền Tăng, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng bằng lòng cho, Tăng nay cho vật... tỳ kheo nuôi bệnh bạch như thế”. Văn yết ma như trên có thể biết.

6/ Phân chia vật kém giá trị.

Nếu năm người sắp lên cùng ở một chỗ, có một người chết, nên làm phép triển chuyên phân vật, trong Tăng sai một người bạch nhị yết ma, bạch rằng: “Đại đức Tăng lắng nghe, tỳ kheo... qua đời, có để lại những y vật, nên chia cho hiện tiền Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng bằng lòng, nay đem những vật này cho tỳ kheo... nên hoàn lại cho Tăng, bạch như thế”. Văn yết ma có thể biết. Tác pháp như thế xong, tùy theo hiện tiền Tăng nhiều ít mà lấy y vật của vị Tăng qua đời căn cứ theo số lượng mà chia, nếu khách Tăng đến thì cũng được phần, nhưng việc chia y đã vào tay người hiện tiền rồi, người mới đến sau thì không được phần.

Luật Ngũ Phần chép: “Nếu không đủ thì hòa Tăng cho Tỳ kheo không có y, nếu chỉ có một y rất tốt thì không được cắt rọc, nếu tất cả đều có thì đi từ trên xuống, người nào cần thì cho”.

Nếu bốn người ở chung mà chết một người, thì nên làm phép chia liên, phải thưởng cho người nuôi bệnh. Nếu chỉ có ba người thì miệng hòa hợp đem y phân phó rằng: “Chư đại đức nhớ nghĩ, nay đem y bát... của Tỳ kheo qua đời này cho tỳ kheo nuôi bệnh” (**Hỏi 3 lần**). Ngoài ra những vật kém giá trị khác nên bạch nhị yết ma rằng: “Đại đức Tăng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với tăng, tăng bằng lòng cho, Tỳ kheo... qua đời, có những y vật nên phân cho hiện tiền tăng, bạch như thế”. Văn yết ma có thể biết. Khách Tỳ kheo đến cũng giống như trên.

Nếu ba người cùng ở mà mất hết một người thì chia cho nhau, nên thưởng cho người nuôi bệnh, hai người khẩu hòa, đem y ra phân phó nói giống như trên. Ngoài ra, những vật kém giá trị khác, hai người ba lần nói rồi chia cho nhau, nên nói: “Đại đức lắng nghe, Tỳ kheo mỗi giáp... qua đời, y vật này thuộc về của chúng ta” (**Nói ba lần**). Khách Tỳ kheo có đến cũng giống như trên.

Hai người cùng ở chung, một người qua đời, người còn lại tay cầm y miệng tự nói: “Y vật này của Tỳ kheo... qua đời, y vật này thuộc về phần ta” (**Nói 3 lần**). Nếu có khách Tỳ kheo đến thì không được cho vì tay đã cầm y rồi vậy.

Nếu có người vì người bệnh tìm cầu thuốc thang, áo cơm và vì việc tháp, việc Tăng, tuy họ không hiện tiền nhưng nên chừa cho một phần. Nếu là tịnh nhơn thì cũng được nửa phần, nếu như qua đời ở nhà bạch y, thì đem vật kém giá trị chia cho năm chúng hiện tiền, còn vật có giá trị đưa gần đến

chỗ Tăng già lam, nếu không có năm chúng thì đều đưa đến chỗ gần Tăng già lam.

---o0o---

PHÁP SÁM HỐI SÁU NHÓM TỘI

Ba La Di : Trung Hoa dịch là khí, nghĩa là mãi mãi bỏ ra ngoài biển Phật pháp, không có phần đạo quả vậy. Người phạm phải nên diệt tận, nếu phạm rồi mà không có tâm che giấu, tha thiết cầu xin sám hối, nên yết ma cho làm tỳ kheo học giới, nhưng bị đoạt ba mươi lăm việc, suốt đời thực hành không được vượt qua. Nếu như lúc chúng Tăng yết ma thuyết giới, cho dù đến dự hay không đến dự cũng chẳng phạm, nếu phạm tội trọng một lần nữa thì nên diệt tận, nếu chứng được quả A La Hán thì mới cho dự vào ngôi vị của đại Tăng.

Luật Tăng Kỳ chép: “Người phạm tội trọng khốc lóc không chịu lia ca sa, lại có lòng tin ưa Phật pháp thì nên cho học giới. Học giới là những món ăn nào không hợp pháp đối với Tỳ kheo thì cũng không hợp pháp với vị này; những món ăn nào không hợp pháp với vị này thì cũng không hợp pháp với Tỳ kheo. Vị này được Tỳ kheo trao cho thức ăn, ngoại trừ năm thứ thực vật hỏa tịnh và vàng bạc, vị này được theo Sa di nhận thức ăn”.

Luật Thập Tụng chép: “Những giới Phật đã kết, tất cả đều phải vâng làm. Từ bậc đại tỳ kheo đến bậc hạ tòa, không được ngủ chung nhà với đại Tăng ba đêm, tự mình không được ngủ quá hai đêm với người chưa cụ giới, cùng ngủ quá hai đêm, được cùng với tăng làm hai pháp yết ma là tự tứ và bố tát, nhưng không được tính đủ số để trao cho giới, xuất tội, ngoài ra các pháp khác cũng không được làm, được nhận tuổi hạ. Không được ở trong chúng tụng luật, nếu không ai có thể tụng được thì cho.

---o0o---

PHÁP SÁM HỐI TỘI TĂNG GIÀ BÀ THI SA

Tăng Già Bà Thi Sa: Trung Hoa dịch là Tăng Tàn, nghĩa là tội này gần như bị bỏ, như người bị kẻ khác chặt đầu chỉ còn sót yết hầu phải mau mau cứu chữa, người phạm mà che giấu nên xét theo số ngày che giấu, rồi cho thực hành pháp Ba Lợi Bà Sa, hành pháp Ba Lợi Bà Sa xong lại cho 6 đêm hành pháp Ma Na Đỏa, hành pháp Ma Na Đỏa xong lại cho ở trong hai mươi vị tăng mà xuất tội. Nếu phạm mà không che giấu liền trao cho sáu đêm

hành pháp Ma Na Đỏa, sau đó cho ở trong hai mươi vị tăng mà xuất tội. Nếu thời gian thực hành hai pháp này mà phạm trở lại, thì tùy theo điều đã phạm mà hành pháp bản nhật tri.

Ba Lợi Bà Sa: Trung Hoa dịch là “Biệt trú hành”, nghĩa là được yết ma cứu tội xong, đoạt hết ba mươi lăm việc. Ở sau trong Tăng thực hành tám việc, nếu mất một đêm phải bạch Tăng phát lộ, cung cấp chúng Tăng, đến hết số ngày che dấu.

Ma Na Đỏa: Trung Hoa dịch là Cực khổ ty liệt hành, phần lớn đồng với Ba Lợi Thi Sa nhưng ngủ ở trong tăng là khác.

---o0o---

PHÁP SÁM HỐI TỘI THÂU LAN GIÁ

Thâu Lan Giá: Trung Hoa dịch là Xú Ác, có hai loại:

1/ Tùng sanh.

2/ Độc đầu.

Tùng sanh Thâu Lan Giá có ba phẩm, từ nơi tội tứ khí mà sanh, tội trọng Thâu Lan Giá gọi là thượng phẩm, nên hưởng đến tất cả mọi người trong Tăng sám hối, nếu từ tội Tứ khí mà sanh nhẹ, hoặc từ nơi Tăng Tàn mà sanh nặng thì gọi là trung phẩm, nên ra ngoài giới, sám hối tội lỗi với bốn vị Tỳ kheo. Nếu từ Tăng Tàn sanh nhẹ, nên sám hối với một tỳ kheo thanh tịnh. Độc đầu Thâu Lan Giá cũng có ba phẩm: thượng phẩm là phá chuyển pháp luân Tăng, giết trời, chư thiên, trộm bốn tiền... gọi là thượng phẩm. Phá yết ma Tăng, trộm ba tiền, hai tiền gọi là trung phẩm. Ăn thịt uống máu sống, ác tâm mắng nhiếc Tăng chúng, trộm một vật... gọi là hạ phẩm. Cách sám hối cả ba phẩm giống như tội Tùng sanh.

---o0o---

PHÁP SÁM HỐI TỘI BA DẬY ĐỀ

Tụ này chia làm hai:

1/ Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề : Trung Hoa dịch là Xả Đọa. Tội này đều căn cứ trên tiền tài mà phạm, nay phải đem tài vật đến xả trong Tăng, cho nên gọi là Xả Đọa.

2/ Ba Dật Đề : Trung Hoa dịch là Đọa. Việc phạm tội này đều căn cứ trên lời nói, việc làm, không có vật để xả, cho nên gọi là Đọa vậy.

+ Cách sám hối tội Xả Đọa là vật này không thể biệt chúng xả, nếu xả như thế thì không thành pháp xả, lại còn mắc tội Đột Kiết La, bắt buộc phải đến xả trong Tăng, trích áo bày vai hữu, mở giày, guốc, dép, lễ dưới chân thượng tòa xong, quỳ xuống chấp tay bạch rằng:

“Đại đức Tăng lắng nghe, con Tỳ kheo mỗ giáp... vì chứa... (bao nhiêu)... y dư, phạm tội Xả Đọa, nay con xả cho Tăng” **(Nói một lần)**.

Xả y xong, liền ở trong Tăng xin sám hối, bạch rằng:

“Đại đức tăng lắng nghe, con Tỳ kheo mỗ giáp... vì chứa... (bao nhiêu)... y dư, phạm tội Xả Đọa, y này đã xả cho Tăng, nay có bao nhiêu tội Ba Dật Đề xin theo Tăng sám hối, cúi xin Tăng cho con là tỳ kheo mỗ giáp... sám hối, xin từ bi thương xót” **(Nói ba lần)**.

Nên thỉnh vị sám hối chủ, vị sám hối chủ cần phải là người chưa từng phạm tội, hoặc có phạm đã sám hối xong, gọi là vị Tỳ kheo thanh tịnh mới có thể nhận sự sám hối. Sửa oai nghi bạch rằng:

“Đại đức một lòng nghĩ, con Tỳ kheo mỗ giáp... nay thỉnh Đại đức làm vị chủ sám hối tội Ba Dật Đề, cúi xin Đại đức vì con làm vị sám hối chủ tội Ba Dật Đề, xin từ bi thương xót” **(Nói ba lần)**.

Người nhận sám hối không thể đáp liền được hay không mà trước phải tác bạch với Tăng rằng:

“Đại đức tăng lắng nghe, con Tỳ kheo mỗ giáp... vì chứa... (bao nhiêu)... y dư, phạm tội Xả Đọa, y này đã xả cho Tăng, trong đây có bao nhiêu tội Ba Dật Đề, nay theo chúng Tăng xin sám hối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng bằng lòng cho con Tỳ kheo mỗ giáp ... nhận Tỳ kheo mỗ giáp ... sám hối, bạch như thế”.

Tác bạch như thế xong rồi mới bảo tỳ kheo kia rằng: “Được!”.

Người sám hối sửa đủ oai nghi bạch:

“Đại đức một lòng nghĩ, con Tỳ kheo mỗ giáp... vì chứa... (bao nhiêu)... y dư, phạm tội Xả Đọa, y này đã xả có bao nhiêu tội Ba Dật Đê, nay hướng đến Đại đức phát lồ sám hối, không dám che giấu, sám hối thì được an lạc, không sám hối thì không được an lạc, nhớ nghĩ việc phạm tội nên phát lồ, biết mà không dám che giấu, cúi xin Đại đức nhớ nghĩ con thanh tịnh, giới thân cụ túc, thanh tịnh Bồ tát”. (Nói hai lần).

Người nhận sám hối bảo rằng: “Ông phải tự trách tâm sanh lòng nhàm chán xa lìa”.

Đáp: “Xin vâng”.

Sám hối xong nên hoàn trả y trong tăng, phải xét tài vật của mình có thể hoàn trả hay không, như tơ tằm làm ngọa cụ thì không thể hoàn trả mà phải băm nhỏ ra trộn với bùn rồi tâu lên cho cúng. Nếu như chứa y dư, bát dư, y một tháng, y cấp thí, thuốc dư. Năm loại dư này chuyển trao trả lại, còn những điều phạm khác nên phải hoàn trả ngay nơi tòa, nếu Tăng chúng khó nhóm họp ngay nơi tòa để chuyển trao, thì Phật dạy, nếu trong Tăng chúng khó nhóm họp, Tỳ kheo này có nhân duyên muốn đi xa, nên hỏi vật này cho ai? Tùy theo lời của vị ấy nói nên lấy cho liền, cho rồi phải trả lại, trong Tăng tác bạch nhị yết ma trao lại.

Bạch rằng: “Đại đức Tăng nghe, Tỳ kheo mỗ giáp ... vì chứa... (bao nhiêu) y dư, phạm tội Xả Đọa, y này đã xả cho Tăng, nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng bằng lòng cho, nay đem y này cho Tỳ kheo mỗ giáp..., tỳ kheo mỗ giáp ... hoàn trả lại cho tỳ kheo mỗ giáp ... bạch như thế”.

Yết ma rằng: “Đại đức tăng lắng nghe, con Tỳ kheo... vì chứa... (bao nhiêu) y dư, phạm tội Xả Đọa, y này đã xả cho Tăng, trong Tăng đem y này cho Tỳ kheo mỗ giáp ..., Tỳ kheo mỗ giáp ... nên hoàn lại cho tỳ kheo này, trong đây các trưởng lão nào bằng lòng cho Tăng đem y này cho tỳ kheo mỗ giáp ... Tỳ kheo mỗ giáp ... nên trả lại cho Tỳ kheo này thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói Tăng đã bằng lòng đem y này cho tỳ kheo mỗ giáp ..., Tỳ kheo mỗ giáp ... nên trả lại Tỳ kheo... xong, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này xin ghi nhận như vậy”.

Ngay nơi tòa liền trao cho, nếu tội đã phạm chẳng phải là chứa năm loại trước thì nên nương theo pháp này mà trao cho. Lại như có người chứa năm loại trước mà không có nhân duyên muốn đi xa thì được kéo dài đến

sáng hôm sau, cũng y theo pháp này mà trao cho, trong Tăng bạch nhị yết ma.

Bạch rằng: “Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ kheo... vì lìa y Tăng Già Lê ngữ, phạm tội Xả Đọa, y này đã xả cho Tăng, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng bằng lòng cho, nay đem y này trao lại cho Tỳ kheo mỗ giáp ..., bạch như thế”. Kế đến văn yết ma cũng căn cứ như trên có thể biết.

Bốn người trở xuống chỉ thực hành pháp đối thú xả y, nên sửa sang oai nghi bạch: “Chư đại đức Tăng lắng nghe, con Tỳ kheo mỗ giáp ... vì chứa (bao nhiêu) y dư, phạm tội Xả Đọa, con nay xả cho chư Đại đức”.

Tác bạch như thế xả xong rồi, thỉnh một vị sám hối chủ, văn giống như trước. Người nhận sám hối nên hỏi các Tỳ kheo khác rằng: “Ba vị trưởng lão, hoặc ba vị trưởng lão lắng nghe, con nhận Tỳ kheo mỗ giáp ... sám hối, con nay thọ nhận”.

Đáp rằng: “Được”.

Người nhận sám hối chuyển bạch các Tỳ kheo rằng: “Được”. Văn sám tội giống như giới trước.

Trả y bằng cách trao liền, bạch rằng: “Chư đại đức, Tỳ kheo mỗ giáp... vì chứa (bao nhiêu) y dư, phạm tội Xả Đọa, y này đã xả cho các đại đức. Bây giờ chư Đại đức bằng lòng cho con đem y này trả lại cho tỳ kheo mỗ giáp... con nay sẽ đem trả lại”.

Đáp rằng: “Được”.

Pháp xả y đối với một người.

Sửa sang oai nghi bạch rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con Tỳ kheo mỗ giáp... vì chứa... (bao nhiêu) y dư, phạm tội Xả Đọa, nay đem xả cho đại đức”.

Tác bạch như thế xong rồi thỉnh vị sám hối chủ, văn như trước. Đứng ra phương pháp sám hối phải bạch rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con Tỳ kheo mỗ giáp... vì chứa... (bao nhiêu) y dư, phạm tội Xả Đọa, y này đã xả cho Đại đức, có bao nhiêu tội Ba Dật Đề nay hướng đến đại đức phát lồ sám hối, không dám che giấu”.

Những lời khác giống như trên, liền trao y trực tiếp cho, không có lời bạch.

Pháp sám hối tội nhỏ.

Phật dạy, nếu phạm Tăng Tàn cho đến Đột Kiết La, biết mà cố che giấu, trước hết nên dạy tác pháp sám hối tội Đột Kiết La, nay căn cứ trong pháp Xả Đọa, đầy đủ tám phẩm, tội Đột Kiết La. 1/ Căn bản hai phẩm, nghĩa là tội mặc y Xả Đọa và khi nói giới xét hỏi mà không phát lồ. 2/ Là từng sanh có sáu phẩm. Hai phẩm đầu gọi là che giấu Ba Dật Đề, đã trải qua một đêm, hai đêm. Hai phẩm kế gọi là che giấu mặc y xả đọa đã trải qua một đêm, hai đêm. Hai phẩm sau là che giấu khi thuyết giới. Khi nói giới có xét hỏi mà không phát lồ, trải qua một đêm, hai đêm. Họp giữa căn bốn và từng sanh là tám phẩm.

Nay trước sám hối sáu tội nhỏ từng sanh.

Sửa sang oai nghi đối với vị sám chủ bạch rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con tỳ kheo mỗ giáp... vì chưa... (bao nhiêu) y dư, phạm nhiều tội Ba Dật Đề, che giấu qua đêm, theo đêm đó lần lượt che giấu và mặc y xả đọa mắc tội Đột Kiết La, che giấu qua đêm, tùy theo bao nhiêu đêm mà lần lượt che giấu. Tăng đã nói giới, vậy mà nói vọng bằng cách im lặng mắc tội Đột Kiết La, che giấu qua đêm, tùy theo đêm lần lượt che giấu đều phạm tội Đột Kiết La, đến nỗi không nhớ số lần, nay đến đại đức phát lồ sám hối, không dám tái phạm nữa, cúi xin đại đức nhớ nghĩ con...”. Các lời khác giống như trước.

Kế đến là sám hối hai tội căn bản nhỏ.

Sửa sang oai nghi bạch với vị sám hối chủ rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con Tỳ kheo mỗ giáp... phạm tội mặc y không thanh tịnh, đã trải qua kỳ thuyết nhưng vọng ngữ bằng cách im lặng đều phạm tội Đột Kiết La, tất cả đều không nhớ số lần, nay ở trước Đại đức phát lồ sám hối, không dám tái phạm nữa, cúi xin đại đức nhớ nghĩ con...”. Còn những lời khác giống như trên.

+ Pháp sám hối tội Ba Dật Đề (tội Đọa). Pháp sám này không có tài vật để xả chỉ cầu xin sám hối, thỉnh vị sám hối chủ và vị chánh sám hối. Ba pháp, vẫn giống y như Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề nhưng về sự việc thì có chỗ bất đồng, tức là tùy theo việc mà thay đổi tên gọi. Nếu phạm tám phẩm tội nhỏ

thì có thể tự mình suy lường hoặc có phạm thì liền sám hối như phần trên, chỉ sửa đổi về danh tướng của tội là khác.

---o0o---

PHÁP SÁM HỐI TỘI BA LA ĐỀ ĐỀ XÁ NI

Thỉnh một vị sám hối chủ, văn thỉnh giống như trên, chỉ sửa tên tội, kể đến là vị chánh sám hối, sửa oai nghi bạch rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con... có việc... phạm tội Ba La Đề Đề Xá Ni, không nhớ số lần. Đại đức, con phạm tội đáng quả trách, việc không nên làm, nay ở trước Đại đức xin sám hối”.

Người nhận sám hối nên nói: “Người thấy tội chưa?”.

Đáp: “Bạch đã thấy”.

Nên quả trách rằng: “Cẩn thận chớ có tái phạm nữa”.

Đáp: “Xin vâng”.

---o0o---

PHÁP SÁM HỐI TỘI ĐỘT KIẾT LA

Phật dạy, nếu cố làm thì đáng phạm tội Đột Kiết La phải sám hối, do vì phạm Đột Kiết La trái với oai nghi, nếu không cố làm thì chỉ phạm tội Đột Kiết La. Cố làm thì trước sửa sang oai nghi thỉnh vị sám hối chủ bạch rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con Tỳ kheo... thỉnh Đại đức làm vị sám hối chủ tội Đột Kiết La, cúi xin đại đức vì con làm vị sám hối chủ tội Đột Kiết La, xin thương xót cho con”.

Thỉnh ba lần xong, nên sám hối. Trong pháp này từng sanh và căn bản cũng cần xét rõ bao nhiêu tướng tội rồi mới đối với vị sám hối chủ bạch: “Đại đức một lòng nghĩ, con mỗ giáp... vì mặc Tăng Già Lê không ngay ngăn phạm tội Đột Kiết La, không nhớ số lần, nay hướng đến Đại đức phát lồ sám hối, không dám tái phạm nữa, cúi xin Đại đức thương xót con”. Ngoài ra những lời khác giống như trước.

Nếu vì nhầm lẫn không cố ý thì sửa oai nghi, sanh lòng hổ thẹn, miệng nói: “Con Tỳ kheo mỗ giáp... vì mê lầm phạm mặc y Tăng Già Lê không

ngay ngắn, phạm tội Đột Kiết La, nay con ăn năn tự trách tâm”. **(Chỉ nói một lần).**

Sáu thứ trên đây gọi chung là sáu tụ, nếu không khai ra thiên Thâu Lan Giá thì chỉ gọi là năm thiên mà thôi. Nếu như trong thiên Đột Kiết La khai ra làm ác tác và ác thuyết thì gọi là bảy tụ. Từ lời nói ra mà phạm thì gọi là ác thuyết, từ thân phạm gọi là ác tác.

Pháp sám hối, trong luật đã nói, nên căn cứ theo đó mà thực hành, nhưng chỉ diệt trừ được tội phạm giới. Cho nên Đại Trí Độ Luận chép: “Trong giới luật tuy là có những giới nhỏ nhặt, hễ sám hối thì được thanh tịnh, còn phạm giới thập thiện dù sám hối nhưng quả báo ba đường ác không thể trừ diệt”. Giống như phạm các tánh giới cần phải nương vào pháp sám hối của đại thừa, pháp đó nói tóm có hai:

1/ Sự sám như kinh Phạm Võng chép, ngày đêm sáu thời tụng mười giới trong bốn mươi tám giới khinh, dốc lòng đánh lễ ba đời chư Phật, lại như pháp sám hối Pháp Hoa, Đại Bi... dốc lòng thành tu tập thì nhất quyết sẽ được diệt trừ tội chướng.

2/ Lý sám như kinh Niết Bàn chép: “Nếu như tu tập thân giới tâm huệ, quán sát các pháp giống như hư không, dù có tạo ác nghiệp, tư duy quán xét, hay chuyển quả báo nặng ở địa ngục thành quả báo nhẹ ngay trong hiện đời. Nếu như có tội nhẹ mà không tự phát lồ, tâm ban đầu không chịu sám trừ, không chịu tu tập thiện nghiệp, che giấu lỗi lầm, dù có hành nghiệp lành nhưng vì tội lỗi nhiễm ô, nên quả báo nhẹ ở hiện đời cũng chuyển thành quả báo xấu ác nặng ở địa ngục, đó là do ngu si. Nếu như phạm bốn tội nặng, năm tội nghịch, chê bai chánh pháp gọi là phá giới, vì có nhân duyên ấy nên phải cứu vớt, nếu như kẻ mặc áo pháp, thường ôm lòng hồ thẹn, sanh tâm hộ trì chánh pháp, kiến lập chánh pháp, ta nói người này không gọi là phá giới”.

Luận Thành Thật chép: “Có tâm chấp ngã thì những ác nghiệp phiền não nhóm họp, nếu như không có chấp ngã thì các nghiệp không thể kết thành quả báo, do vì không đầy đủ”.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Ví như nhà ảo thuật hay làm lòa mắt người”. Các nghiệp cũng như thế, vì vậy mới gọi là chơn thật sám hối thanh tịnh. Sự sám hối, trước thì chỉ điều phục được nghiệp. Lý sám hối, sau thì liền đoạn hẳn nghiệp báo. Sự lý đều tu thì như xe hai bánh, như thế không có nơi xa xôi nào không đến, có thể ra khỏi biển khổ sanh tử, có thể đến được đạo tràng giác ngộ, há chỉ có thể diệt tội thôi sao?

Quyển Hạ: Sa Môn Tự Tổ Huệ Nguyên Hiền Ở Đất Cổ Sơn Phúc Châu Thuật Vào Đồi Nhà Minh

TỰ CỤ

Phật thấy các Tỳ kheo trên đường đi, ai nấy đều vác y, Ngài muốn chế ra tự cụ, bấy giờ đầu hôm Ngài ngồi ở đất trống mặc một y, đến giữa hôm có cảm giác lạnh bèn đắp thêm một y nữa, đến cuối hôm lại lạnh hơn bèn đắp thêm y thứ ba. Nhân thế Ngài nghĩ, sau này cho các Tỳ kheo chứa ba y là đủ để ngăn lạnh, không cho chứa nhiều hơn. Lại nữa, một hôm Phật đi du hóa ở phía Nam thành Vương Xá, đến trước hang Thất Diệp thấy ruộng nước bờ đê thẳng tắp, Ngài nhìn tôn giả A Nan bảo: “Y của các đức Như Lai trong ba đời điều tướng như thế này, Ngài bèn bảo A Nan nói với các tỳ kheo may y giống như vậy. Phải biết đây là điều dài, đây là điều ngắn, đây là lá, đây là may, đây là đường may thứ nhất, đây là đường may thứ hai, đây là đường may ở giữa, hai điều lá này hướng về điều tướng của y. Phải giống bờ ruộng, là ví như y này sanh ra các công đức, cũng làm ruộng phước cho thế gian, lại dùng dao cắt rọc mà thành là đê không bị giặc cướp lấy. Y An Đà Hội bề dài bốn gang tay, rộng hai gang tay; Y Uất Đa La Tăng, Tăng Già Lê dài năm gang tay, rộng ba gang tay, lượng của tay thì không hạn định. Phật dạy nên tùy theo thân mà phân lượng, lá y, rộng nhất là bốn ngón, hẹp nhất là bằng bông lúa mạch nhưng phải may lùi mũi kim lại đằng trước. Hoặc may như răng con ngựa, hoặc may như dấu chân chim để tránh tro đất bay vào trong, trong đó có chỗ không may lại nghĩa là chừa khoảng trống, giống như là bờ ruộng có nước bấu chảy ra vậy, đường viền bốn ngón tay cho may cái móc, sau là tám ngón cho may cái khuy.

Ba y nếu rách mà cái viền chưa bị sút, thì vẫn không bị mất pháp thọ trì, nếu có hư thì tùy theo lỗ lớn nhỏ vuông tròn vá lại, rách nếu lớn bằng hai ngón tay, nếu không mang ba y vào trong tự lạc thì phạm tội Đột Kiết La, vào trong nhà thế tục không gài khuy lại mà vào mỗi nhà phạm Đột Kiết La, y nếu như rách ở dưới thì được mặc ngược, trên dưới nên may khuy nút (móc). Trong khi đi đường vì để hộ trì tiếc lá y thì cho vắt trên vai, vào trong tự lạc thì phải mặc cho ngay ngắn. Phạm làm tỳ kheo dù ở bất cứ nơi nào y bát phải luôn luôn mang theo, ví như chim có hai cánh, như gặp Phật, lễ Phật, thăm hỏi hai thầy, vào trong chúng... phải nên để bày vai phải; nếu đi phó trai, tọa thiền, tụng kinh, vào trong tự lạc thì nên che trùm hai vai để hiện ra tướng phước điền.

Ba y gọi chung là ca sa, ca sa vốn là tên của một loài cỏ. Vì dùng nó để nhuộm y, nhân thế mới đặt tên y này là ca sa. Các vị phiên dịch có nhiều tên, nhưng đều là dịch nghĩa, dịch như thế là chẳng đúng. Thể của y là dùng vải làm thành, lông thú, miệng tằm là những vật chẳng nên dùng. Nói về sắc thì dùng ba loại hoại sắc, chẳng dùng năm loại sắc chính. Nếu lấy y Xả Đọa và y do tà mạng mà được thì dù có tác pháp cũng không thành pháp thọ.

Đại y thời hạn may là năm ngày xong, y bảy điều thời hạn là bốn ngày, y năm điều hai ngày, nếu quá thì Ni phạm Ba Dật Đề, tỳ kheo phạm Đột Kiết La. Nếu thành y rồi mà không thọ thì mắc tội Đột Kiết La.

Kinh chép: “Ca sa chính là cở nêu của thánh hiền, người thực hành theo hạnh tùy thuận tịch diệt có lòng từ bi chưa được phạm hạnh sa môn, nên khởi tám pháp kính tin tôn trọng ca sa.

1/ Nên khởi ý tưởng đến tháp.

2/ Nên khởi ý tưởng tịch diệt.

3/ Nên khởi ý tưởng từ.

4/ Nên khởi ý tưởng bi.

5/ Nên khởi ý tưởng như Phật.

6/ Nên khởi ý tưởng tàm.

7/ Nên khởi ý tưởng đến quý.

8/ Nên khởi ý tưởng khiến cho con đời sau xa lìa ba độc, đầy đủ phẩm hạnh Sa môn”.

Kinh Bi Hoa chép: “Thế Tôn ở trước Đức Phật Bảo Tạng phát nguyện: Nguyện lúc con thành Phật, ca sa có năm loại công đức:

1/ Người ở trong pháp con, phạm tội nặng tà kiến ở trong một niệm đem lòng kính ngưỡng tôn trọng, thì nhất định sẽ được thọ ký ở quả tam thừa.

2/ Trời, rồng, người, quý, nếu hay kính trọng ca sa này chỉ ít phần thôi thì liền không lui sụt ở quả tam thừa.

3/ Nếu có quỷ thần cùng loài người được ca sa cho đến bốn tấc thì những đồ ăn uống tự đầy đủ.

4/ Nếu chúng sanh chông trái lẫn nhau, hễ nhớ nghĩ năng lực của ca sa này thì liền sanh khởi lòng từ.

5/ Nếu ai thọ trì ca sa này chỉ ít phần, tôn trọng cung kính thường được hơn người khác”.

Kinh Đại Bi chép: “Những ai được tánh là sa môn, làm nợ nớp hạnh sa môn; vóc dáng là sa môn, thân mặc ca sa, từ Phật Di Lặc đến thời Phật Lô Lô Chí nhập Niết Bàn không có bỏ sót họ”.

Luận giải thích: “Thọ giới cấm là tánh của sa môn, cạo tóc nhuộm y là hình Sa môn”.

Kinh Hải Long Vương chép: “Long Vương bạch Phật: Như trong biển này có vô số loài rồng, lại có bốn con chim đại bàng cánh vàng thường đến bắt ăn thịt, xin Phật ủng hộ để chúng con được an lạc. Phật bèn mở y phân tảo đang mặc trên thân rồi bảo Long Vương: Người đem chiếc y này chia ra cho các loài rồng, khiến cho được đầy đủ. Nếu như được một sợi chỉ nhỏ của ca sa này thì chim đại bàng không dám xúc phạm. Người giữ gìn giới cấm thì mong cầu điều gì cũng được thành tựu”.

Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói: “Thuở xưa tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc từng là người bốn cột, lấy ca sa khoác lên mình để làm trò đùa, nhưng nhờ vào công đức này mà gặp đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng được quả A La Hán. Tuy không có tâm thành mà còn được tứ quả huống chi là có lòng chí thành ư!”.

Luận chép: “Có bốn việc khi đến nước khác không mặc ca sa thì không có tội.

1/ Không có chùa tháp.

2/ Không có Tỳ kheo Tăng.

3/ Có kẻ trộm cướp.

4/ Quốc vương không thích đạo”.

An Đà Hội: Còn gọi là An Đát La Bà Sa. Trung Hoa dịch là Trung túc y (y giữa đêm), cũng gọi là Tác vụ y (y làm việc) dài bốn khủy tay, rộng hai khủy tay, năm điều là một đường dài một đường ngắn được cắt rọc thành, may theo kiểu thiếp điệp, cũng được may nhiếp điệp và may trơn, nếu mới thì một lớp, cũ thì hai lớp. Chánh y có bốn loại, nghĩa là: Cắt rọc, thiếp điệp, nhiếp điệp, may trơn vậy. Còn y phụ có hai mươi hai loại, nghĩa là hai loại cắt rọc, thiếp điệp, thượng hạ thêm bớt không giống nhau vậy. Phạm khi làm việc nặng nhọc, đi đường qua lại, và khi ngủ thì đắp y này.

Nếu y chánh bị thiếu thì khai cho, đem hai y thượng làm y phụ. Pháp thọ rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con tỳ kheo mỗ giáp... y An Đà Hội năm điều này, một đường dài một đường ngắn, là y cắt rọc, con xin thọ trì” (**Nói ba lần**). Nếu là y thiếp điệp, nhiếp điệp thì sửa thành hai chữ cắt rọc. Pháp xả rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con tỳ kheo mỗ giáp... y An Đà Hội này là một trong số ba y của con trước đã thọ trì, nay con xin xả” (**Nói một lần**). Hai y trên cũng căn cứ theo đây mà biết. Nếu tỳ kheo ở một mình, trong ba y có thay đổi thì nên sửa sang oai nghi, tay cầm y, tâm nghĩ, miệng nói: “Con tỳ kheo mỗ giáp... cái y An Đà Hội năm điều này nay con xin xả” (**Nói ba lần**). Còn hai y khác căn cứ theo đây có thể biết. Nếu như là làm cái man y, khi thọ không cần nói điều tướng, chỉ nói rằng: “Con Tỳ kheo mỗ giáp... cái man y An Đà Hội này, nay con xin thọ trì. Pháp xả chỉ nói rằng: “Cái man y An Đà Hội này nay con xin xả”, ngoài ra lời lẽ cũng giống như pháp xả thọ của y phụ có thể biết.

Uất Đa La Tăng: Còn gọi là Ót Đát La Tăng Già, Trung Hoa dịch là Thượng trước y (y trên), cũng gọi là Nhập chúng y (y vào trong chúng), bề dài năm khủy tay, rộng ba khủy tay, có bảy điều, được cắt rọc may thành, may nhiếp điệp, mới thì một lớp, cũ thì hai lớp. Chánh y có hai loại, tức là y cắt rọc và nhiếp điệp. Còn y phụ có hai mươi hai loại, cũng cắt rọc và nhiếp điệp, trên dưới tăng giảm không giống nhau vậy. Phạm khi nghe pháp, tu tập, sám hối, lễ Phật, tọa thiền, bố tát, tụng... tất cả việc làm khi vào trong chúng thì nên đắp y này, nếu như thiếu thì khai cho đem hai y thượng hạ làm y phụ, pháp thọ và xả giống như trước.

Tăng Già Lê: Còn gọi là Tăng Ca Chi, Trung Hoa dịch là Trùng Phúc y (y kép), lại gọi là Tạp Toái y (y cắt vụn), bề dài năm khủy tay, rộng ba khủy tay, nếu so với y bảy điều thì lớn hơn bốn tác.

Hạ phẩm: Có chín điều, mười một điều, mười ba điều tất cả đều hai đường dài một đường ngắn.

Trung phẩm: Mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều tất cả đều ba đường dài một đường ngắn.

Thượng phẩm: Hai mươi một điều, hai mươi ba điều, hai mươi lăm điều tất cả đều bốn đường dài một đường ngắn.

Mới thì hai lớp còn cũ thì bốn lớp. Y chánh có mười tám loại, nghĩa là cắt rọc và thiếp điệp mỗi thứ đều có chín loại; còn y phụ có sáu loại nghĩa là bảy điều có hai loại, năm điều có bốn loại. Phạm khi vào cung vua, tụ lạc, ứng cúng, thuyết pháp, lễ tam bảo, lễ Hòa thượng, A Xà Lê nên đắp y này, nếu y chánh thiếu thì khai cho đem hai y hạ làm y phụ, pháp thọ và xả giống như trước.

Phật dạy có năm việc được lưu lại y Tăng già Lê.

1/ Chỗ có nghi ngờ, sợ hãi.

2/ Có mưa.

3/ Nghi có mưa.

4/ May y Tăng Già Lê chưa xong.

5/ Giặt nhuộm.

Hai y thượng hạ Man An Đà Hội có thuyết gọi là Man điều. Nói Man tức là chỉ có một bức không có cắt rọc, không có tương ruộng nước; đây chính là y của Thích Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni thọ trì. Y thượng, lượng giống như y bảy điều, căn cứ theo pháp dùng như y bảy điều. Y hạ lượng giống như y năm điều, căn cứ theo pháp dùng như y năm điều, pháp thọ và xả giống như trên, chỉ xưng ba tên, Thích Xoa Ma Na... là khác thôi.

Thời gian gần đây trong tông lâm hoàn toàn không biết có loại y này, bèn lấy ba y của đại Tăng trao hẳn cho Sa Di, đây thật là việc làm quá sai lầm.

Tăng Kỳ Chi: Còn gọi là Tăng Khước Kỳ, hay Tăng Ca Chi, Trung Hoa dịch là Yêm dịch y (y lột nách).

Luật chép: “Bấy giờ Tỳ kheo ni lộ vai ngực mà đi, cư sĩ thấy vậy chê gièm, sau bạch Phật, Phật bèn chế cho may Tăng Kỳ Chi để làm y che vai.

Thế nên, Ni lúc thọ giới, ngoài việc trao ba y ra, lại còn trao thêm hai y này, Thức Xoa Ma Na, Sa Di Ni cũng được thọ y Tăng Kỳ Chi, dài hai khủy tay, rộng bốn khủy tay, dùng để che kín vai bên trái, hể bên phải mở thì bên trái khép.

Pháp thọ bạch rằng: “Đại tử một lòng nghĩ, con Tỳ kheo ni mỗ giáp ... y Tăng Kỳ Chi này được may như pháp, nay con xin thọ trì” (**Nói một lần**). Pháp xả bạch rằng: “Đại tử một lòng nghĩ, con tỳ kheo ni mỗ giáp ... cái y Tăng Kỳ Chi này là một trong số năm y của con, trước đã thọ trì, nay con xin xả” (**Nói một lần**). Thức Xoa ma na, Sa Di Ni, pháp thọ và xả cũng giống như trên, chỉ có tên là đổi khác vậy.

Phú Kiên y : Còn gọi là Túc Cù Tu La thuộc một trong mười ba món tư cụ, còn gọi là Phó Kỳ Chi, y này không thể mặc chung với y Kỳ Chi, khi mặc Kỳ Chi thì không mặc y này; bề dài, rộng đều chưa rõ. Pháp thọ và xả cũng giống như y Kỳ Chi.

Thiên Sam : Không phải Phật chế, nhân vì thời nhà Ngụy thịnh chư Tăng vào trong cung tự tứ, những người trong cung thấy chư Tăng lộ cánh tay cho là điều không đẹp, bèn may y này để cúng, vì khâu bên trái của Tăng Kỳ Chi, nên gọi là Thiên Sam. Kỳ Chi ở bên vai trái, Thiên Sam ở bên vai phải, người sau hợp lại gọi chung là Thiên Sam.

Ni Sư Đàn : Trung Hoa dịch là tọa cụ. Thuở xưa, một hôm Phật đi tuần hành xem xét các phòng liêu, thấy ngoạ cụ phần nhiều bị dơ ướ, Ngài bèn chế tọa cụ. Ban đầu Ngài chế chiều dài bốn thước, rộng ba thước, sau vì Ca Lư Đà Di thân to lớn thấy Phật đến, ông cố lấy tay kéo căng Ni Sư Đàn ra. Phật hỏi: “Vì sao?”. Ông đáp: “Vì con muốn làm cho nó lớn hơn vậy”. Phật bèn cho thêm nửa gang tay, nay thì nên tùy theo lượng của thân thêm được thì thêm, mới thì hai lớp, cũ thì bốn lớp, không được làm một lớp, không được tạp dùng, không được tịnh thí, không được lìa ngủ, lìa ngủ thì mắc tội Đột Kiết La, nếu không cần thì xả. Phật dạy làm tọa cụ mới thì dùng cái cũ may chồng lên trên cái mới, nếu không có cái cũ thì thôi. Ban đầu Phật chế góc ca sa ở bên cánh tay trái, tọa cụ ở dưới ca sa. Về sau các thầy tỳ kheo trẻ tuổi, dung mạo đẹp đẽ vào thành khát thực, phần nhiều bị người nữ luyện ái, do đó mà Phật chế góc y ở phía sau vai trái, góc y bị gió thổi động, nên Phật cho lấy Ni Sư Đàn dãn lên trên. Sau ngoạ đạo Đạt Ma Đa hỏi: “Miếng vải gì ở trên vai, đem theo dùng để làm gì?”. Tỳ kheo đáp: “Chuẩn bị lúc sắp ngồi”. Đạt Ma Đa nói: “Y này thật đáng quý, có đại oai linh, sao lại đem miếng vải lót ngồi mà để ở trên”. Tỳ kheo không có cách gì đáp

được nên bạch Phật, Phật bèn chế, lại dùng chéo y để ở trên vai, tọa cụ thì để ở dưới y, nhưng không được thông một góc nhọn như vòi con voi, lỗ tai con dê... Pháp thọ: “Đại đức một lòng nghĩ, con tỳ kheo mỗ giáp... Ni Sư Đàm này may đúng lượng, nay con xin thọ trì”.

Bát Đa La : Trung Hoa dịch là ứng lượng khí, tức là vật dùng để đựng thức ăn hằng ngày. Chín mươi sáu loại xuất gia, tại gia đều có bát riêng, nhưng người thế tục phần nhiều dùng bát bằng các thứ báu như: Đồng, bạch lạp (một thứ pha chì với thiếc), gỗ, đá... hơn nữa cách làm đã khác. Cái bát hiện tại hàng đệ tử Phật dùng chỉ có hai loại sắt và đất nung. Cách thức chính là do đức Thế Tôn tự làm rồi nung thành, chẳng giống bát với tất cả mọi người thế gian chính là cò nêu của hằng sa chư Phật.

Lượng của bát: Luật Tứ Phần chép: Bát bậc thượng một đấu, bát bậc hạ năm thăng, e rằng người thời nay không thể thọ trì.

Luật Thập Tụng chép: “Pháp thọ bằng ba thăng đời nhà Tần”.

Luận Tỳ Ni Mâu chép: “Bát bậc hạ một thăng rưỡi, nếu quá ba thăng thì không thành pháp thọ trì”.

Do đó mà quán xét, theo thuyết Thập Tụng là chánh đáng. Màu của bát là phối hợp giữa màu đen, đỏ xông thành; lại gọi là màu lông con chim cuu, màu lông con chim công, không được dùng tạp, nên kính trọng như tròng con mắt. Bát bậc hạ của tỳ kheo cũng chính là bát bậc thượng của Ni, năm chúng đều thọ trì chung. Pháp thọ bạch rằng: “Đại đức một lòng nghĩ, con tỳ kheo mỗ giáp... cái Bát Đa La ứng lượng này con xin thọ trì, để thường dùng” (**Nói ba lần**). Pháp thọ của 4 chúng sau cũng căn cứ theo đây. Nếu không có người thì một mình thọ bát cũng được, liền sửa sang oai nghi, tay cầm bát, tâm nghĩ, miệng nói: “Con Tỳ kheo... Bát Đa La này là vật ứng lượng, con xin thọ, để thường dùng”. Pháp xả căn cứ theo trên có thể biết.

Y Ca Hi Na : Trung Hoa dịch là y công đức, cũng gọi là y khánh thưởng. Nghĩa là người đã mãn ba tháng hạ tiền an cư, công đức thù thắng cho nên lấy từ khánh thưởng vậy, thọ vào ngày mười sáu tháng bảy, người hậu an cư không được loại y này. Lại nói, Ca Đề: Trung Hoa dịch là mao tinh (sao mao), vì sao mao mọc vào tháng này, mà được y vào tháng này cho nên gọi là Ca Đề. Thọ y này có năm điều lợi:

1/ Được chứa của dư.

2/ Lìa y ngủ.

3/ Thọ biệt tỉnh.

4/ Ăn riêng chúng.

5/ Trước và sau bữa ăn được đến nhà người khác.

Người thọ y này đến ngày mười lăm tháng chạp, phải xả cho Sa Di... thọ trì lại ba y. Xung quanh y này có viền năm điều, điều tướng làm 10 khoảnh... cũng hiện tướng phước điền. Nếu được y mới hoặc đàn việt thí y, hoặc y phẩn tảo chẳng phải y của người chết, vật mới thì gấp lại để tác tịnh, khi giặt xong thì khâu lại để tác tịnh, phải ngay trong ngày đó không được cách đêm.

Không do tà mạng mà được, mới có thể thọ trì, lúc thọ trì, lúc xả đều phải đánh chuông nhóm Tăng yết ma, đầy đủ như trong thiên tự tứ.

Năm loại nạp y: Dùng 5 loại y kết nạp thành.

1/ Y có thí chủ.

2/ Không có thí chủ.

3/ Y trả lại.

4/ Y người chết.

5/ Y phẩn tảo.

Y không có thí chủ nghĩa là y bỏ bên đường, y bỏ bên bờ sông, y bị kiến đục phá... Y trả lại, nghĩa là người ở Thiên Trúc khi mất, quyến thuộc đem y tặng và đưa đến trong rừng, sau lấy đem về cúng cho Tăng. Ngoài ra có thể biết.

Luật Thập tụng chép: Nạp y có mười điều lợi.

1/ Ở trong số y sơ sài.

2/ Ít có sự mong cầu.

3/ Muốn ngồi đâu tùy ý.

4/ Muốn nằm đâu tùy ý.

5/ Dễ giặt.

6/ Ít có trùng.

7/ Dễ nhuộm.

8/ Khó rách.

9/ Không có y dư.

10/ Không bị mất tâm cầu đạo.

Nạp y khi may xong không luận là bao nhiêu lớp, không dùng để tịnh thí, nhưng kết lại thành cũng phải hiện tướng phước điền, không hiện tướng phước điền thì không cho mặc y vào tụ lạc.

Y phân tảo gồm mười loại:

1/ Y trâu nhoi.

2/ Y chuột gặm.

3/ Y lửa cháy.

4/ Y nguyệt thủy.

5/ Y phụ nữ sanh.

6/ Y thần miếu.

7/ Y bị gió thổi chim gặm đến chỗ khác, tức y gò mã.

8/ Y cầu nguyện.

9/ Y vua nhậm chức.

10/ Y trả lại.

Mười loại này nên lấy đem về giặt nhuộm rồi dùng.

Y tẩm mưa : Nhân ngày bà Tỳ Xá Khư thỉnh Phật thọ trai, bà sai tỳ nữ đến thỉnh Tăng: “Bạch thời đã đến”. Vừa lúc ấy trời đổ mưa to, Phật bảo tăng chúng nên tẩm mưa, tỳ nữ thấy cho là ngoại đạo lỏa thể, bèn trở về thưa với bà, bà bảo đến thỉnh một lần nữa. Phật và chúng Tăng cùng đến phó trai, ăn xong bà Tỳ Xá Khư xin cúng áo tẩm mưa, Phật nhân thế mới chế bề dài sáu gang tay Phật, bề rộng hai gang rưỡi.

Y che ghê : Lúc đầu dùng vải thô may, nhưng trong lúc đi đứng cử động ghê đau nhức, Phật bảo phải dùng vải thật nhỏ mịn để may, dài bốn gang tay, rộng hai gang.

Niết Bàn Tăng : Còn gọi là Nê Phục Ta Na, Nê Phật Tán Na, hình dạng na ná như cái quần ở phương đây nhưng không có dây cột. Trên thì gần tới tim, dưới dài đến gót chân, khi mặc thì gấp vải thành nếp, dùng dây để buộc, dây đó lớn cỡ chừng ba ngón tay, có thể quấn được ba vòng lưng.

Xá Lạc: Dịch là nội y tức là cái Niết Bàn Tăng nhỏ vậy, mặc trong lúc ngủ, làm việc.

Túi lọc nước: Là vật để hộ sanh, thực hành lòng từ. Cho nên nó thuộc về một trong 6 vật. Phạm là Tăng sĩ, vật này không nên sớm tối lìa thân, ở dưới đáy dùng thứ lụa dày nhuộm, lấy sắt uốn làm khuôn. Khi lọc nước cần phải xem xét kỹ, lúc lật ngược trở lại thì chớ nên làm tổn thương đến trùng, đại hạnh do đây mà sanh, thật không nên xem thường cho là vật nhỏ.

Tích trượng: Còn có tên trí trượng, đức trượng, là cờ nêu của thánh hiền, có ba ngấn, nhớ nghĩ nổi khổ của ba đường, ba tai, ba cõi. Bốn cổ dùng để đoan hẳn bốn loài. Chiều cao năm thước (Tàu) dùng để đoan trừ luân hồi trong năm nẻo. Mười hai khoen là nhớ nghĩ mười hai nhơn duyên. Ba ngấn và bốn cổ là số bảy, tức nhớ nghĩ bảy giác chi, hợp với cái chóp nhọn là tám, tức nhớ nghĩ tám chánh đạo, diệt trừ tám nạn. Phần trên dùng thiếc, phần giữa dùng gỗ, phần dưới dùng sừng, ngà, như pháp mà thọ trì, hiện bày được oai nghi, giúp cho sau này chúng được quả vị, mau thành chánh giác.

---o0o---

PHÉP TẮC HẰNG NGÀY

Pháp dạy về bát: Khi thượng đường muốn cầm bát thì trước phải rửa tay cho sạch, lấy khăn lau tay cho khô, ngón giữa kẹp cái khăn, đợi khi hết hồi chuông mà kẹp khăn như pháp cầm bát niệm bài kệ.

Cầm giữ bát này

Nguyện cho chúng sanh

Thành tựu pháp khí

Nhận trời người cúng.

Án chỉ rị, chỉ rị phạ nhật ra hồng phẩn tra.

Cầm bát nên dùng hai tay bợ ở dưới, khiến cho cán muống hướng vào thân. Khi cầm bát không được quá cao, không được quá thấp, nên để ngang ngực là vừa. Đến chỗ ngồi phải để khăn xuống trước, kế đến để bát, bát thường phải cách đầu gối, không được để tay trên đầu gối, không được để cho bát nghiêng, nước trong bát nếu còn dư không được nghiêng đổ cho chảy trước sàng, khi mở bát niệm bài kệ:

Bát đúng lượng của Như Lai

Con nay được mở bày

Nguyện cùng tất cả chúng

Đều ba vòng vắng lặng.

Án tư ma ma ni tóa ha.

Phàm chỗ thọ thực phải khiến cho bát cách sàng ngồi. Lúc đọc cúng dường, ngón cái của tay phải đề lên ngón vô danh, tay trái cầm bát để ngang mày, vẫn cúng dường như thường lệ, khi xuất sanh đọc bài kệ:

Pháp lực không nghĩ bàn

Từ bi chẳng ngăn ngại

Bảy hạt biến mười phương

Thí khắp cùng sa giới.

Án độ lợi ích tóa ha.

Thị giả tống thực đọc rằng:

Chúng quý thần các vị
Ta nay thí cho người
Cơm này biến mười phương
Tất cả quỷ thần thấy.
Án mục lục lãng tóa ha.

Khảy tay ba lần, giờ Ngọ trai giống như thế, không cần phải đọc những kệ chú khác. Sau khi tụng thực xong, lại xướng Tăng bạt.

Phật dạy tỳ kheo, khi ăn phải nghĩ 5 pháp quán, nếu tán tâm nói chuyện tạp tín thí khó tiêu, đại chúng nghe tiếng khánh đều khởi chánh niệm. Thị giả đánh một tiếng khánh, đại chúng tụng 5 phép quán.

- 1/ Kể công nhiều ít so lường chỗ kia đem tới.
- 2/ Xét đức hạnh của mình đủ thiếu mà nhận cúng.
- 3/ Ngừa tâm lìa lỗi, tham... là gốc.
- 4/ Chính là vị thuốc hay để chữa bệnh khô gầy.
- 5/ Vì thành đạo nên mới thọ cơm này.

Muỗng thứ nhất: Nguyện đoạn tất cả các điều ác.

Muỗng thứ hai: Nguyện tu tất cả các điều thiện.

Muỗng thứ ba: Nguyện tu được công đức lành gì xin hồi hướng cho tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo.

Phàm khi ăn cơm, phải dùng đầu muỗng múc thức ăn, nên đưa thẳng cho đầu muỗng vào miệng, không được há miệng quá to, không được tay để thức ăn trên khăn mà ăn, không được dùng muỗng đưa vét bát khiến cho ra tiếng, nếu có cơm rơi ở trên khăn thì không được nhặt ăn, nên gom lại một chỗ giao cho tịnh nơn, trong bát nếu có cơm dư không được đem về trong phòng, khi kết trai đọc chú chuẩn đề hoặc chú tiêu tai xong, tiếp đọc rằng:

“Nói đến việc bố thí, nhất định sẽ được lợi ích, nếu có ai vì an vui mà bố thí, sau ắt được an vui”.

Kể đến đọc:

“Ăn cơm đã xong...” như thường lệ. Khi nhận quà đọc tâm kinh xong, lại đọc kệ:

Tài và pháp đều thí

Bằng nhau không sai khác

Bố thí Ba La Mật

Được đầy đủ viên mãn.

Khi ra nhà ăn, trước phải mở cửa vệt qua hai bên. Nên khiến cho cán muống quay vào thân, cầm bát nên để ngang ngực, không được liếc ngó, khi ra cửa phải đi một bên hành lang. Trước vào nhà cũng vậy, về phòng trước hết phải lấy nước ngâm bát, nên dùng một chậu nước to, dùng nước xà phòng chế trong bát để ngâm, nước có thể chùng hai tác.

Sạch để bát nếu ngăn phải nhường cho thượng tòa, không được để lộn thứ tự đã an trí, muốn rửa bát trước phải vén y phục, chớ cho chấm đất, phải rửa bát bằng nước sạch một lần, kể đến dùng nước xà phòng chế vào bát. Hai phần trên bên ngoài bát là sạch, một phần dưới là dơ. Hễ đem đổ nước rửa bát thì không được ở độ cao, nên phải khom lưng cúi đầu mà đổ nước, khiến cho bát cách đất một gang tay, dùng nước nóng rửa, thì không làm tổn hại đến độ bóng của bát, trầy bát, nếu bát bị trầy thì dễ dính chất nhờn rất khó rửa, khi rửa bát phải cách đất bảy tác chớ để khua ra tiếng, ba lần thay nước, khi muốn đổ nước thì không được đổ vãi ra đất, khi đổ nước rửa bát đọc thâm bài kệ:

Tôi đem nước rửa bát

Như nước cam lộ trời

Thí cho các quỷ thần

Khiến đều được no đủ.

Ăn ma hươu ra tất tóa ha.

Lại có bảy việc.

1/ Trong bát có cơm thừa, không được tùy tiện bỏ.

2/ Muốn bỏ cơm trong bát, nên phải để ở chỗ sạch.

3/ Nên dùng nước tro hoặc nước cỏ cây.

4/ Không được ở nơi đất sạch rửa bát, ngang đường đi.

5/ Rửa bát phải ở nơi phía dưới có cành cây.

6/ Phải thay nước sạch, không được hắt đổ ra xa.

7/ Muốn đổ nước trong bát, nên cách đất bốn tấc, không được khiến cho có cao có thấp.

Năm việc lau bát.

1/ Phải rửa tay, lau cho khô.

2/ Nên đem khăn tay sạch để trên đầu gối.

3/ Nên lau khô ở trong trước.

4/ Đã lau bên ngoài xong thì không được lau lại bên trong.

5/ Bát đã lau khô liền phải đem khăn tay sạch phủ lên trên túi đựng bát, nếu chưa khô phải đợi cho khô. Khi có việc gấp phải đi thì có thể để ở giữa trời nắng hoặc hơi lửa cho khô. Lúc mang bát đi khất thực, thường để ở hông bên trái.

Oai nghi khi mang bát. Lúc mang bát ra đi thì phải hướng ra ngoài, được thức ăn trở về phải hướng vào trong, nơi cúng thức ăn đều phải chú nguyện.

Nếu được mời cơm thì không được vơ vét trong bát, không được gõ đũa trên bàn, không được đem cơm cho chó riêng, hoặc quăng cho chó. Thí chủ đem cơm thêm thì không nên nói không dùng, nếu đã no rồi thì nên lấy tay từ đi. Khi ăn cơm ở dưới gốc cây không được lấy cỏ sạch lau bát. Khi đi

thì mang bát theo thân, phải hướng miệng bát ra ngoài, không được treo bát ở đầu gậy, giữa đường gậy thầy nên cầm bát để xuống đất làm lễ, như phép thờ thầy xong, lấy bát thầy và cầm đi theo sau.

* Pháp cầm tích trượng.

Khi ra đi nhận được từ của Sa Di liền đọc bài kệ.

Tay cầm tích trượng

Nguyện cho chúng sanh

Lập hội thí lớn

Bày đạo như thật.

Án na lật thế na, lật thế tra, bát đề na, lật đề na dạ bát nánh hồng phân tra.

Khi đi thì để dưới hông bên trái, dùng ngón tay út nắm giữ, khiến hai đầu đều nhau, không cho cao thấp, khi dừng lại thì: Tăng dựng đứng ở trên trên chân trái, Ni dựng đứng ở trên chân phải, không được chắm đất. Nếu ăn xong, ở gần cho ba nhà, xa thì bảy nhà; nếu không được, lại không nên nhận nhiều hơn, nếu hơn thì chẳng phải pháp của người tu.

Nếu như trong giới hạn mà được thức ăn, cầm cây tích trượng máng ở trên cây, chớ để dính đất, nếu không có cây thì để ở chỗ đất bằng, không nên để nghiêng ngả. Khi ngủ thì gậy và thân xuôi chiều, để ở sau giường, ngang bằng với thân, không trước không sau; đi đường lúc dừng nghỉ thì đầu nên hướng về mặt trời mọc, chớ để trái ngược.

Cầm tích trượng có 11 việc.

1/ Vì đất có trùng.

2/ Vì tuổi già.

3/ Vì phân biệt để vượt qua.

4/ Không được tay cần đánh đặng xa.

5/ Không được vác tích trượng ở trên vai.

- 6/ Không được vác ngay trên vai ló ra hai đầu.
- 7/ Ra vào thấy hình tượng Phật thì không cho phát ra tiếng.
- 8/ Cầm tích trượng không được vào trong chúng.
- 9/ Không được dúi cầm đến phía nhà sau.
- 10/ Không được cầm gậy từ trong đi ra.
- 11/ Không được lấy gậy chỉ người, vẽ đất, viết chữ.

Có bốn việc được đi ra từ bên trong.

- 1/ Ở xa xin đến ngủ.
- 2/ Đến nhà người bệnh.
- 3/ Đưa người qua đò.
- 4/ Ngoại đạo thỉnh.

Lại có năm việc:

- 1/ Ba thầy đều đi ra, không được cầm gậy tự đi theo.
- 2/ Bốn người cùng đi.
- 3/ Trừ thượng tòa không được, mọi người đều cầm.
- 4/ Đến trước cửa đàn việt, ba lần rung lên, khi rung ba lần họ không ra thì đi đến nhà khác.
- 5/ Xin thức ăn ra, nên cầm gậy để chính giữa cánh tay trái.

Lại có năm việc.

- 1/ Gậy thường ở trong phòng của mình, không được lìa thân.
- 2/ Không cho đầu gậy chạm đất.
- 3/ Không cho dùng gậy để máng áo.

4/ Mỗi ngày cần phải lau chùi.

5/ Gậy muốn đem ra thì phải nhận từ tay Sa Di. Nếu không có Sa Di thì tịnh nhơn cũng được.

Xuống giường đọc bài kệ.

Từ sớm giờ Dần cho đến tối

Tất cả mọi loài tự lánh xa

Nếu như chân đạp nát thân hình

Nguyện cho cả thủy sanh Tịnh Độ.

Án dật đế luật ni ta bà ha.

Đi đường không tổn thương đến côn trùng, đọc bài kệ.

Nếu dỏ bước chân

Nguyện cho chúng sanh

Khỏi biên sanh tử

Đủ các pháp lành.

Án địa lợi nhật lợi ta bà ha.

Nhấn nhành dương đọc bài kệ.

Khi nhấn nhành dương

Nguyện cho chúng sanh

Tâm được thanh tịnh

Hết các phiền não.

Án A mộ già di ma lệ, nhĩ phạ ca ra, tạng du đà nễ, Bát đầu ma, câu ma ra, nhĩ phạ tạng thâm đà da, đà ra đà ra, tổ di ma lê ta phạ ha.

Khi rửa mặt đọc bài kệ.

Lấy nước rửa mặt

Nguyện cho chúng sanh

Được pháp thanh tịnh

Mãi không cầu nhiễm.

Án lam tá ha.

Khi cạo tóc đọc bài kệ.

Cạo bỏ râu tóc

Nguyện cho chúng sanh

Lìa hết phiền não

Rốt ráo vắng lặng.

Án tất điện đô mạn đa ra bạt đà da ta bà ha.

Khi uống nước đọc bài kệ.

Phật quán một bát nước

Có tám muôn bốn ngàn trùng

Nếu không trì chú này

Như ăn thịt chúng sanh.

Án phạ tất ba la ma ni ta bà ha.

Khi tắm đọc bài kệ.

Tẩy rửa thân thể

Nguyện cho chúng sanh

Thân tâm không dơ

Trong ngoài sáng sạch.

Án bặt chiết ra, nã ca tra ta bà ha.

Đi quanh tháp đọc bài kệ.

Quanh bên phải tháp.

Nguyện cho chúng sanh

Việc làm không trái

Thành tất cả trí.

Nam mô tam mãn đà một đà năm. Đổ ba đổ ba ta bà ha.

Lên nhà xí khải tay ba lần đọc bài kệ.

Khi đại tiểu tiện

Nguyện cho chúng sanh

Bỏ tham sân si

Trừ hết các tội.

Án ngân lỗ đà da ta bà ha.

Khi rửa sạch đọc bài kệ.

Việc rồi đến nước

Nguyện cho chúng sanh

Trong pháp xuất thế

Mau chóng đạt được.

Án hạ năng mật lật đế ta bà ha.

Khi rửa tay đọc bài kệ.
Lấy nước rửa tay
Nguyện cho chúng sanh
Được tay trong sạch
Thọ trì Phật pháp.
Án chủ ca ra da ta ha.
Bỏ dơ đọc bài kệ.
Rửa sạch hình dơ
Nguyện cho chúng sanh
Trong sạch hòa nhã
Rốt ráo không dơ.
Án thất lợi duệ ta hê ta ha.
Đáp y năm điều đọc bài kệ.
Lành thay áo giải thoát
Ruộng phước không gì hơn
Con nay đầu đội nhận
Đời đời không lìa bỏ.
An tất đà da ta bà ha.
Đáp y bảy điều đọc bài kệ.
Lành thay áo giải thoát
Ruộng phước không gì hơn

Con nay đầu đội nhận
Đòi đòi thường được đắp.
Án độ ba, độ ba ta bà ha.
Đắp đại y đọc bài kệ.
Lành thay áo giải thoát
Ruộng phước không gì hơn
Vâng giữ Như Lai mạng
Rộng độ các chúng sanh.
Án ma ha ca ba ba tra tát đế ta ha.
Trải tọa cụ đọc bài kệ.
Tọa cụ Ni Sư Đàn
Nuôi dưỡng tánh mạng tâm
Mở bày lên bậc thánh
Vâng giữ Như Lai mạng.
Án đàn ba đàn ba ta ha.
Lên đạo tràng đọc bài kệ.
Nếu được thấy Phật
Nguyện chúng sanh
Được mắt vô ngại
Thấy tất cả Phật.
Án a mật lật đế hồng phẩn tra.

Lúc sắp ngủ đọc bài kệ.

Lúc đi ngủ nghỉ

Nguyện cho chúng sanh

Thân được an lạc

Tâm không loạn động

Quán tướng chữ A () một hơi hai mươi mốt biến, nằm nghiêng bên phải, kệ chú của thiên này vốn không có trong luật, luật thời nay tạm dẫn ra để học, cho nên chép vào để được dùng đầy đủ.

---o0o---

BÀN VỀ SỰ SAI LÀM THỌ GIỚI

Người học giới luật sau này tự cho mình là đại trí, truyền thừa lẫn nhau một cách sai lầm, chẳng biết đó là điều sai quấy, trải qua mấy trăm năm như vậy. Nay vì lược nêu vài điều để đính chính lại những sai lầm, xin thông cáo khắp các vị đồng học nguyện y theo điều Phật dạy.

1/ Sai lầm khi truyền cho Sa Di ba y.

Trong Luật Sa Di chỉ được đắp man y An Đà Hội. Bộ Tát Bà Đa Luận chép: “Nên thọ trì hai y thượng hạ, y thượng là Uất Đa La Tăng, y hạ là An Đà Hội của Sa Di. Quyển Nam Sơn Tùy Cơ Yết Ma cũng có pháp thọ man y An Đà Hội của Sa Di. Bộ Căn Bản Bách Nhất Yết Ma chép: “Chúng cầu tịch mặc man y, nếu cho đắp năm điều thì thật là phi pháp”. Các đại sư ở quốc độ này đa phần trao cho Sa di ba y, không biết căn cứ vào đâu. Nếu căn cứ theo bộ Căn Bản chép: “Y năm điều còn không cho, huống hồ là cho cả ba y ư?”. Thời gian gần đây việc truyền trao giới pháp, đem cả ba y trao cho Sa Di, thật trái lời Phật dạy, là việc chẳng nên làm vậy.

2/ Sai lầm yết ma cho bốn người trở lên thọ giới một lần.

Trong Luật dạy việc thọ giới tỳ kheo, ban đầu chỉ cho thọ từng người, sau vì có tám nạn khởi lên, cho đến những nhân duyên khác thì cho ba người thọ một lần. Luật Thập Tụng chép: “Không được xướng nói cho bốn người được thọ đại giới”. Bộ Căn Bản Tạp Sự chép: “Không được cho bốn người

cùng thọ cận viên. Vì có sao? Sai là một chúng mà tác yết ma cho một chúng, thật trái với lý vậy”. Luật Ngũ Phần chép: “Tuyệt đối không được yết ma cho bốn người”. Các vị đại sư đời sau này không luận là số người nhiều ít đều yết ma cho thọ một đàn. Tệ hơn nữa là ở hai giới đàn Nam Bắc, do vì nhiều người nên cho thọ chung một lượt. Theo khoa nghi của giới đàn thì chỉ xưng là ba người, do đây mà biết bốn người trở lên là trái với nghi thức thọ giới vậy.

3/ Sự sai lầm Ni thọ giới chung với Tỳ kheo.

Theo Luật: Giới tỳ kheo ni thật bất đồng với giới của tỳ kheo, ngay cả vấn đề già nạn để được thọ giới cũng hoàn toàn khác hẳn. Bởi lẽ nam, nữ riêng biệt. Những năm gần đây các vị đại sư khi thuyết giới, bèn cho Ni lẫn lộn vào thọ giới chung với Tỳ kheo. Do đó mà người nữ trở thành thọ giới khác. Đàn giới đã hỗn loạn, chẳng những Ni không đắc giới mà ngay cả tỳ kheo cũng không đắc giới, điều này phải suy nghĩ.

4/ Sự sai lầm may y quá lượng.

Trong luật Phật dạy: “An Đà Hội dài bốn khủy tay, rộng hai khủy tay. Uất Đa La Tăng dài năm khủy tay, rộng ba khủy tay, Tăng Già Lê cũng vậy”. Thời gian gần đây các vị đại sư thu nhỏ y năm điều, không biết người nào đề xướng sai lầm quá mức như vậy. Lại có nơi may y năm điều bằng với kích cỡ y bảy điều, cũng chẳng phải là Phật dạy. Đến như, y bảy điều, đại y, phần nhiều may bề dài sáu khủy tay, đã hơn thì theo pháp không được đắp.

Vậy mà vẫn an nhàn để ở trên vai trái, tôi từng hỏi duyên có ấy, thì họ bảo rằng Thích tử đầu tròn áo vuông, nếu chỉ dài năm khủy tay thì không vuông. Vì họ không biết rằng hai chữ “phương bào” vốn chẳng phải Phật nói, thì sao lại cố chấp cho là hạn định. Vậy thì may năm khủy tay không thể gọi là vuông sao?. Tập tục truyền nhau, không chịu tra xét, thật đáng buồn thay!

5/ Sự sai lầm bỏ phí y của vị Tăng qua đời.

Luật dạy: “Y bát của vị Tăng qua đời không được mang theo. Người sau khi mất, Phật dạy phải đem tài vật cho người nuôi bệnh, nếu người nuôi bệnh đã có thì trong chúng bạch nhị yết ma phân chia, nhưng y phải có người truyền thọ rồi mới được đắp vậy”.

Thời gian gần đây các vị đại sư phần nhiều cho rằng, y của vị Tăng qua đời thì không được đắp, rồi dạy nhau treo ở trên cây mặc tình để cho nó mục, đây thật là trái lời Phật dạy. Huống chi, đức Phật đã từng bảo, y tuy rách nát không thể đắp cũng chẳng nên bỏ phí, nhẫn đến làm tim đèn cũng có thể làm cho người tín thí thêm lớn ruộng phước, nay mặc tình để cho nó mục là chuyện nên sao?.

6/ Sự sai lầm truyền y cho cư sĩ.

Cư sĩ thọ năm giới không được đắp y, nếu thọ giới Bồ tát và lúc vào đạo tràng thì cho đắp y nhưng không được cắt rọc, chỉ may một đường làm thành, chẳng cho cắt rọc may thành giống như y của đại Tăng. Cho nên Phật dạy: Y này là một tên gọi ba y, cũng gọi là y thế tục. Há có thể cho đắp y đại Tăng ư? Dù y có may một đường cũng khó thọ trì như pháp, cùng ngủ chung với vợ con thì y này để ở chỗ nào? Thật là mắc tội trái pháp. Nếu nói rằng cất chứa ban ngày, như vậy thì không thọ vẫn tốt hơn.

Cho nên trước thì có ngài Từ Vân bàn luận, sau thì có ngài Vân Thê, há không biết sao!.

7/ Sự sai lầm không thọ học giới.

Phật dạy Sa Di Ni muốn thọ giới cụ túc, trước hết phải thọ giới Thức Xoa Ma Na hai năm, học luật nghi của tỳ kheo ni, rồi sau mới cho tiến cụ. Cho nên lúc thọ đại giới của Ni, vấn già nạn xong, lại hỏi: “Người có trải qua thời gian hai năm học giới không?”. Đáp: “Đã học”. Lại hỏi: “Học giới có thanh tịnh không?”. Đáp: “Thanh tịnh”. Lại nữa, chư Ni cũng hỏi như thế, (và các giới tử) Ni cũng đáp như thế. Nếu như không thọ giới Thức Xoa Ma Na thì không cho thọ đại giới của Ni. Ngày nay hầu hết Ni không thọ giới này, lại có người nói Thức Xoa Ma Na là giới của người nữ tại gia. Thật là truyền nhau một cách sai lầm, tệ hại đến thế, thật đáng thương thay!

8/ Sự sai lầm sửa đổi khoa văn.

Pháp thọ giới trong các bộ, văn từ có ghi chép rõ ràng, Bản Giới Đàn Chiêu Khánh do người thời sau này thêm thắt vào, chẳng phải là bản xưa của sư Đại Trí Chiếu.

Như lúc hỏi già nạn có hai điều nhầm lẫn, trong tam yết ma có ba sự lầm lẫn, người biết thật khó mà y cứ để thọ trì. Thời gian gần đây có người tự ý mình thông minh, hoàn toàn không biết gì về luật, lại khi dối đem ý

mình để sửa lại, đem ba y trao cho bạch y tập học, không biết căn cứ từ bộ luật nào, đến ngày sắp đăng đàn phần nhiều thêm vào việc xướng tụng, làm đẹp lòng người xem nghe, rõ ràng y như những hạng người ứng phó. Đâu phải là phép tắc hoàng truyền luật tạng, nếu chịu một phen xem qua luật tạng cũng nên tự biết mà xấu hổ vậy.

9/ Sự sai lầm rối loạn trong lúc đăng đàn.

Phàm người thọ giới, trước thỉnh Pháp sư, thập sư đăng đàn mới tác bạch sai giáo thọ sư, giáo thọ sư xuống đàn, ở chỗ mắt thấy tai không nghe mà hỏi già nạn. Hỏi xong bèn lên đàn bạch với các sư, bạch rồi mới cho vời giới tử lên đàn. Đây là qui củ của người xưa. Quyển giới đàn Chiêu Khánh cũng như thế. Vậy mà các sư thời nay gom hết giới tử vào trong đàn, thỉnh thập sư, hỏi già nạn và yết ma thọ giới chỉ ở một chỗ, rồi đem khoa văn đọc một lượt từ đầu đến cuối, đã trái với lời Phật dạy, cũng chẳng phải là nghi thức của giới đàn Chiêu Khánh xưa kia. Không biết theo phép tắc nào mà làm lộn xộn đàn pháp, Đây thật là việc làm quá sai lầm, người trí tự nên tra xét.

---o0o---

PHÁP SỐ LUẬT HỌC

Giới có hai loại.

1/ Tánh giới : Việc ấy tánh nó vốn là ác, xưa nay đều cấm, như bốn giới sát sanh, trộm cắp, dâm, nói dối.

2/ Giá giới : Việc ấy vốn chẳng phải là ác, xưa nay chưa cấm ngăn, Phật ra đời mới cấm, như giới uống rượu.

Yết ma có hai ý.

1/ Thành thiện: Như kết giới, thọ giới.

2/ Trị tội: Như sám hối cho đến điều phục, đuổi hẳn.

Quân trì nhị dụng.

1/ Tịnh dụng: đồ sớ.

2/ Xúc dụng: đồng, sắt.

Hai thời đầu đà.

Từ mười lăm tháng giêng đến mười lăm tháng ba. Mười lăm tháng tám đến mười lăm tháng mười. Đây là hai khoảng thời gian hành hạnh đầu đà.

Ba loại yết ma.

1/ Đơn bạch yết ma, nghĩa là bạch một lần.

2/ Bạch nhị yết ma, nghĩa là một lần bạch, một lần yết ma.

3/ Bạch tứ yết ma, nghĩa là một lần bạch, ba lần yết ma.

Ba loại yết ma này đầy đủ trong tất cả các pháp yết ma.

Ba pháp yết ma.

- Người ở một mình, chỉ tâm niệm nói.

- Ba người trở xuống cùng ở chung, đối thú cùng bạch.

- Bốn người trở lên cùng ở, tập chúng yết ma.

Luật có ba tên.

1/ Tỳ Ni: Trung Hoa dịch là Thiện chế, cũng gọi là Diệt.

2/ Ba La Đề Mộc Xoa: Trung Hoa dịch là Bảo Giải Thoát, cũng gọi là Biệt Giải Thoát.

3/ Thi La: Trung Hoa dịch là giới.

Ba tâm trì giới.

1/ Chán các pháp hữu vi.

2/ Mong đến nẻo Bồ Đề.

3/ Thương xót hữu tình.

Ba tòa hạ lạp.

1/ Không hạ đến chín hạ gọi là hạ tòa.

2/ Mười hạ đến mười chín hạ gọi là trung tòa.

3/ Hai mươi hạ đến bốn mươi hạ gọi là thượng tòa, năm mươi hạ trở lên gọi là kỳ túc. Đây là đối tượng cung kính của tất cả các Sa môn.

Khi ăn lìa ba điều lỗi.

1/ Thức ăn quá ngon khởi tham

2/ Thức ăn ngon vừa khởi sân.

3/ Thức ăn dở khởi si.

Thế nên phải ngừa tâm lìa lỗi.

Minh tướng xuất có ba.

1/ Mặt trời mới rọi xuống thân cây Diêm Phù Đề, trời còn màu đen.

2/ Mặt trời rọi đến lá cây, trời có màu xanh.

3/ Mặt trời rọi qua khỏi cây, trời có màu trắng.

Trong Luật nói minh tướng xuất chính là lấy màu trắng này vậy.

An cư lìa ba lỗi.

1/ Không có việc đi du hành, làm ngăn ngại tu đạo nghiệp.

2/ Tôn hại đến mạng sống của sinh vật, thật trái với lòng từ bi.

3/ Việc làm đã quấy nên chuốc sự chê gièm của thế gian.

Tiền tẩm Phật chia làm ba phần.

Một phần sử dụng cho Phật, một phần sử dụng cho Pháp, một phần sử dụng cho Tăng, ngoài ra không được dùng vào những trường hợp khác.

Bốn bậc Hòa thượng.

- 1/ Có pháp có áo cơm.
- 2/ Có pháp không có áo cơm.
- 3/ Không pháp có áo cơm.
- 4/ Không pháp không áo cơm.

Hai bậc trước có thể nương tựa, hai bậc sau không nên nương tựa.

Bốn đối tượng không được nương tựa.

- 1/ Người già.
- 2/ Người ở nơi xa xôi.
- 3/ Người ác.
- 4/ Người có thể lực.

Bốn điều lợi cần phải ăn.

- 1/ Nuôi thân vì đạo.
- 2/ Nuôi dưỡng trùng trong thân.
- 3/ Để người thí sanh phước.
- 4/ Phá trừ ngoại đạo đói khát.

Bốn loại thường trụ.

1/ Thường trụ thường trụ: Nghĩa là: Kho bếp của chúng tăng, các thứ đồ dùng trong chùa như: Hoa quả, cây cối, vườn ruộng, người phục dịch, súc vật... chỉ được thọ dụng, không cho bán.

2/ Mười phương thường trụ: Nghĩa là những thực phẩm cúng cho Tăng, thể vốn trùm khắp cả mười phương, chỉ hạn cuộc ở trụ xứ.

3/ Hiện tiền hiện tiền: Nghĩa là Tăng được thí chủ cúng tài vật, vì chỉ cúng cho những vị Tăng hiện tiền ở trú xứ này.

4/ Mười phương hiện tiền: Nghĩa là năm chúng qua đời. Có bao nhiêu tài vật tầm thường nên phân chia, lúc chưa yết ma mười phương Tăng đến đều được phần, nhưng khi yết ma rồi thì mười phương Tăng đến không được phần.

Bốn loại tà mạng.

1/ Phương khẩu thực: Nịnh nọt những kẻ giàu sang, thế lực, đi sứ khắp nơi.

2/ Duy khẩu thực: Dùng các loại chú thuật, bói toán tốt xấu.

3/ Ngưỡng khẩu thực: Đoán xem tinh tú để tự nuôi thân.

4/ Há khẩu thực: Trồng trọt, ruộng vườn, bào chế thuốc thang.

Bốn nghĩa Tỳ Ni.

1/ Như đất bằng trong Phật pháp, muôn hạt giống lành từ đây mà sanh.

2/ Tất cả đệ tử Phật đều nương theo giới mà an trụ, tất cả chúng sanh nương theo giới mà có.

3/ Là cửa ngõ ban đầu đi đến bờ Niết Bàn.

4/ Là chuỗi anh lạc trong Phật pháp để trang nghiêm pháp thân.

Bốn nghĩa Thi La.

1/ Thanh lương: Xa lìa tâm nóng bức.

2/ An ổn: Làm nhân an vui cho đời sau.

3/ An tĩnh: Kiến lập được chí và quán.

4/ Tịch diệt: Được nhân Niết Bàn an vui.

Bốn cách ăn của hạnh Đầu Đà.

- 1/ Khất thực.
- 2/ Không làm pháp dư thực.
- 3/ Ngồi ăn một lần.
- 4/ Một bát đựng đầy, vắt cơm ăn.

Bốn ngôi vị Đâu Đà.

- 1/ Y: Túc áo chằm, ba y.
- 2/ Thực: Xin ăn, ngồi ăn một bữa.
- 3/ Xứ: Ở dưới gốc cây, A Lan Nhã, gò mã.
- 4/ Thường: Thường ngồi, ở đây là không có thứ lớp.

Bốn ý khất thực.

- 1/ Làm phước lợi cho chúng sanh.
- 2/ Dẹp trừ lòng kiêu mạn,
- 3/ Biết thân là khổ.
- 4/ Trừ bỏ chấp trước

Bốn phần khất thực.

- 1/ Cúng cho người đồng phạm hạnh.
- 2/ Cho người nghèo hèn.
- 3/ Cho các qui thần.
- 4/ Tự mình ăn.

Năm loại tà mạng.

- 1/ Vì lợi dưỡng, giả hiện ra hình tướng lạ lùng.

- 2/ Vì lợi dưỡng, tự nói công đức.
- 3/ Xem tướng tốt xấu, nói pháp cho người.
- 4/ Lớn tiếng hiện oai, khiến người kính sợ.
- 5/ Nói việc cúng dường để động tâm người.

Năm pháp sám hối

- 1/ Bày vai áo bên phải.
- 2/ Gối phải chắm đất.
- 3/ Dốc lòng chấp tay.
- 4/ Đầu mặt lễ dưới chân.
- 5/ Miệng nói tên tội.

Năm đối tượng cúng dường :

- 1/ Cha.
- 2/ Mẹ.
- 3/ Thầy dạy học.
- 4/ Thầy dạy oai nghi giới luật.
- 5/ Người bệnh.

Phật dạy Tỳ kheo nên hết lòng suốt đời cúng dường cha mẹ v.v...

Năm chỗ không nên đi.

- 1/ Nhà quan.
- 2/ Chỗ bán rượu.
- 3/ Nhà kẻ đồ tể.

4/ Nhà dâm nữ.

5/ Nhà Chiên Trà La.

Năm bực Xà Lê.

1/ Xuất gia Xà Lê.

2/ Yết ma Xà Lê.

3/ Giáo thọ Xà Lê.

4/ Dạy kinh Xà Lê.

5/ Y chỉ Xà Lê.

Năm loại Thủy la.

1/ Phương la: Dùng loại lụa hai thước hoặc ba thước, tùy theo thời mà làm lớn nhỏ.

2/ Pháp bình : Tức là bình âm dương.

3/ Quân trì: Dùng loại lụa để quấn quanh miệng, thông dây thả xuống nước, đợi đầy rồi xách lên.

4/ Chúc thủy la: Chỉ lấy lụa dày vuông chừng một bàn tay hoặc quấn qua miệng bình.

5/ Y giác la: Hoặc lược nước ở trong bát.

Năm loại tịnh địa.

1/ Khởi tâm: Nghĩa là lúc mới xây chùa. Khi đã xác định nền móng, một tỳ kheo nên khởi tâm ở ngôi chùa này có thể lấy một phòng làm nhà cho Tăng.

2/ Cộng ân trì: Nghĩa là lúc xác định nền móng, một tỳ kheo bảo các tỳ kheo: Nay các vị cụ thọ dụng tâm ân nên lấy một phòng ở ngôi chùa này làm tịnh trù cho Tăng.

3/ Như trâu nằm: Nghĩa là trong chùa, phòng nhà giống như trâu nằm, cửa phòng không có định chỗ, dù ban đầu không tác pháp nhưng nơi này cũng được làm tịnh trụ.

4/ Chỗ cũ đã bỏ: Nghĩa là nơi tăng xá cũ đã bỏ lâu rồi, như sửa sang lại đến chạm ở chỗ cũ thì liền trở thành tịnh vậy.

5/ Tác pháp yết ma: Nghĩa là chúng Tăng đã định nơi... bạch nhị yết ma kết giới tịnh trụ.

Năm đức của Tỳ kheo.

1/ Bố ma.

2/ Khất sĩ.

3/ Tịnh giới.

4/ Tịnh mạng.

5/ Phá ác.

Năm phước trì trai.

Phật dạy một ngày trì trai có sáu mươi vạn năm lương thực. Lại có năm thứ phước:

1/ Ít bệnh.

2/ Thân an ổn.

3/ Ít dâm.

4/ Ít ngủ.

5/ Sanh về cõi trời, biết được kiếp trước.

Trong kinh nói về trai là chẳng phải chỉ không ăn thịt mà bao gồm cả không uống rượu, không ăn ngũ tân, qua giờ Ngọ không ăn, và dứt các ác nghiệp.

Năm pháp vào trong chúng.

- 1/ Phải thương yêu kính trọng mọi người.
- 2/ Phải hạ thấp mình như lúc lau sạch bụi trần.
- 3/ Biết ngồi đứng cúi ngửa hợp thời.
- 4/ Ở trong Tăng không được nói chuyện tạp.
- 5/ Việc không thể nhẫn nhịn được cũng nên im lặng.

Nam loại thanh tịnh khi ăn trái cây.

- 1/ Hỏa tịnh (dùng lửa nướng).
- 2/ Dao tịnh (dùng dao gọt).
- 3/ Sang tịnh (trái bị úng).
- 4/ Điều trác tịnh (trái bị chim mổ).
- 5/ Bất trúng chủng tịnh (trái khi xẻ không làm trúng hạt).

Năm loại trái cây thanh tịnh này nên ăn. Trong đó dao tịnh, sang tịnh, điều trác tịnh nên bỏ hạt rồi ăn. Còn hai loại hỏa tịnh, bất trúng chủng tịnh đều được ăn.

Lại có 5 loại tịnh.

- 1/ Hoặc trái cây bị nứt vỏ rớt.
- 2/ Hoặc gọt vỏ.
- 3/ Hoặc bị thối.
- 4/ Hoặc bị tách ra.
- 5/ Hoặc mũ bị ú khô.

Ngủ nghỉ có năm lỗi.

- 1/ Ác mộng.

- 2/ Chư Thiên không ủng hộ.
- 3/ Tâm không thâm nhập Phật pháp.
- 4/ Không tư duy minh tướng
- 5/ Ưa xuất tinh.

Nhãn hành dương có năm điều lợi.

- 1/ Cổ họng đượm nhuận.
- 2/ Trừ nóng bức.
- 3/ Trừ bệnh phong.
- 4/ Tiêu thức ăn.
- 5/ Sáng mắt.

Không nhãn hành dương có năm điều lỗi.

- 1/ Hơi miệng hôi.
- 2/ Miệng không có vị khác.
- 3/ Đàm không tiêu.
- 4/ Không tiêu hóa thức ăn.
- 5/ Mắt không sáng.

Ăn ngũ tân có năm lỗi.

- 1/ Phát sanh lỗi lầm.
- 2/ Chư Thiên xa lánh.
- 3/ Quý thân thân cận.
- 4/ Phước đức hao mòn.

5/ Ma nhóm họp.

Năm pháp vào nhà thế tục.

1/ Vào cửa phải nói nhỏ.

2/ Nhiếp giữ thân, miệng, ý.

3/ Hạ thấp mình.

4/ Khéo giữ các căn.

5/ Oai nghi chững chạc, khiến người sanh lòng hoan hỷ.

Năm điều lợi ích khi thọ giới Bồ tát.

1/ Mười phương chư Phật luôn thương xót hộ niệm.

2/ Khi mạng chung có tâm chánh kiến, hoan hỷ.

3/ Đòi đòi thường được làm bạn với chư Bồ tát.

4/ Chứa nhóm công đức thành tựu giới hạnh.

5/ Khiến cho tánh giới đời này đời sau được phước huệ tròn đầy.

Năm món phước không ăn sau giờ Ngọ.

1/ Ít dâm.

2/ Ít buồn ngủ.

3/ Được nhất tâm.

4/ Không hạ phong.

5/ Thân an ổn, ít bệnh.

Năm việc Tỳ kheo làm Tri sự.

1/ Báo ơn Phật.

2/ Trưởng dưỡng Phật pháp.

3/ Diệt trừ tâm phàm hèn thấp cống cao của đại chúng.

4/ Sau này chiết phục được tâm kiêu ngạo của đệ tử.

5/ Mở bày phước nghiệp đời sau.

Năm việc hàng Ưu Bà Tắc không nên làm.

1/ Mua bán súc sanh.

2/ Mua bán cung tên, dao gậy.

3/ Bán rượu.

4/ Ép dầu.

5/ Nghề nhuộm sắc chính, ngoại quốc ép dầu để làm màu nhuộm, đều rất tổn thương đến mạng sống của loài vật, cho nên không được làm.

Sáu pháp hòa hợp của Tăng già.

1/ Giới hòa cùng tu.

2/ Kiến hòa cùng giải.

3/ Thân hòa cùng ở.

4/ Lợi hòa cùng chia.

5/ Khẩu hòa không tranh.

6/ Ý hòa cùng vui.

Sáu vật của Tỳ kheo.

1/ Tăng Già Chi, Trung Hoa dịch là y kép.

2/ Ôt Đát La Tăng Già, Trung Hoa dịch là y trên.

3/ An Đát Bà Bà, Trung Hoa dịch là y trong.

4/ Ba Ôt La, Trung Hoa dịch là bát.

5/ Ni Sư Đàn Na, Trung Hoa dịch là tọa cụ.

6/ Bác Lý La La la phạt noa, Trung Hoa dịch là lựa lọc nước.

Tỳ kheo luôn đem sáu vật này theo bên mình, không thể tạm lìa.

Bảy món công đức trì luật.

1/ Giữ được nội tạng của Phật.

2/ Khéo dứt tranh cãi.

3/ Giữ giới.

4/ Ở trên hết các ngoại đạo do vì giữ luật.

5/ Không mưu bàn chuyện khác ở trong chúng do vì thuyết pháp vô úy.

6/ Dứt trừ được sự nghi ngờ.

7/ Khiến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Tám tướng khiến chánh pháp hoại diệt.

1/ Ưu thích y phục.

2/ Buông lung chơi bời.

3/ Tớ trai làm Tỳ kheo.

4/ Tớ gái làm Tỳ kheo ni.

5/ Không thích quán bất tịnh.

6/ Hủy báng tỳ ni.

7/ Ca sa đổi thành màu trắng, không chịu nhuộm màu.

8/ Tham dùng vật của Tam bảo.

Tám việc này Tăng, Ni thời nay đã phạm hết bảy, chỉ có ca sa là chưa biến thành màu trắng thổi, chẳng nguy hại sao?

Chín thứ tịnh nhục.

- 1/ Không vì mình giết.
- 2/ Không thấy giết.
- 3/ Không nghe giết.
- 4/ Không nghi vì mình giết.
- 5/ Vật tự chết.
- 6/ Chim ăn còn thừa.
- 7/ Đã chết khô.
- 8/ Không mong mà được.
- 9/ Đã bị giết chết rồi.

Mười điều lợi khi khất thực.

- 1/ Tự nuôi sống sanh mạng, tự do không lệ thuộc người.
- 2/ Người thí cho ta, mạng sống an trụ trong tam bảo, về sau sẽ được thức ăn.
- 3/ Nuôi dưỡng lòng bi.
- 4/ Thuận theo lời Phật dạy.
- 5/ Dễ đầy đủ để nuôi dưỡng.
- 6/ Phá trừ tâm kiêu mạn.
- 7/ Được căn lành vô kiến đánh.
- 8/ Thấy ta xin thức ăn, người khác sẽ bắt chước.

9/ Không có các duyên sự với nam nữ lớn nhỏ.

10/ Thứ lớp xin ăn, sanh lòng bình đẳng.

Mười pháp khát thực.

1/ Vì nhiếp thọ các chúng hữu tình.

2/ Thứ tự.

3/ Không mỏi mệt.

4/ Biết đủ.

5/ Vì để phân bố.

6/ Không đam mê.

7/ Biết lượng.

8/ Vì thiện phẩm hiện tiền.

9/ Vì thiện căn tròn đầy.

10/ Vì lìa ngã chấp.

Cháo có mười điều lợi.

1/ Sắc đẹp.

2/ Sức khỏe.

3/ Sống lâu.

4/ An vui.

5/ Lời lẽ trong trẻo.

6/ Biện tài.

7/ Đêm ăn dễ tiêu hóa.

8 / Trừ bệnh phong.

9/ Ngừa đói.

10/ Dứt khát.

Uống rượu có mười điều lỗi.

1/ Nhan sắc xấu xí.

2/ Hèn kém.

3/ Mắt nhìn không rõ.

4/ Hiện tướng giận dữ.

5/ Tiêu mất phước điền, nghiệp phát sanh.

6/ Dẫn đến tật bệnh.

7/ Sanh lòng đấu tranh.

8/ Tiếng xấu đồn xa.

9/ Trí huệ giảm dần.

10/ Chết đọa vào đường ác.

Không giết hại được mười công đức.

1/ Được pháp vô úy đối với tất cả chúng sanh.

2/ Được lòng đại từ đối với tất cả chúng sanh.

3/ Đoạn trừ những ác nghiệp nhóm họp.

4/ Ít bệnh.

5/ Sống lâu.

6/ Phi nơn ủng hộ.

- 7/ Không có ác mộng.
- 8/ Không có oán thù.
- 9/ Không sợ ác đạo.
- 10/ Mạng chung sanh về cõi lành.

Mười ba món tư cụ.

- 1/ Tăng già chi túc Đại y.
- 2/ Ổt Đát La Tăng túc y bảy điều.
- 3/ An Đát Bà Bà túc y năm điều.
- 4/ Ni Sư Đản Na túc tọa cụ.
- 5/ Quần.
- 6/ Phó quần.
- 7/ Tăng Khước Kỳ túc áo lót nách.
- 8/ Phó Khước Kỳ túc Cù Tu La.
- 9/ Khăn lau mình.
- 10/ Khăn lau mặt.
- 11/ Y cạo tóc.
- 12/ Y che ghè.
- 13/ Dược tư cụ y.

Ăn thịt có mười ba điều lỗi.

- 1/ Chúng sanh từ vô thủy vốn là cha mẹ ta.
- 2/ Thân mạng của mình và chúng sanh không khác.

- 3/ Tôn thương đến lòng từ.
- 4/ Tăng trưởng lòng giết hại.
- 5/ Tăng trưởng nghiệp oan trái.
- 6/ Tăng trưởng tập khí la sát.
- 7/ Tăng trưởng chứa nhóm uế trước.
- 8/ Tụng kinh, lễ Phật đều không có công đức.
- 9/ Tu học, trì chú đều không thành tựu.
- 10/ Thiên thần ngày càng xa lánh.
- 11/ Ác quỷ ngày càng thân cận.
- 12/ Súc sanh thấy sanh lòng sợ hãi.
- 13/ Chết đọa vào ác đạo.

Ba mươi lăm việc của Tỳ kheo bị tước đoạt.

Tỳ kheo phạm tội thô ác, tác bạch yết ma quả trách xong lại bị đoạt. Ba mươi lăm việc không được làm.

- 1/ Không được trao đại giới cho người.
- 2/ Không được nhận người y chỉ.
- 3/ Không được nuôi Sa di.
- 4/ Không được nhận Tăng sai đi giáo thọ tỳ kheo ni.
- 5/ Tăng sai giáo thọ thì không nên làm.
- 6/ Không được nói giới.
- 7/ Trong Tăng hỏi nghĩa của tỳ ni không được đáp.
- 8/ Tăng sai làm pháp yết ma thì không được làm.

9/ Những người trí huệ nhóm họp trong Tăng để cùng nhau bàn luận, không được tham dự vào.

10/ Tăng sai làm sứ tín mạng không được làm.

11/ Không được sáng sớm vào tụng.

12/ Không được (vào tụng) tối mới trở về.

13/ Nên gần gũi Tỷ kheo, không nên gần gũi ngoại đạo.

14/ Phải thuận theo Tỷ kheo dạy.

15/ Không được nói chuyện đời.

16/ Tùy theo những điều phạm lỗi chúng Tăng tác pháp yết ma quả trách không được phạm lại.

17/ Không được phạm tội tương tự vậy.

18/ Không được phạm tội từng sanh.

19/ Không được phạm lại tội này.

20/ Không được ngăn yết ma và làm người tác pháp yết ma.

21/ Tỷ kheo thanh tịnh trải tọa cụ cúng dường, không được thọ nhận.

22/ Không được nhận Tỷ kheo khác rửa chân.

23/ Không được nhận nước rửa chân của Tỷ kheo khác.

24/ Không được nhận Tỷ kheo khác lau giày guốc.

25/ Không được nhận sự thoa chà của Tỷ kheo khác.

26/ Không được nhận Tỷ kheo khác lễ bái.

27/ Không được nhận Tỷ kheo khác vái chào.

28/ Không được nhận Tỷ kheo khác thăm hỏi.

29/ Không được nhận Tỳ kheo khác đưa đón.

30/ Không được nhận Tỳ kheo khác cầm y bát.

31/ Không được cử tội hay làm pháp tự nói tội đối với Tỳ kheo thanh tịnh.

32/ Không được nói tội Tỳ kheo khác.

33/ Không được làm chứng việc của Tỳ kheo.

34/ Không được ngăn bố tát, tự tứ.

35/ Không được tranh cãi với Tỳ kheo khác.

Hai mươi lăm vị thần hộ giới

*** Không sát sanh.**

Trà Sô Tỳ Dũ Đà Nệ.

Luân Đà Lợi Thâu Đà Ni.

Tỳ Lô Giá Na Ba.

A Đà Long Ma ĐỂ.

Bà La Hoàn Ni Hòa Bà.

*** Không trộm cắp.**

ĐỂ Ma A Tỳ Bà Đà.

A Tu Du Bà La Ni.

Bà La Ma Đản Hùng Thôi.

Bà La Môn Địa Bệ Đa.

Na Ma Hô Đa Đa Xá.

*** Không tà dâm.**

Phật Đà Sơn Đà Lô Đa.

Bệ Xà Đa Tẩu Đa Bà.

Tử Đễ Hải Đà Đa Đa.

A La Đa Lại Đô Đa.

Bà La Na Phật Đàm.

*** Không nói dối.**

A Đề Phạm Giả San Túc.

Cổ Đài La Nhân Đài La.

A Đà Phong Đà La Đa.

Phật Đàm Di Ma Đa Sĩ.

Đa Lại Xoa Tam Mật Đà.

*** Không uống rượu.**

A Ma La Tư Đâu Hi.

Na La Môn Xà Đâu Đế.

Tát Bệ Mi Kiền Na Ba.

Xà Bệ Đẩu Tỳ Xá La.

Ca Ma Tỳ Na Xà Mi Khư.

Bốn loại Tăng.

1/ Tăng bốn người, thực hiện được tất cả các pháp yết ma trừ thọ đại giới, tỳ tứ, xuất tội Tăng tàn.

2/ Tăng năm người, thực hiện được tất cả các pháp yết ma trừ thọ đại giới, xuất tội Tăng tàn.

3/ Tăng mười người, thực hiện được tất cả các pháp yết ma trừ xuất tội Tăng tàn.

4/ Tăng hai mươi người, thực hiện được tất cả các pháp yết ma

Tám nạn.

Phàm khi nói giới, tự tứ... gặp tám nạn khởi lên thì được lược nói. tám nạn ấy là:

1/ Vua.

2/ Giặc.

3/ Nước.

4/ Lửa.

5/ Bệnh.

6/ Người.

7/ Phi nhơn.

8/ Ác thú.

Tám việc mất đêm.

Tỳ kheo phạm tội Tăng Tàn khi hành pháp biệt trụ, mỗi đêm cần phải bạch với đại chúng, nếu không bạch tám việc gọi là mất đêm.

Tám việc ấy là.

1/ Đến chùa khác không chịu bạch.

2/ Có khách Tỳ kheo đến không chịu bạch.

3/ Có duyên sự tự ra khỏi giới không chịu bạch.

4/ Trong chùa, khi đi gặp Tỳ kheo không chịu bạch.

5/ Bệnh không sai người mang tin đến chịu bạch.

6/ Hai hoặc ba người cùng ngủ một phòng.

7/ Ở nơi không có Tỳ kheo.

8/ Lúc mỗi nửa tháng không nói giới bạch. Tùy theo trái phạm một việc thì mất một đêm, mắc tội Đột Kiệt La.

Viên Giác 2002

Thích Thiện Phước dịch

---o0o---

HẾT